

Số 350

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

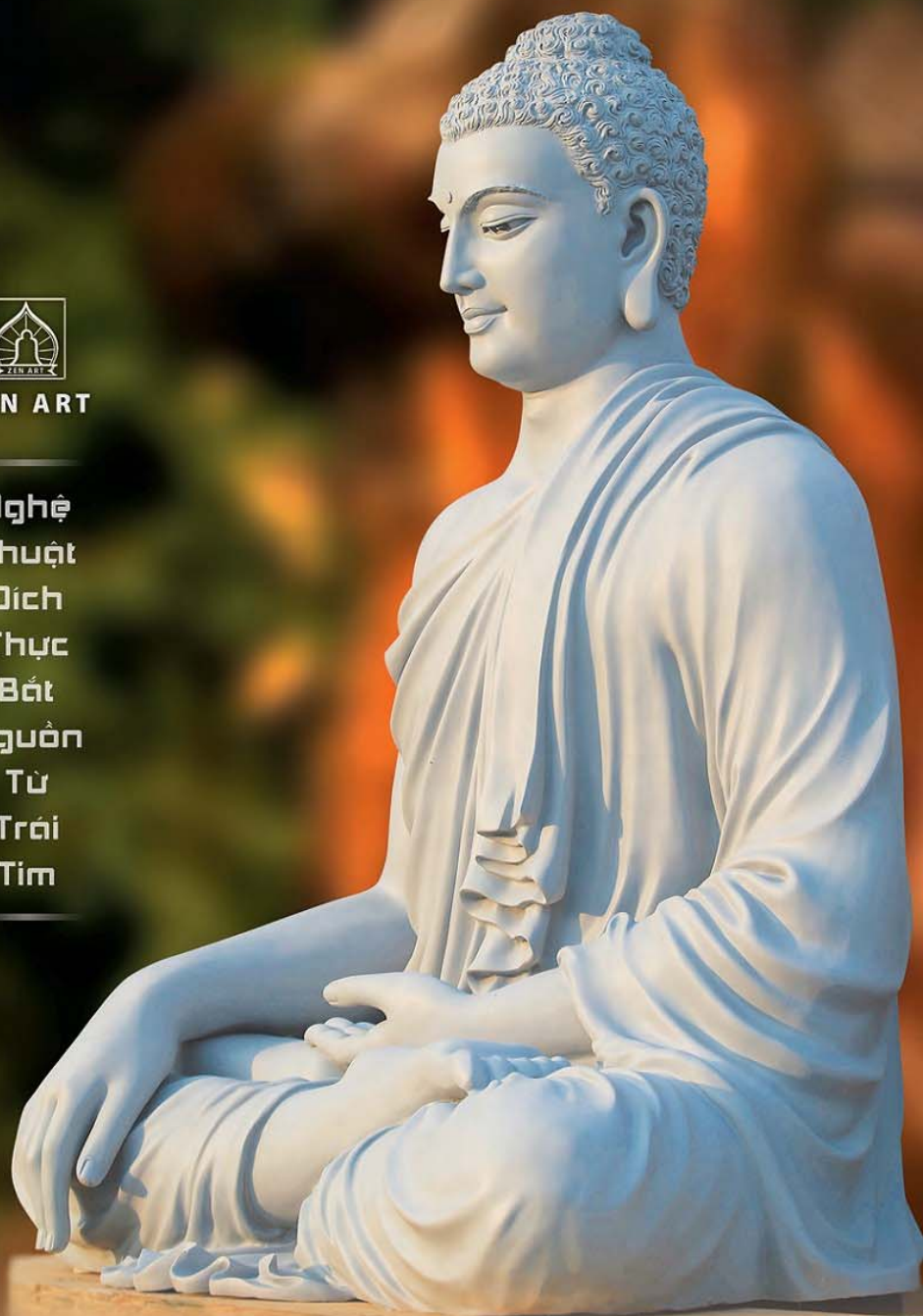


Số Đặc biệt



ZEN ART

Nghệ
Thuật
Đích
Thực
Bất
Nguồn
Từ
Trái
Tim



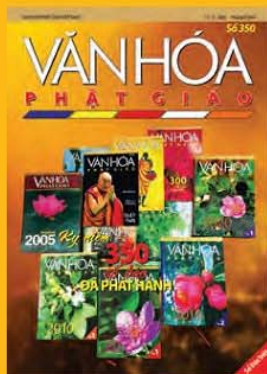
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT ZEN ART

Tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu.

Quý vị muốn thỉnh tượng vui lòng liên hệ: **0909.319.882** (Hoàng Đức Diên)

Văn phòng: 122E, đường 11, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Trại sáng tác: 1224 đường 11, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP.HCM



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI AN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Tổng Thư ký Tòa soạn
THÍCH MINH NHÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Cố Vấn
TRẦN TUẤN MÃN

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Phát hành và Quảng cáo
liên hệ: Kim Sa, Dd 0938305930

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh



Sương mai	3
Định hướng cho hoạt động Tăng sự (Thích Thiện Nhơn)	4
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và giai đoạn phát triển mới (Thích Minh Nhãn)	6
Nhớ nhà văn Võ Hồng với nổi... "cô đơn uy nghi" (Đỗ Hồng Ngọc)	11
Đạo Phật và trí thức (Hạo Uyên)	14
Đôi điều về Phật giáo với Tuổi trẻ (Hồ Thuỷ)	18
Nhận thức về Tăng Ni trẻ và mạng xã hội (Thích Huệ Thông)	20
Hội Phước cổ tự ở Trảng Bàng (Phí Thành Phát)	24
Cây và người (Cao Huy Hóa)	28
Nghĩ về Tết trồng cây (Lê Hải Đăng)	30
NSUT Vũ Luân đến với sân khấu Thanh Bình Từ Đường (Nguyễn Văn Toàn)	32
Học hạnh kham nhẫn (Thích Trung Định)	34
Mong manh những khát khao (Trần Vọng Đức)	36
Thân thương ngọn núi quê nhà (Nguyễn Chí Diễm)	40
Vài nét về làng Tuấn Lương (Trần Nguyễn Khánh Phong)	42
Thành phố bên lầu Hoàng Hạc (Trần Đức Tuấn)	44
Tôi là vợ mình mà (Lê Hứa Huyền Trân)	48
Thơ (Thích Pháp Trí, Thích An Nhiên, Thích Tuệ Tánh, Nguyễn Hoài Ân, Tịnh Bình, Nhật Quang, Trần Thanh Thoa, Đỗ Văn Xuân)	50
Về nguồn gốc của Bát-nhã Tâm kinh (Vũ Thế Ngọc)	52
Bên kia trăng gió vẫn thênh thang (Nguyễn Thế Đăng)	56
Việc xử phạt quan lại phạm tội dưới triều nhà Lê (Tôn Thất Thọ)	58

Bìa 1: Kỷ niệm 350 số báo. Ảnh: Mai Phương Nam



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Đây là số báo đặc biệt kỷ niệm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã phát hành 350 số báo.

Trong gần 16 năm qua, tuy VHPG có gặp nhiều khó khăn, chúng tôi vẫn nỗ lực phục vụ quý độc giả. Trong vài năm gần đây, Trung ương Giáo hội ngày càng lưu tâm đến những khó khăn của chúng tôi nên đã đưa ra những biện pháp cụ thể để giúp đỡ VHPG. Nhân Cơ sĩ Trần Tuấn Mẫn xin nghỉ việc vì đã cao tuổi, Trung ương Giáo hội đã đề cử Thượng tọa Thích

Minh Nhân, Tiến sĩ, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Lại nữa, hiện nay số thành viên của tạp chí đã tăng lên gấp đôi, cộng thêm nhiều phương tiện, thiết bị kỹ thuật... đủ để VHPG bước sang một giai đoạn phát triển mới, phù hợp với thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Theo đó, VHPG thành lập Website chính thức để phục vụ đông đảo quần chúng độc giả dễ dàng hơn. Chúng tôi dự định từ đây VHPG sẽ vẫn tiếp tục thực hiện chủ trương đã đề ra nhưng cải tiến một số nội dung và hình thức. Theo như dự định, các số báo tiếp theo số báo này sẽ không bán mà chỉ để tặng những nơi có yêu cầu đọc như các phòng đọc sách của các tự viện, các học viện, các thư viện của các trường đại học, các cơ quan... kể cả các công ty, khách sạn trên toàn quốc.

Chúng tôi hy vọng dự định này sẽ thành công và kính mong chư độc giả tiếp tục ủng hộ chúng tôi.

Kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Này các Tỷ-kheo, hãy là những
người thừa tự Pháp của Ta, đừng là
những người thừa tự tài vật.

(Kinh Thừa tự pháp,
Trung bộ, 3)





Định hướng cho hoạt động Tăng sự

THÍCH THIỆN NHƠN

Lời tòa soạn: Dưới đây là nội dung chính trong bài phát biểu định hướng của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tại Hội nghị Tăng sự toàn quốc năm 2020, tổ chức ngày 24-7-2020 tại chùa Tam Chúc, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

...
Có thể nói rằng, cứ mỗi lần các Ban, Viện trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội nghị, chúng ta lại có thêm những định hướng và giải pháp nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn của Giáo hội, từ cơ sở này chất lượng phụng sự đạo pháp và dân tộc của Giáo hội sẽ ngày càng được nâng cao, hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Hội đồng Trị sự kỳ 5 khóa VIII, ngày 31/12/2019 và Chương trình hoạt động Phật sự năm 2020, Hội nghị chuyên đề “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Tăng sự của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam” của Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN được tổ chức trọng thể trong vị thế ngôi nhà GHPGVN ngày càng được nâng cao với những thành tựu vượt bậc trên nhiều lĩnh vực hoạt động Phật sự sau gần

40 năm xây dựng và phát triển, điều này thể hiện sự xương minh của Phật giáo giữa lòng dân tộc, sự đồng tâm hiệp lực, đoàn kết hòa hợp của chư tôn đức, toàn thể Tăng Ni, Phật tử, nhất là trong quá trình đồng hành cùng dân tộc đã tạo được sự tin tưởng và hỗ trợ của Nhà nước, Ban Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ngành chức năng từ Trung ương đến địa phương; điều này tạo nên những thuận lợi nhất định để Phật giáo đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Tất cả những thuận lợi to lớn này chính là nội lực, là nền tảng và cũng là động lực để Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN hướng đến những mục tiêu cao cả và trách nhiệm của ngành Tăng sự. Hội nghị lần này để Ban Tăng sự Trung ương có định hướng về việc quản lý, điều hành và đặc biệt là nhận rõ được

thực trạng để tìm giải pháp thiết thực trong việc quản lý Tăng, Ni, Tự viện trong thời đại mới.

Theo Điều 5, Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN thì Ban Tăng sự Trung ương hoạt động nhằm hai mục đích: Thống nhất lãnh đạo, quản lý Tăng, Ni và các cơ sở tự viện trong cả nước theo quy định của Hiến chương GHPGVN và phối hợp với các Ban, Viện Trung ương thực hiện chức năng nhiệm vụ được Giáo hội giao phó... Đáng chú ý, lồng trong hai mục đích này thì hoạt động của Ban Tăng sự cũng nhằm chấn chỉnh việc sinh hoạt và hành đạo của Tăng, Ni, tự viện theo đúng Hiến chương GHPGVN và pháp luật Nhà nước.

Như chúng ta đã biết, Tăng sự là một Ban có tầm quan trọng trong các Ban, Viện thuộc Hội đồng Trị sự, quản lý trên 53 ngàn Tăng Ni và hơn 18 ngàn tự viện. Có thể nói, Ban Tăng sự Trung ương đã hình thành nội quy của Ban ngay từ nhiệm kỳ đầu của Giáo hội; trải qua 8 nhiệm kỳ, Ban Tăng sự đã từng bước kiện toàn, điều chỉnh, bổ sung một cách khá chi tiết đầy đủ qua các thông tư và nội quy qua các nhiệm kỳ, đặc biệt là nhiệm kỳ VIII (2017-2022), Ban Thường trực HĐTS đã ký ban hành Nội quy Ban Tăng sự gồm 15 chương, 85 điều. Đây là một nội quy khá đầy đủ và cơ bản đáp ứng được nhu cầu điều hành, quản lý Tăng, Ni trong cả nước.

Hoạt động hằng năm của Ban Tăng sự Trung ương chủ yếu tập trung vào các công tác quản lý hành chánh, thống kê số lượng Tăng Ni, tự viện bổ sung vào danh bộ của Giáo hội; cấp Giấy chứng điệp thọ giới, tổ chức an cư kiết hạ, tổ chức các giới đàn; bổ nhiệm trụ trì tại các cơ sở thờ tự của Giáo hội; lập danh sách Tăng, Ni tấn phong giáo phẩm và tuyên dương công đức trình lên Hội đồng Trị sự... Như vậy, Ban Tăng sự là Ban vừa quản lý Tăng Ni, vừa có nhiệm vụ chấn chỉnh việc sinh hoạt và hành đạo của Tăng, Ni. Tuy nhiên, khách quan nhìn nhận bên cạnh những thành tựu mà ngành Tăng sự đã đạt được, thì vẫn còn đó không ít mặt hạn chế còn tồn tại. Thật ra, đó cũng là điều tất yếu, bởi cuộc sống vốn là dòng chảy không ngừng và luôn luôn phát sinh những yêu cầu mới, do đó mỗi cá nhân hay bất cứ tổ chức nào trong đời sống cũng đều phải tự điều chỉnh để hoàn thiện, tồn tại và phát triển trong từng hoàn cảnh lịch sử; và ngành Tăng sự cũng không ra ngoài quy luật đó. Trên cơ sở này, để đáp ứng nhu cầu quản lý Tăng, Ni, tự viện trong thời đại mới, thời kỳ hội nhập- phát triển và đặc biệt phù hợp với luật tín ngưỡng tôn giáo.

Hôm nay, tại Hội nghị này Ban Thường trực HĐTS có vài gợi ý cùng Hội nghị:

1. Ban Tăng sự Trung ương nên ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết, cụ thể một số điều, khoản trong nội quy Tăng sự đồng thời có hình thức, biện pháp chế tài xử lý nghiêm đối với một số Tăng, Ni vi phạm giới luật, tự động xa rời Thấy Tổ, mua đất tự cất tự viện, am cốc,



quy tụ tín đồ không đúng theo quy định của Giáo hội và pháp luật Nhà nước.

2. Ban Tăng sự nên kết hợp với Ban Giáo dục để có một chương trình giảng dạy về Nội quy Tăng sự tại các trường Phật học để giúp Tăng, Ni ý thức cơ bản về việc quản lý Tăng, Ni, tự viện của Giáo hội.

3. Cần hướng dẫn chi tiết, cụ thể về tài sản của Tăng, Ni có liên quan đến tự viện và bổ nhiệm trụ trì có liên quan đến sơn môn, hệ phái và những yếu tố khác.

4. Việc chuyển Tăng, Ni chuyển vùng sinh hoạt tôn giáo, phải có nhu cầu chánh đáng, có cam kết, bảo lãnh chịu trách nhiệm của vị trụ trì và các quy định khác của Ban Tăng sự để phù hợp điều kiện, hoàn cảnh thực tế của từng địa phương.

5. Ban Tăng sự Trung ương cần nghiên cứu, ban hành văn bản quy định trách nhiệm cụ thể đối với Ban Tăng sự các tỉnh thành và quận huyện về việc xử lý, quản lý Tăng, Ni, tự viện tại địa phương.

6. Ban Tăng sự Trung ương cần có định hướng mang tính chiến lược cho việc thành lập Ban Trụ trì, Ban quản trị, Ban hộ tự và các Ban khác tại các tự viện để làm cơ sở cho Giáo hội sau này xem đó là tổ chức tôn giáo trực thuộc để phù hợp với Luật tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu, ổn định cho sự phát triển của GHPGVN.

7. Căn cứ các tham luận mang tính thực tiễn của quý đại biểu và nghị quyết của hội nghị, xét thấy Nội quy Ban Tăng sự nhiệm kỳ VIII (2017-2022) có những điều, những điểm cần bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tế, thì Ban Tăng sự Trung ương nên thực hiện như tại Thông tư số 05/BTS-TƯ ngày 15/01/2016.

Với tinh thần trách nhiệm, trí tuệ tập thể và quyết tâm, Hội nghị này cần tập trung giải quyết những thực trạng hiện nay của Tăng, Ni và tự viện; từ đó cùng nhau tìm ra giải pháp thiết thực để từng bước tháo gỡ cho từng vấn đề cụ thể một cách hữu hiệu nhất. ■

...



THÍCH MINH NHÂN

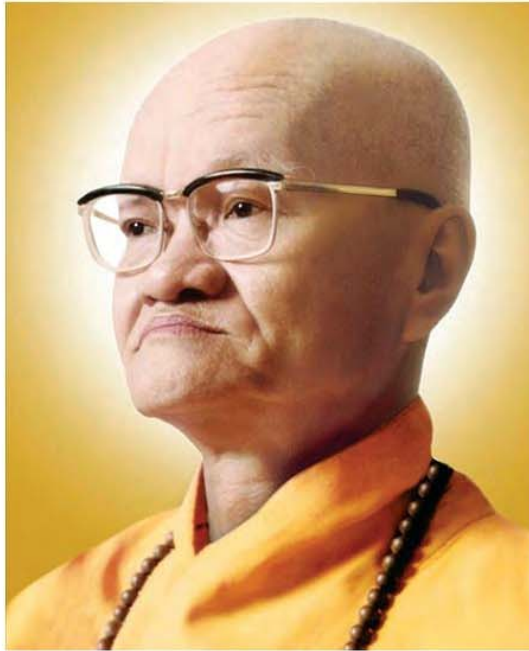
Thế là **Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo** đã phát hành được 350 số báo sau gần 16 năm hoạt động. Tạp chí đã vượt qua nhiều khó khăn, nhất là về nhân sự và tài chánh. Chúng tôi nghĩ rằng từ nay, với sự lưu tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sự hỗ trợ của các ban viên Trung ương, của chư tôn đức, ân nhân, thân hữu, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ bước sang một giai đoạn mới, phát triển vững vàng. Nhân số báo đặc biệt này, chúng tôi xin ôn lại vài nét hoạt động của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong gần 16 năm qua cùng những định hướng chuyển động mới cho Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong xu thế phát triển báo chí trên con đường hội nhập vào kỷ nguyên công nghệ số.

Có thể nói, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* thoát thai từ *Tập Văn*, một tập san của Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoạt động từ năm 1985, do Cư sĩ Võ Đình Cường bấy giờ là Trưởng ban, làm Chủ nhiệm và được sự chấp thuận của Giáo hội. *Tập Văn* được phát hành mỗi năm 3 số vào các dịp Xuân, Phật đản và Vu-lan, mỗi số gần 1.000 bản. Cùng phụ giúp Cư sĩ Võ Đình Cường là cố Hòa thượng Thích Trung Hậu và Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn. *Tập Văn* hoạt động được 19 năm (1985-2004), gồm 56 số. Đến giữa năm 2004, Cư sĩ Võ Đình Cường đề nghị Giáo hội xin Nhà nước cho phép xuất bản một Tạp chí thay cho *Tập Văn*. Được sự đồng thuận và quan tâm đặc biệt của Trưởng lão HT.Thích Hiện Pháp (lúc bấy giờ đương nhiệm là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS - GHPGVN) và HT.Thích Thiện Nhơn (lúc bấy giờ đương nhiệm là Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội), đã khẩn trương tiến hành hoàn tất các thủ tục theo luật định. Thế là đến cuối năm 2004, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* chính thức được thành lập theo Quyết định của Bộ Văn hóa-Thông tin số 96/GP-BVHTT ngày 13/10/2004, theo đó, cơ quan chủ quản của Tạp chí là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hiện nay Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* hoạt động theo Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp số: 1878/GP-BTTTT ngày 14/11/2011, cơ quan chủ quản là Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Từ khi thành lập đến nay, tuy gặp nhiều khó khăn khách quan về tài chánh và nhân sự như đã nêu và đặc biệt là số độc giả giảm khá nhiều do tình trạng văn hóa đọc (sách, báo in) bị các lĩnh vực thông tin truyền thông online, kinh tế, chính trị, xã hội được phần lớn người dân chú trọng quan tâm. Tuy vậy, dù vẫn duy trì mục đích phục vụ, chủ trương đã đề ra, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã không ngừng cải tiến hình thức và nội dung.

Văn Hóa Phật Giáo là một tạp chí của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hiển nhiên đây là một tạp chí tôn giáo. Trên thế giới, rất nhiều tạp chí tôn giáo đã và đang hoạt động, chỉ riêng tại Hoa Kỳ, tạp chí *The Friends*, sau đổi thành *Friends Journal* của Giáo phái Quaker, Thiên Chúa giáo, đã phát hành từ năm 1827, tiếp theo là một loạt hơn 100 tạp chí Thiên Chúa giáo khác ra đời và đến nay đa số vẫn còn hoạt động. Có tạp chí được chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ và có số lượng ấn bản đến hàng chục triệu mỗi tháng, với khoảng 200 ngôn ngữ khác nhau.

Nhìn lại Việt Nam, tạp chí Phật giáo đầu tiên là tạp chí *Pháp Âm*, ra đời ngày 31-8-1929, chỉ phát hành được một số thì đình bản. Tiếp theo là một loạt tạp chí Phật giáo được ra đời: *Từ Bi Âm* (1932), *Đuốc Tuệ* (1932), *Viên Âm* (1933), *Duy Tâm* (1935), *Tam Bảo* (1937), *Tiến Hóa* (1937), *Pháp Âm* (1937), *Liên Hoa* (1955), *Phật Giáo Việt Nam* (1958), *Hải Triều Âm* (1963)... Đây là những tạp chí được xuất bản trước năm 1975. Số ấn bản chỉ vài trăm, thời gian hoạt động chỉ vài tháng, lâu nhất là 10 năm. Từ sau 1975, có thể đến vài chục tập san, đặc san Phật giáo ra đời và một số tạp chí. Đáng chú ý nhất là báo *Giác Ngộ*, tạp chí *Nghiên Cứu Phật Học*, *Khuông Việt*, *Văn Hóa Phật Giáo*, *Phật Giáo Nguyên Thủy*... Hầu hết các tạp chí này đã có các bản online. So với nhiều tạp chí tôn giáo trên thế giới, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* quả thực là một tạp chí rất khiêm tốn; nhưng so với các tạp chí Phật giáo đã xuất bản tại Việt Nam, *Văn Hóa Phật Giáo* có thể tự cho là một tạp chí có uy tín về số lượng đã phát hành và chất lượng về hình thức và nội dung. Trong thời đại mới với những sự phát triển nhanh chóng của khoa



HT.Thích Hiền Pháp

học, kỹ thuật và của tình hình thế giới, *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ phải cách tân để không trở thành lạc hậu. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ từng bước chuyển mình để hội nhập với thời đại công nghệ 4.0, sự bùng nổ thông tin truyền thông số. Bắt đầu từ số báo 350, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ chính thức hội nhập cùng hệ sinh thái số với nhiều ứng dụng công nghệ số mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mang đến cùng với những giá trị cốt lõi trong xu thế phát triển toàn cầu hóa.

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* với chức năng thông tin lý luận và nghiên cứu khoa học mang tính đặc thù của tôn giáo, là công cụ đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu khoa học chuyên biệt của đạo Phật cùng những bài viết chất lượng mang tinh hoa văn hóa Phật giáo đến gần hơn với cuộc sống đời thường. Vì sự phát triển của nền văn hóa Phật giáo nước nhà, nhằm kế thừa và phát huy những thành tựu của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong thời gian qua, đòi hỏi tờ tạp chí do GHPGVN là cơ quan chủ quản nhất định phải có những bước đột phá nếu muốn hòa nhập và chuyển động tích cực để đổi mới và nâng tầm tạp chí theo hướng chuyên sâu trong xu thế phát triển chung của báo chí thời kỳ công nghệ số.

Bởi rằng, đó còn là sứ mệnh cao quý trên “*Hành trình nâng niu, gìn giữ vẻ đẹp truyền thống của một nền văn hóa Phật giáo Việt Nam có lịch sử hơn 2.000 năm*” cùng song hành với “*Những bước đi thăng trầm trong tiến trình phát triển Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*” với 350 số báo vẫn được tòa soạn phát hành đều đặn sau gần 16 năm hoạt động miệt mài bền lòng không gián đoạn cho dù có những lúc thật “*chống chèn*” vì thiếu thốn nguồn



HT.Thích Thiện Nhơn

nhân lực và tài chính eo hẹp. Nói theo tinh thần hoàng pháp mà chư tổ đức đã dạy, có thể gọi đó là thiện duyên khi hành giả nhất tâm phụng sự hoàng pháp sẽ luôn một lòng bền bỉ chí nguyện bằng cái “*tâm kiên định của người con Phật*” thì không có gì là không thể vượt qua!”.

*Nơi nào chúng sanh cần con đến,
đạo pháp cần con đi,
chẳng kể gian lao,
không từ khó nhọc.*

Đó còn là sự cống hiến thầm lặng của Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn - Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự - nguyên Phó Tổng Biên tập Thường trực kiêm Thư ký tòa soạn Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* với những cống hiến sâu dày đầy tâm huyết của Thầy cho Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* từ những buổi đầu sơ khai cho đến nay. Một hành trình chất chứa con chữ, gửi trao trí tuệ và học thuật uyên bác của một học giả tín tâm thẩm thấu Phật học như Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn trong từng bài viết trên chuyên trang tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong mười sáu năm qua (2004-2020) và hôm nay đây dù tuổi cao nhưng vẫn minh mẫn và bền lòng chắt chiu với vai trò cố vấn chuyên môn qua từng trang viết chất lượng tinh anh sẽ là tấm gương cao đẹp của tinh thần phụng sự Phật pháp sẽ tiếp thêm nguồn động lực cho thế hệ kế thừa mạnh dạn ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng công nghệ số mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến.

Sự kết hợp từ nền tảng truyền thống mang tính hàn lâm của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo với khoa học hiện đại của hệ sinh thái số hiện nay sẽ chắp cánh cho những vẻ đẹp giàu tính nhân văn của một nền văn hóa Phật giáo



TT.Thích Minh Nhân

có sức sống hơn hai nghìn năm lịch sử cùng những giá trị thực tiễn sinh động mang nội dung, tư tưởng, quan điểm và chủ trương đường lối hoạt động của GHPGVN sẽ tiếp thêm cơ hội cho tạp chí đến gần hơn với cộng đồng Phật tử, người yêu mến đạo Phật trong và ngoài nước chỉ với thao tác đơn giản là quét mã Code QR trên điện thoại thông minh là đọc được tất cả các bài viết trên chuyên trang tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Số báo đặc biệt Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo 350 này như một mốc son rạng ngời cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, đánh dấu cho sự chuyển mình đi lên và bước đầu hội nhập. Trước mắt là định hướng phát triển, nâng tầm giá trị làm sao cho tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - tờ báo in bán nguyệt san với những trang báo Phật giáo hàn lâm chuẩn mực, chính thống, uy tín của GHPGVN khi kết hợp với ứng dụng khoa học hiện đại của công nghệ kỹ thuật số sẽ có sức thu hút bạn đọc và lan tỏa rộng khắp trên các phương tiện truyền thông đại chúng? Làm sao để ứng dụng hiệu quả sự phát triển mạnh mẽ của làn sóng Internet để hỗ trợ tích cực hơn cho nhu cầu “văn hóa đọc” trong xã hội, giúp cho mọi người vẫn tiếp tục thường thức tinh hoa văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa Phật giáo nói riêng qua từng bài chính luận về giáo lý nhà Phật sâu sắc luôn gợi lên những chiêm nghiệm thâm trầm suy tư trong từng tiêu đề hay, trang tin Phật sự, tiêu điểm trong tháng, câu chuyện đạo đời bên hương trà sen thanh khiết, những vần thơ hay thấm đượm vị thiền, những ngôi cổ tự trên khắp mọi miền đất nước vẫn in dấu son trong tâm thức mọi

người? Tất cả sẽ có trong các số bán nguyệt san Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng phát hành định kỳ hai số vào ngày mùng 1 và 15 hàng tháng.

Dự án khả thi nhằm lan tỏa rộng khắp nét đẹp tinh hoa văn hóa Phật giáo sắp tới đây sẽ là việc phát hành

**Ban Biên tập
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo**



với số lượng tăng dần theo “Đơn đặt hàng yêu thích” của các đơn vị có lời yêu cầu được tặng tạp chí để làm quà biếu và trưng bày tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* cho khách đọc và tìm hiểu tại các tự viện danh lam thắng cảnh, phòng họp, thư viện và đến cả các sảnh chờ tại các công ty, khách sạn, khu nghỉ dưỡng trên toàn quốc... Hy vọng rằng qua bài viết này, quý vị doanh nhân là Phật tử và quý vị yêu quý đạo Phật đã và đang kinh doanh trong lĩnh vực này sẽ hoan hỷ đồng hành tiếp sức liên hệ đăng ký với Tòa soạn để được nhận quà biếu là các số tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* phát hành định kỳ 2 số vào các ngày 1 và 15 hàng tháng. Tòa soạn sẽ có kế hoạch gửi tạp chí biếu dài hạn đến tận nơi để phục vụ theo nhu cầu tìm đọc và phục vụ cho khách hàng tại các sảnh chờ của lễ tân, để tạp chí được bạn đọc gần xa nâng niu đón đọc nhằm góp phần hoằng truyền Chánh pháp Như Lai và giới thiệu về đẹp văn hóa Việt Nam cùng những tinh hoa về tư tưởng, đạo đức, văn hóa Phật giáo có lịch sử hơn 2.000 năm luôn đồng hành cùng dân tộc. Niềm vui sẽ nhân đôi, lòng hoan hỷ vô bờ trước sự lan tỏa rộng khắp những giá trị cao đẹp của tinh hoa văn hóa Phật giáo nước nhà trong thời kỳ phát triển đỉnh cao của kỷ nguyên số hóa.

Không chỉ dừng lại với ước mơ đẹp của hôm nay!

Việc ứng dụng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào cuộc sống sẽ tạo nên những hiệu quả vượt trội đến không ngờ, đó là: “Trí tuệ nhân tạo - Vạn vật kết nối - Dữ liệu lớn”. Vì thế, khi “Định hướng chuyển động và phát triển cho Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trong xu thế phát

triển báo chí trên con đường hội nhập vào kỷ nguyên công nghệ số”, *Văn Hóa Phật Giáo* từ nay bắt buộc phải “chuyển mình” đổi mới để bắt nhịp với thời đại công nghệ 4.0 cùng sự bùng nổ thông tin truyền thông số, sẽ khởi đầu từ “Số báo 350”.

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ khởi động hòa nhập trong “Thế giới phẳng” cùng các trang mạng xã hội, thành lập website chính thức tapchivanhoaphatgiao.vn, tạo Fanpage trên Facebook đồng thời mở kênh YouTube, lan tỏa cùng Zalo, Viber... và chính thức ra mắt App ứng dụng “Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*” vào đúng ngày 15/8/2020, nhân kỷ niệm “Số đặc biệt 350”, đánh dấu bước chuyển mình của *Văn Hóa Phật Giáo* thời hội nhập cùng sự bùng nổ của truyền thông mạng trên nền tảng của hệ sinh thái số hiện nay. Tạp chí sẽ chuyển tải các bài viết thành số hóa làm file video và file âm thanh, nhân rộng với các ứng dụng phương tiện truyền thông thời đại kỷ nguyên số. Kể từ số báo đặc biệt 350, các bài viết được chọn đăng trên Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đều được số hóa có mã Code QR khi thao tác quét mã code QR trên điện thoại thông minh là đọc được tất cả các bài viết kể cả các quyền tạp chí trước đây và các bản sẽ xuất bản sau đó. Đúng theo tinh thần Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (Hà Nội), trong nghị quyết về phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017-2022) tại điểm thứ 8 có nêu nội dung trọng tâm: “*Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị Từ bi - Trí tuệ của đạo Phật, hình ảnh*





tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Bởi rằng: “Phụng đạo - Yêu nước” đó chính là định hướng và động lực cho công tác truyền thông phát triển, các hoạt động Phật sự đặc biệt là công tác truyền thông Phật giáo của GHPGVN không chỉ hướng đến cộng đồng Phật tử trong nước, ngoài nước mà còn sail cánh rộng dài bay xa vươn lên tầm cao mới. Trong đó, sứ mệnh của tập thể tòa soạn Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* là không ngừng đổi mới, chuyên sâu để hoàn thiện và nâng tầm tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trở thành một tạp chí điện tử yêu thích có nội dung và hình thức thể hiện phong phú, hiện đại, mở ra một cơ hội mới trong hành trình hội nhập với truyền thông Phật giáo thế giới từ đây lan tỏa tinh hoa và bản sắc tốt đẹp của văn hóa Phật giáo Việt Nam với đồng bào bạn đọc trong nước và ngoài nước.

Trên đây là những dự án trọng tâm buổi đầu hướng tới sự phát triển bền vững của **“Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và giai đoạn phát triển mới”** với những định hướng ban đầu, kế hoạch cụ thể dài lâu, phương hướng

hoạt động sắp tới nhằm “Định hướng phát triển *Văn Hóa Phật Giáo* trong xu thế phát triển toàn cầu hóa” và việc chuẩn bị phát hành số báo đặc biệt: “Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 350” - Tinh hoa Văn hóa Phật giáo chặng đường 16 năm qua cùng những bước đi ban đầu trong tiến trình phát triển, gìn giữ vẻ đẹp truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam trong thời đại kỷ nguyên số cùng hòa chung trong dòng chảy của nền văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc Việt. Trong tương lai gần nhất, tạp chí sẽ ra mắt phiên bản tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* bằng tiếng Anh nhằm lan tỏa đến quý vị học giả mộ đạo, bạn bè năm châu những nét tinh hoa văn hóa Phật giáo Việt Nam, góp phần giới thiệu và lan tỏa vẻ đẹp văn hóa Phật giáo, triết học và tư tưởng, đạo đức Phật giáo, công tác giáo dục thanh thiếu niên Phật tử, công trình kiến trúc các cơ sở thờ tự, fi tích Phật giáo đã có nhiều đóng góp trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, vun bồi nền tảng đạo đức Phật giáo, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ đồng hành cùng các trang báo Phật giáo của nước nhà hòa chung tiếng nói làm “SÁNG ĐẠO - ĐẸP ĐỒI”, vững vàng bước đi trên con đường phát triển đạo Phật và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh, tiến bộ, đổi mới và hội nhập. ■



Nhớ nhà văn

Võ Hồng

với nỗi... “cô đơn uy nghi”

ĐỖ HỒNG NGỌC

Võ Hồng sinh năm 1921 tại làng Ngân Sơn, Tuy An, Phú Yên, mất tại Nha Trang năm 2013.

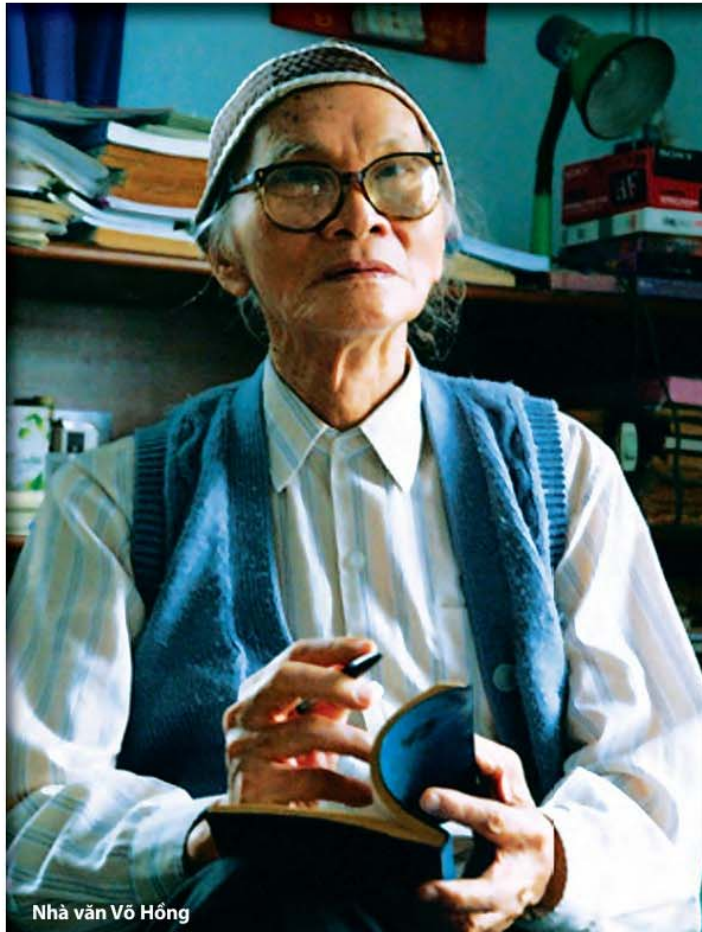
Truyện ngắn đầu tay của ông “Mùa gặt” đăng trên Tiểu thuyết Thứ Bảy vào năm 1939 với bút danh Ngân Sơn. Đến năm 1959, ông gia nhập làng văn với tập truyện ngắn “Hoài cổ nhân”.

Văn của ông chứa đựng sự gần gũi yêu thương con người, yêu thương quê hương, dân tộc một cách tự nhiên. Dưới ngòi bút Võ Hồng, hình ảnh quê hương, con người Việt Nam được ghi lại như những bức tranh sinh động, trung thực và đầy rung cảm. Nhiều tác phẩm của Võ Hồng đã được trích giảng trong sách giáo khoa Văn cho chương trình trung học trước năm 1975. Sau năm 1975, văn nghiệp của ông là đề tài cho nhiều luận án văn chương.

Tác phẩm: Hoa bướm bướm/ Gió cuốn/ Thiên đường ở trên cao/ Trong vùng rêu im lặng... Mùa gặt/ Hoài cổ nhân/ Lá vẫn xanh/ Vết hằn năm tháng/ Con suối mùa xuân/ Vẫy tay ngậm ngùi/ Vùng trời thơ ấu/ Một bông hồng cho Cha/ Trăm tư...

(Theo Wikipedia)

Tôi quen biết anh nhiều năm trước ở Nha Trang. Tính về vai về tôi phải



Nhà văn Võ Hồng

Tác giả đến thăm
Nhà văn Võ Hồng



gọi anh bằng... "ông", vì di tôi là bạn của con gái lớn anh. Nhưng anh vốn xuề xòa, dễ tính, bảo gọi bằng anh thôi. Còn anh luôn toa, moa với tôi một cách thân mật. Năm nọ có dịp về Nha Trang, tôi ghé thăm anh. Tìm nhà hơi khó vì đường sá đã mở rộng, nhà cửa thay đổi nhiều. Tôi đang loay hoay tìm cây khế, cây trứng cá "làm dấu" trước nhà thì một bà già đi ngang qua thấy, hỏi tìm ai, "*Dạ tìm ông nhà văn Võ Hồng*", bà đáp: "*Văn võ nào đâu tôi chả biết, chỉ biết có ông già sống một mình ở ngôi nhà kia thôi!*".

Tôi kể lại anh nghe, anh cười ha hả, có vẻ... chịu bà già lắm vì nhà văn Võ Hồng thì không biết mà lại biết anh sống một mình! Mà thiệt vậy! Vợ anh mất sớm lúc anh hãy còn rất trẻ. Anh vẫn ở vậy, không tục huyền, dù không ít cô thầm thương trộm nhớ ông thầy giáo, ông nhà văn nho nhã, dễ mến. Anh vẫn gà trống nuôi con. Tất cả đều thành đạt, đều đang sinh sống ở nước ngoài, chỉ còn ông... gà trống ngày một lớn tuổi loay hoay một mình với những người hàng xóm, với cây trứng cá, cây khế và mấy gốc dừa.

Anh nuôi một con chó con làm bạn. Lần tôi đến thăm, anh lững thững ra mở cổng, con chó ủa ra sủa ầm lên. Tôi hơi hoảng, hỏi: chó có dữ không anh? Anh trả lời tỉnh queo: nó còn hiền hơn moa! Rồi anh dẫn tôi lên gác. Căn gác nhỏ với một phòng chừng hai chục mét vuông, vừa là chỗ ăn ngủ, làm việc, tiếp khách... Lớn ngổn những sách vở, thư từ, bản thảo... Nhờ cái sân thượng phía trước có bóng râm cây khế, cây dừa mà anh còn có chỗ để mà *trầm tư*, mà *hoài cổ nhân* (*)... Anh khoe với tôi cái chậu nhỏ trong đó có một cây gai bần chài to bằng bàn tay. Anh nói miền quê anh đi đâu cũng gặp cây gai bần chài mọc dọc hai bên đường. Anh nhớ nó quá nên tìm một gốc về trồng. Anh giấu nó ở một góc sân thượng,

sợ người ta trông thấy cho là lập dị!

Có lần Đài truyền hình Trung ương làm một bộ phim ngắn về "*Thầy Võ Hồng*". Anh rất cảm động khi được về thăm lại trường Bồ Đề cũ, chùa Hải Đức, nhà thờ Chánh tòa Nha Trang... nhưng anh vẫn thấy ngưỡng ngưỡng khi phải... đóng phim. Rồi cô Thu Trang dạy Cao đẳng Sư phạm ở Tuy Hòa, quê hương anh, đã làm một luận văn thạc sĩ ngữ văn về sự nghiệp văn học của anh: "*Võ Hồng, nhà văn và tác phẩm*" do giáo sư Hoàng Như Mai hướng dẫn, mà người phản biện là tiến sĩ Huỳnh Như

Phương ghi nhận xét: mong sớm được thấy in thành sách để giúp bạn đọc hiểu thêm về nhà văn Võ Hồng. Nhắc đến mình, anh như luôn có vẻ ngượng. Mấy năm trước, trong thư gửi tôi, kèm tập thơ mới in của anh, anh viết: "*Đọc lại văn mình moa thấy: nếu là văn xuôi thì Ngộ, còn thơ thì Ngượng. Cái gì mà yêu thương, nhớ nhung, đợi chờ... mắc cỡ thấy mồ!*".

Tôi hiểu anh, bởi vì văn thì còn đổ thừa tại hư cấu, tại tâm lý nhân vật nọ kia, chứ thơ thì hết phương chối cãi! Nhưng theo tôi, văn Võ Hồng đã là một thứ thơ, một thứ thơ xuôi, nhàn nhã, đầm thắm, chân thật... làm xúc động lòng người! Hỏi anh lúc này có khỏe không, anh nói khỏe gì nổi, bệnh rề rề. Nhiều tuổi rồi, con ở xa, bệnh cũng làm biếng đi bệnh viện nữa. Phải nhờ người quen đưa đi khám hoài ngại quá! Vậy mà hôm nghe tôi bệnh nặng, phải đi mổ cấp cứu, anh viết thư: "*Mười hai giờ khuya, moa ra sân thượng, quỳ hướng về sao Bắc đẩu hết lòng cầu nguyện cho toa tại qua nạn khỏi...*".

Trở lại chuyện thăm anh ở Nha Trang lần này, lúc anh vừa... lên tuổi 80, tôi thật bất ngờ thấy anh không còn "cô đơn" nữa. Trong phòng anh treo một tấm ảnh chân dung khá lớn của cô đào hát bóng xinh đẹp Lý Linh, người đóng vai Tống Khánh Linh trong phim nhiều tập chiếu trên truyền hình! Thì ra "ông lão" mê cô tài tử này không biết tự bao giờ! Thấy tôi ngỡ ngàng, anh cười: "*Đứa cháu mình ở ngoài quê coi phim rồi nói với mình: 'Cậu ơi, sao mà cô đào đóng phim này giống hệt mơ... Mình giật mình, 'kiểm chứng' lại quả là có nhiều nét giống y hệt vợ mình hồi đó, nên mình treo ảnh này lên đây'*".

Anh lại có vẻ ngượng. Nhớ anh đã vừa tám mươi, tôi thử "bói" cho anh một quẻ bằng cách mở ngẫu nhiên một trang trong cuốn *Trầm tư* của anh mà tôi gọi là "bói Võ Hồng", tình cờ trúng câu 259, câu trao đổi của

anh với một “cô nào đó”, chắc là Lý Linh: - *Em như đóa hồng dành cho vương tôn quyền quý, còn anh... - Câu đó phải do em nói. Tâm hồn anh đẹp và mảnh như hoa. Nên khó nuôi dưỡng, khó chăm sóc. Em đành phụ bạc anh...* Vậy là anh chàng “Tú Uyên” Võ Hồng với “tâm hồn đẹp và mảnh như hoa” đó vẫn chờ đợi nàng Giáng Kiều từ trong tranh một hôm nào đó lại bước ra...

Võ Hồng là một nhà thơ. Dù ông viết truyện ngắn, truyện dài gì thì với tôi cũng đều là thơ. Thơ xuôi. Đọc ông thấy lòng lạnh ra. Tuy nhiên ông cũng đã in hẳn một tập thơ cho riêng mình. Chân tình và mộc mạc. Đằm thắm những yêu thương.

*Năm giờ sáng mở mắt
Nhìn quanh: chỉ ghế bàn
Thèm thấy một khuôn mặt
Thèm nghe tiếng dịu dàng
Mười giờ đêm thâm u
Bóng tối như cõi chết
Tình yêu, tìm nơi đâu
Hạnh phúc, chào vĩnh biệt.*

(Quạnh hiu)

Quạnh hiu. Hoang vắng. Cô đơn. Không muốn “độc cư” mà thành độc cư. Với một tâm hồn vô cùng nhạy cảm, ông héo hắt dần với tháng năm. An ủi của ông trong tuổi già là những người con đều thành đạt, hiếu thảo, nhưng vì hoàn cảnh riêng mà phải sống xa nhau kẻ chân trời người góc biển.

*Nay các con nên người
Mỗi đứa đi một ngả
Mình cha căn nhà xưa
Trông vừa quen vừa lạ
Không còn ngày gian khổ
Chỉ dư ngày tiêu điều
Vắng con như cây cỏ
Héo úa giữa quạnh hiu.*

(Ba mươi năm sau)

Vẫn căn gác nhỏ đó vừa là chỗ ăn chỗ ngủ, chỗ làm việc, tiếp khách... lổn nhổn những sách vở, thư từ, bản thảo... tràn lan trên bàn, trên nệm, dưới gầm... Có lần tôi bấm cho ông máy tấm ảnh kỷ niệm, có cảnh ông ngồi trên chiếc ghế “cô đơn uy nghi” đặt ở sân thượng, dưới tàng cây trứng cá. Lúc đó, ông mới 74 tuổi, còn hoạt bát lắm, đòi khoác áo tràng hoàng rồi mới chịu chụp hình. Ông kể hôm họp mặt mừng tuổi 70 của ông, ai cũng nhắc câu “Thất thập cổ lai hy”, nên khi đáp từ, ông sờ tay vào cổ, nói “Thất thập cổ lai hy” nè, rồi lẩn tay xuống ngực “Lục thập ngực lai hy” nè, “Ngũ thập bụng lai hy” nè, rồi “Tứ thập...”, mọi người la hoảng! Khi tôi gởi ông bản thảo *Già ơi... Chào bạn!* để nhờ ông đọc, ông cười: Sau “Già ơi chào bạn” toa sẽ viết tiếp cái gì nữa đây?

Ông là vậy. Lúc nào cũng hóm hỉnh, sâu sắc mà sáng khoái trừ những lúc một mình trong nỗi “cô đơn

uy nghi” nhớ đến người thân. Mấy năm gần đây, tình trạng sức khỏe ông yếu dần, nằm liệt giường, được chuyển xuống tầng trệt cho tiện chăm sóc. Cô con gái lớn Diệu Hằng vẫn thỉnh thoảng từ Pháp về thăm cha. Rồi cô lại đi, bận bịu bao điều, nhưng vẫn quán xuyến lo toan. Người con trai thứ ở Đức đã dựng riêng cho cha một trang web, tập hợp toàn bộ các tác phẩm của cha, với nhiều tài liệu quý.

Năm 2011, có dịp về Nha Trang, tôi lại ghé thăm ông, bấy giờ ông đã 91 tuổi, đã dần dần khó tiếp xúc... Cô Đạm, người học trò cũ quý thương ông vẫn là người hằng ngày trực tiếp đến chăm sóc ông cùng với một người giúp việc. Ông tuy nằm liệt giường đã lâu vậy mà trông vẫn thanh mảnh, sạch sẽ lắm. Tôi cảm động nói với cô Đạm, thay mặt những bạn bè thân quen gần xa của nhà văn Võ Hồng, trân trọng cảm ơn cô.

Ông đã sẵn một bài thơ gọi là *Di ngôn* viết về nỗi “cô đơn uy nghi” của mình:

Di ngôn

*Sau khi tôi chết Xin giữ nguyên giùm mọi dấu vết
Của những ngày u buồn trĩu nặng hồn tôi
Đây: cây bút màu đen sẫm tối không rời
Đây: cuốn vở cất đầy những mảnh lòng hiu hắt
Kia chồng sách không bao giờ ngăn nắp
Này: góc vườn, hoa rụng trải lối đi
Trên khung rào thưa, lá khê thăm thẳm thì
Nơi sân thượng xin để nguyên chiếc ghế
Kê sát lan can, hướng xuống mặt đường
Nơi những đêm dài, trong tối đầy sương
Tôi ngồi lặng, mắt chong chờ đợi
Đợi một người đi không hẹn trở lại
Hun hút đường dài... vun vút xe qua
Những dáng ngược xuôi... những cặp hẹn hò
Bầy chó lang thang... hàng cây đứng lặng
Chia sẻ nỗi niềm: từng ngôi sao xa
Người đi không về. Giờ đang nơi đâu?
Cực lạc non Bồng hay cõi Diêm phù
Đêm trắng trải dài... Mỏi mòn đêm trắng
Canh hai... canh ba... từng canh qua mau
Cho đến một ngày kia... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ
Hạnh phúc yêu thương... Bã giá mây mù...
Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó
Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.*

(Võ Hồng, 2013)

Nhớ Võ Hồng, vừa thương vừa cảm, vừa xót vừa xa. Thấy trôi đi một kiếp nhân sinh phù thế:

*Ngũ uẩn phù vân không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một...*

(Chúng đạo ca)

Mà mừng ông nay đã vào cõi “tịch diệt vi lạc”! ■

(*) Tác phẩm Võ Hồng



HẠO UYÊN

Đạo Phật nổi tiếng với lời nói “Mời bạn đến và thấy” (*Ehipassiko*), nhẹ nhàng đi vào thế giới trí thức bởi tính chất trí tuệ nhân bản của nó. Đức Phật tuyên bố đạo của Ngài là chân lý khách quan¹, do Ngài phát hiện và tuyên thuyết, được người có trí (*pandito*) tự mình chứng hiểu². Ai cũng có khả năng thấu đạt chân lý, vì chân lý có mặt trong mỗi người³. Chỉ cần suy xét thật trọng thì chân lý sẽ mở ra, soi sáng cho đời sống của mình. Theo lời Phật, con người là chủ nhân của số phận mình⁴. Không có và không cần đến uy quyền nào thay con người phán xét sự đúng sai dẫn đến ban thưởng hay trừng phạt. Mỗi người phải tự thấp đuốc lên mà đi⁵. Đức Phật tự nhận là người chỉ đường (*maggakkhaya*)⁶, tuyên bố đạo của Ngài dành cho người thấy (*passato*), người biết (*jānato*); không phải cho người không thấy (*apassato*), không biết (*ajānato*)⁷.

Thế nào là người thấy và biết? Bậc Giác ngộ cắt nghĩa: “Có như lý tác ý và phi như lý tác ý. Nay các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Nay các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt”⁸.

Như lý tác ý (*yoniso manasikāra*) nghĩa là chú tâm tìm hiểu và xem xét chân lý (khổ, tập, diệt, đạo) để quyết định lối sống của mình theo hướng đi ra khỏi phiền não khổ đau, không cần phải tin và nghe theo ai cả. Đó là Chánh kiến (*Sammāditthi*) trong đạo Phật, là thái độ trí thức, khởi điểm của lối sống chân chánh sáng suốt đưa đến tự do, giải thoát. Trái lại, phi như lý

tác ý (*ayoniso manasikāra*) là thái độ thiếu hiểu biết, thiếu cân nhắc, tin tưởng vào các chủ thuyết mê lầm dẫn đến trói buộc, khổ đau. Người thấy, người biết là người có như lý tác ý. Người không thấy, không biết tức là người rơi vào phi như lý tác ý.

Thái độ trí thức luôn luôn là lời kêu gọi của bậc Giác ngộ trong phương pháp tiếp cận và thực nghiệm chân lý. Phải tự mình xem xét tìm hiểu rồi mới đi đến chấp nhận thực hành hoặc từ bỏ. Một hôm, những người Kàlāmā xứ Kesaputta tìm đến Đức Phật, cầu xin Ngài giúp giải tỏa cho họ các hoài nghi phát sinh do sự mâu thuẫn và chống báng nhau giữa những người đề xướng chân lý. Họ thưa với Ngài:

“Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, và có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?”.

Nhân dịp này, bậc Giác ngộ cho những người Kàlāmā một lời khuyên sáng suốt, mãi mãi làm nức lòng giới trí thức, những người yêu quý và tôn trọng chân lý tự do trên cuộc đời:

“Đương nhiên, này các Kàlāmā, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kàlāmā, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì nghe truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”, thời này các Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng!

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kàlāmà, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kàlāmà, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kàlāmà, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

- Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không, hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Như vậy, này các Kàlāmà, điều Ta vừa nói với các Ông: “Chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình.” Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí quở trách; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, đau khổ”, thời này các Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc”, thời này các Kàlāmà, hãy đạt đến và an trú!

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không tham, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kàlāmà, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không sân, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kàlāmà, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn...

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, không si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kàlāmà, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn...

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

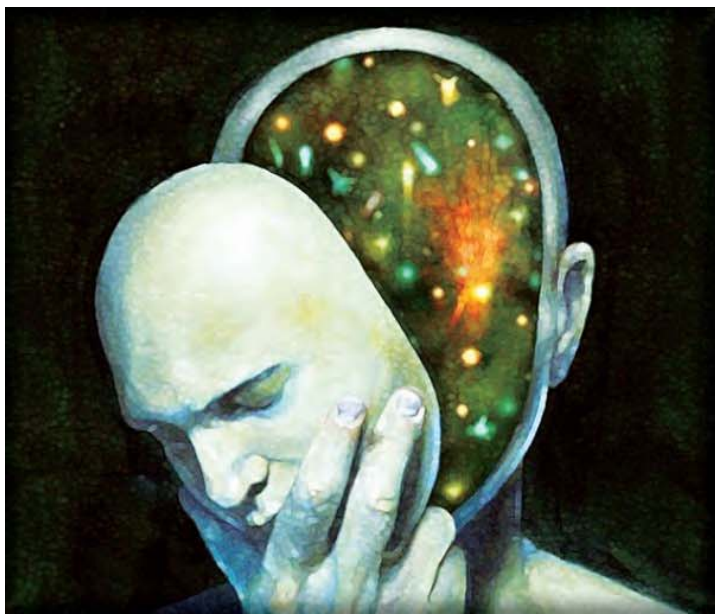
- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này là có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay được người trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.



Năm uẩn là gánh nặng,
Kẻ gánh nặng là người;
Mang lấy gánh nặng lên,
Chính là khổ ở đời,
Còn đặt gánh nặng xuống,
Tức là lạc, không khổ.
Đặt gánh nặng xuống xong,
Không mang thêm gánh khác;
Nếu nhỏ khát ái lên,
Tận cùng đến gốc rễ,
Không còn đòi và khát,
Được giải thoát tịnh lạc¹⁴.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc, an lạc không, hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Như vậy, này các Kàlāmà, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. "Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: 'Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được các người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc, an lạc', thời này các Kàlāmà, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên"¹⁵.

Đức Phật xuất hiện ở đời chỉ tuyên cáo hai điều: khổ và diệt khổ¹⁶. Sống mà thiếu hiểu biết là khổ. Có trí tuệ sáng suốt thì hết khổ. Ngài dạy tham-sân-si là mê lầm, xấu ác, đưa đến phiền não khổ đau, cần phải từ bỏ. Không tham-sân-si là sáng suốt, hiền thiện, đưa đến hạnh phúc an lạc, cần phải chứng đạt và an trú. Người có trí chẳng cần phải tin và nghe theo ai cả. Chỉ cần suy xét thận trọng tìm ra chân lý giải thoát cho chính mình.

Một đặc điểm khác của tư tưởng Phật giáo thu hút sự chú ý của phần lớn thức giả trên thế giới, đó là sự giải thoát tuyệt đối trong cách thể nghiệm cuộc sống, một loại giải thoát hay tự do mà mọi nỗ lực của tư tưởng Tây phương đều bí lối nhưng đã được Đức Phật chứng ngộ và tuyên bố cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ. G. Grimm cho rằng không có ai ngoài Đức Phật đã chỉ thẳng cho chúng ta vấn đề tuyệt đối căn bản của đời sống chúng ta, làm sao giải thoát khổ đau, và trên hết, khổ đau sinh tử¹⁷. Đó là Chánh trí ngay trong hiện tại (*ditthadhamme Annà*), là tự do trong ràng buộc, tự tại giữa khổ đau; sự thoát khỏi cái tôi ám ảnh (ngã tưởng mê lầm)¹⁸ do chứng ngộ mọi thứ là thay đổi, biến diệt, không thường tại, không thực thể, trống không¹⁹, vô ngã, khiến cho mọi gánh nặng trên cuộc đời được đặt xuống.

Đức Phật, bậc đã đặt xuống gánh nặng khổ đau sinh tử, tuyên bố về chân lý của tự do tuyệt đối:

Đó là sự thật về giải thoát tối hậu hay tự do tuyệt đối do Đức Phật chứng ngộ và công bố cho thế giới loài người, một thế giới "bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; không biết đến sự xuất ly, thoát khỏi già chết"¹⁵. Theo lời Phật thì hết thảy mọi người đều có khả năng thoát khỏi khổ đau luân hồi, (*samsàra*), đạt đến bất tử (*amata*), nhờ vào ý chí và trí tuệ của chính mình¹⁶. Đó là tập trung nhận ra (như lý tác ý về) gánh nặng phiền toái khổ đau của sự hiện hữu và quyết tâm buông bỏ nó. Con người không cần phản ứng chống lại số phận khổ đau bằng cách này hay cách khác mà nên học cách tiếp nhận đúng đắn và sáng suốt buông bỏ nó. Đức Phật, bậc đã nhẹ nhàng vượt qua bực lưu nhờ trí tuệ¹⁷, gợi lối đi giải thoát cho nhân thế:

- Này các Tỷ-kheo, các người nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Bạch Thế Tôn, khổ.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Này các Tỷ-kheo, cảm thọ... tưởng... các hành...

- Này các Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Bạch Thế Tôn, khổ.

- Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Bạch Thế Tôn, không¹⁸.

"Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

Người có trí ở đời không chấp nhận thọ... tưởng... các hành...

Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “không”.

Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “không”, Ta cũng nói là “không”.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là “có”, Ta cũng nói là “có”?

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Người có trí ở đời chấp nhận thọ... tưởng... các hành...

Này các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là “có” vậy.

Ở trong đời, này các Tỷ-kheo, có thể pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?

Này các Tỷ-kheo, sắc, thọ, tưởng, các hành, thức là thế pháp ở trong đời. Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, vẫn không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước và đứng thẳng, không bị nước nhiễm ướt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm¹⁹.

Như Lai sống ở đời, phải đối diện với mọi thứ trong cuộc đời giống như các chúng sinh khác, nhưng Như Lai không bị đời chi phối, không bị đời làm cho ô nhiễm, không bị đời làm cho đau khổ. Như Lai không khổ, vì Như Lai thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, chịu sự biến hoại, khổ đau, không phải của mình. Như Lai được tự do, giải thoát, vì Như Lai không ái luyến, không chấp trước những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân cảm xúc, ý nhận thức là “tôi” hay “của tôi”. Không ái luyến, không chấp trước, không dính mắc vào thứ gì thì tâm được tự do, giải

thoát, không phiền não khổ đau²⁰. Các bậc giác ngộ đã đạt đến giải thoát tối hậu vẫn hiện hữu ở đời với gánh nặng ngũ uẩn (chịu sự sanh, già, bệnh, chết đi kèm với mọi phiền toái khác), nhưng được gọi là đã đặt gánh nặng xuống (*ohitabhāra*), không mang thêm gánh khác, bởi chư vị ấy đã đoạn trừ khát ái (*tanhā*) và chấp thủ (*upādāna*) đối với hiện hữu, cắt đứt tái sinh, không còn sầu khổ trong hiện tại và tương lai.

Nói cách khác, con người sinh ra ở đời vốn mang trên mình một gánh nặng khổ đau (*dukkhabhāra*), gánh nặng của thân ngũ uẩn chịu sự sanh, già, bệnh, chết cùng với mọi phiền toái khác gắn liền với sự hiện hữu, nhưng với trí tuệ có thể đặt gánh nặng xuống²¹. Đó là học theo Như Lai không luyến ái, không chấp trước ngũ uẩn, không xem sắc (thân thể), thọ (cảm giác), tưởng (nhận biết), hành (ý chí), thức (tri thức) là mình và của mình. Không luyến ái, không chấp trước ngũ uẩn là ta và của ta thì thoát khỏi mọi hệ lụy khổ đau. Sắc thọ, tưởng, hành, thức chịu sự sanh, già, bệnh, chết, là gánh nặng khổ đau mà mê đắm rơi vào ái luyến chúng, ôm ấp chúng, xem chúng là của mình, mong muốn chúng tồn tại mãi mãi thì không thoát khỏi luân hồi khổ đau. Trái lại, sống với trí tuệ thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức không tồn tại, trống không, không phải của mình, buông bỏ chúng thì không khổ nào đeo bám được. Phật gia bảo có sự kiện khổ nhưng không có người khổ là thế.

Đó là sự thật của tự do tối hậu mà một lúc nào đó con người sẽ cần đến nhưng phải tự thân nỗ lực chứng nghiệm bằng con đường quán sát tự nội, đăng sau những thử tự do tương đối và giới hạn có được nhờ vào những cuộc cách mạng xã hội mang lại.

Rõ là đọc cho kỹ những lời Phật dạy ta sẽ không ngạc nhiên vì sao trí thức trên thế giới luôn luôn đánh giá cao đạo Phật, tiêu biểu là nhận định của Albert Einstein cho rằng đạo Phật không cần phải xét lại chính mình vì Phật giáo là chân lý luôn luôn cần thiết cho đời sống hạnh phúc của nhân loại. ■

Chú thích: 1. Kinh Tương ưng bộ, tập II, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993; Kinh Tăng chi bộ, tập I, tr.331-332, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở II, 1987. **2.** Kinh Ví dụ tấm vải, Trung bộ. **3.** Đức Phật tuyên bố chân lý của cuộc đời, nghĩa là khổ, khổ tập khởi, khổ đoạn diệt, con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nằm trong tấm thân của mỗi người. (Xem kinh Rohitassa, Tăng chi bộ). **4.** Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung bộ. **5.** Kinh Đại bát Niết-bàn, Trường bộ. **6.** Kinh Ganaka Moggallāna, Trung bộ. **7&8.** Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung bộ. **9.** Kinh Các vị ở Kesaputta, Tăng chi bộ. **10&18.** Kinh Xà dụ, Trung bộ. **11.** G. Grimm, *The Doctrine of the Buddha*, tr.43-48. **12.** Kinh Nakulapita, Tương ưng bộ. **13.** Kinh Bọt nước, Tương ưng bộ. **14&21.** Kinh Gánh nặng, Tương ưng bộ. **15.** Kinh Thành ấp, Tương ưng bộ. **16.** Kinh Thánh cầu, Trung bộ. **17.** Kinh Bộc lưu, Tương ưng bộ. **19.** Kinh Bông hoa, Tương ưng bộ. **20.** Tiểu kinh Đoạn tận ái, Trung bộ.



Đôi điều về Phật giáo với Tuổi trẻ

HÒ THÚY



Câu ca “Trẻ vui nhà, già vui chùa” đã là quan niệm ăn sâu trong tâm trí người Việt Nam. Thế nhưng suy nghĩ cho rằng đạo Phật chỉ dành riêng cho người già đến chùa để an ủi tuổi già, hoặc chùa là nơi để những người vấp ngã trên đường đời đến nương tựa... là hết sức lạc hậu và sai lầm. Cũng do quan niệm sai lầm đó nên khi thấy một người trẻ cạo tóc xuất gia hoặc đến chùa lễ Phật thì có một bộ phận người dân suy nghĩ là do chán đời, thất tình... Họ đâu có hiểu được đạo Phật chính là đạo của tuổi thanh xuân tràn đầy nhiệt huyết với những lý tưởng cao đẹp. Đức Phật xuất gia khi tuổi đời của ngài đang căng tràn nhựa sống. Ngài đã từ bỏ ngôi vị thái tử, từ bỏ cung điện, gia đình để đi tìm con đường giải thoát. Đức Phật của chúng ta bỏ lại tất cả, Ngài đi tìm con đường giải thoát để cứu khổ chúng sinh bằng mọi phương tiện và mọi hình thức, đó là hy sinh đời mình để mưu cầu hạnh phúc cho chúng sinh, tâm rộng mở để bao trùm cho tất cả mọi loài trong tình thương bình đẳng.

Tôn giả Da-xá, một thanh niên giàu sang, duyên may được gặp Đức Phật tại vườn Lộc Uyển, được Đức Phật tiếp độ và được chứng quả A-la-hán. Tiếp đó là 4 người bạn cũ của Tôn giả, cũng là những thanh niên con nhà quyền quý, noi gương ngài, đến với Đức Phật và cũng được chứng Thánh quả A-la-hán. Rồi 50 thanh niên bạn của ngài cũng đến xin gia nhập Tăng đoàn, ít lâu sau, tất cả đều trở thành A-la-hán. Như thế, Tăng đoàn đầu tiên của Đức Phật gồm hầu hết là những người trẻ.

Phật giáo cũng luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, dù lúc hưng thịnh hay trong cảnh thăng trầm. Đất

nước phát triển thì Phật giáo xương minh; đất nước suy vong, Phật giáo một lòng cùng non sông giữ gìn quê cha đất tổ. Đồng hành cùng dân tộc nghĩa là đạo Phật luôn có trách nhiệm góp phần kiến tạo xã hội ổn định, tươi trẻ, nhiệt huyết và giàu sức sống đạo đức, nhân văn, nhất là đối với thế hệ trẻ. Công cuộc giáo dục thế hệ trẻ, hướng cho các em đến với một sân chơi bổ ích trong ngôi nhà Phật pháp là điều mà lãnh đạo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hết sức chú trọng, từ đó có thể đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ cuộc sống an bình cho xã hội, đất nước Việt Nam.

Làm thế nào để xây dựng mô hình hoạt động Phật giáo dành riêng cho giới trẻ? Làm thế nào để giải quyết những vấn đề xuống dốc đạo đức của một bộ phận tuổi trẻ? Làm thế nào để sử dụng tài nguyên tuổi trẻ, giáo dục thế hệ trẻ sống và trở thành người có ích cho xã hội? Tuổi trẻ chính là sức mạnh, là nền tảng của quốc gia, vậy chùa, tự viện có giải pháp gì để trở thành ngôi nhà thứ hai của tuổi trẻ?

Hiện nay, có một bộ phận giới trẻ có cách sống thực dụng, mạnh động trong suy nghĩ và hành động, bất hiếu với cha mẹ, bất kính thầy cô, thích hưởng thụ, ăn chơi... đa phần không có khái niệm về nhân quả, không ý thức được phải trái trong đời, coi trọng vật chất, bỏ qua những giá trị đạo đức, truyền thống căn bản của người Việt. Chuẩn mực đạo đức ngày càng bị xem nhẹ khi liên tiếp có những sự việc bạo lực trong học đường và khi xảy ra thì chúng ta quy trách nhiệm cho nhà trường, gia đình, xã hội... Những năm qua, Phật giáo không hề đứng ngoài những vấn nạn của xã hội. Từ nhiệm kỳ VI, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đồng thuận và cho phép Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương thành lập Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử. Kể từ đó đến nay từng bước Phân ban đã kiện toàn cơ cấu nhân sự từ cấp cơ sở ở các tự viện, đến cấp quận, huyện, tỉnh; thành lập các Câu lạc bộ Thanh thiếu nhi Phật tử... tổ chức nhiều hội trại, khóa tu tại các vùng miền dành cho thanh thiếu niên trên toàn quốc... đã thu hút được sự quan tâm của các phụ huynh, đặc biệt là giới trẻ.

Các hội trại, khóa tu do Giáo hội, chùa, tự viện tổ chức đã thu hút được đông đảo phụ huynh và các em thiếu nhi tham gia. Kết thúc mỗi khóa tu, hội trại, có những tâm tư, tình cảm, những điều thầm kín trong ngày sống, sinh hoạt đã được các em viết ra, tuy nét chữ thô sơ và nguệch ngoạc, nhưng đâu đó, chính là những cảm xúc chân thật mà các em muốn gửi đến quý thầy, quý sư cô, các anh chị tình nguyện viên và những bạn đang ở bên cạnh mình.

Trong Hội trại “Hào khí miền Đông” được tổ chức ở Thiền viện Phước Sơn - Đồng Nai cho 6 tỉnh miền Đông Nam Bộ vào năm 2018, bạn Trúc Linh - trại sinh chia sẻ: “*Thế là kỳ Hội trại đã trôi qua trong những niềm vui khôn xiết, con và các bạn đã cùng có mặt bên nhau trong những khoảnh khắc tuyệt vời của tuổi trẻ - tuổi tươi đẹp nhất của cuộc đời. Nhìn lại những ngày qua, từ ngày chân ướt chân ráo đặt chân về đất trại trong sự ngỡ ngàng, lạ lẫm, tuy vậy, con vẫn cảm nhận được sự nhiệt tình, nhiệt tâm, tình thương yêu của quý thầy cô dành cho chúng con. Gần 5.000 trại sinh và các anh chị tình nguyện viên không chỉ lo ăn uống, quý thầy cô còn lo đến chỗ ngủ an toàn, khu vệ sinh tiện lợi, đủ đầy cho chúng con từ khi Hội trại bắt đầu cho đến ngày kết thúc. Nhiều đêm chợt thức giấc, con vẫn thấy phòng ban tổ chức đèn vẫn sáng, quý thầy cô còn lo hộp bàn và chuẩn bị chương trình ngày mai. Quý thầy cô nhiều ngày liền ngủ không đủ giấc, ăn không đủ bữa. Biết bao nhiêu mồ hôi đã đổ xuống vì tất cả chúng con, vì tương lai đạo pháp và dân tộc. Chúng con thấy mình thật hạnh phúc, may mắn khi đến nơi đây và học hỏi được nhiều điều bổ ích mà ngoài thế giới rộng lớn bao la kia chúng con không thể nào học được. Cảm ơn quý thầy cô, các anh chị tình nguyện viên, cảm ơn kỳ Hội trại thân thương này đã cho con có được những kỷ niệm đẹp cùng những cảm xúc khó quên. Tấm lòng này con xin gìn giữ, nghĩa cử này con xin khắc ghi. Mai này, trong cuộc sống hàng ngày, con vẫn nhớ những lời giảng quý báu từ quý thầy cô, khắc ghi bao tình cảm ấm nồng và tấm chân tình mà các anh chị tình nguyện viên đã dành cho chúng con. Tương lai, dù con có là ai, có đứng ở vị trí nào trong xã hội, con hứa sẽ cố gắng sống tốt, sống có đạo đức và có trách nhiệm với chính mình, gia đình và xã hội”.*

Có thể khẳng định rằng hơn mười năm đi vào hoạt động, bằng sức trẻ của mình, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thượng toạ Thích Phước Nghiêm, Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Trưởng Phân ban Thanh thiếu niên Phật tử, quý Tăng, Ni trẻ trong phân ban đã đồng hành và hướng dẫn và các bạn thanh thiếu niên biết đến đạo Phật, đã từng bước tạo nên một phong trào tu học đầy khởi sắc trong phạm vi cả nước. Nhiều khóa tu, hội trại mùa hè được tổ chức khắp nơi. Có thể nói, các Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo và các khóa tu mùa hè có ảnh hưởng nhất định đối với giới trẻ, là sân chơi được các bạn trẻ thanh thiếu niên học sinh, sinh viên mong đợi mỗi khi hè về ở khắp các tỉnh thành trong cả nước. Thông qua các khóa tu, các em được khuyến khích hun đúc tinh thần từ bi, tương thân tương ái, quan tâm và phụng sự cộng đồng, sống và làm việc theo pháp luật, rời xa các tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hóa văn minh tại khu dân cư, cùng nhau làm đẹp nền đạo đức xã hội... Mỗi khóa tu kết thúc, các bạn trẻ sẽ góp nhặt được cho mình hành trang để bước vào tương lai tươi sáng. Các bạn sẽ vững chãi, tự tin vì được rèn luyện kỹ năng sống, cách đối nhân xử thế thuần thiện, sống đẹp



và sống hữu ích cho đạo pháp và dân tộc.

Để phát huy vai trò tích cực trong sự nghiệp giáo dục thanh thiếu niên và tập trung mô hình chương trình truyền bá Chánh pháp cho tầng lớp thanh thiếu niên, cung cấp những kỹ năng và nghệ thuật sống hạnh phúc cũng như nhận thức về giá trị thực của đời người theo tinh thần Phật giáo, Phân ban TTNPT TW đã xuất bản 1.000 bộ Giáo trình Phật pháp vào đời, gồm 5 tập dành cho Thanh thiếu niên Phật tử; Tiếp tục tái bản 1.000 cuốn Cẩm nang Hội trại - Khóa tu; Hướng dẫn thành lập các Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử tại các tự viện trên phạm vi toàn quốc... Việc này là nhằm thu hút giới trẻ quan tâm đến nền đạo đức tâm linh của Phật giáo, định hướng cho giới trẻ: Thiết lập một niềm tin vững chắc giữa gia đình và nhà chùa; có một niềm tin vững chắc về cuộc sống, về giá trị đạo đức xã hội, về đạo hiếu thảo với ông bà cha mẹ, về nhân quả công bằng của những hành động, đặc biệt là niềm tin tâm linh Phật giáo; đưa những câu chuyện Phật pháp gần với xã hội, đời thường trong các buổi sinh hoạt hoằng pháp ở chùa để các em thấm nhuần luật nhân quả, luân hồi, nghiệp báo...; rèn luyện nền tảng đạo đức vững chắc giáo dục cho các em có tư duy phân biệt rõ, tốt xấu hư thực và có khả năng kiểm soát các hành vi của chính mình bằng những bài pháp sinh động, cụ thể và phù hợp với mọi lứa tuổi.

Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần bao dung và đạt được giá trị hạnh phúc an vui theo tinh thần đạo Phật. Các em cần được hướng dẫn để ứng dụng lời Phật dạy, biết làm lành lánh dữ, đi theo con đường hướng thiện, biết chọn cho mình những người bạn tốt, những bậc thiện tri thức mà giao lưu, học hỏi; nhờ vậy, tuổi trẻ mới có được những thắng năm thành công và hạnh phúc. Bởi chỉ có nhân cách và đạo đức mới theo ta suốt hành trình cuộc đời; người trẻ còn trước mặt cả một con đường dài, còn sức khỏe, còn sự tự tin, phải biết luôn tu dưỡng thân tâm, làm giàu trí tuệ, sống lạc quan, sống hạnh phúc không bi quan, không đầu hàng khi đối mặt với những khó khăn, không phụ thuộc vào sự may rủi để hưởng thụ. Dù gặp mọi khó khăn, gian nguy vẫn nỗ lực để vượt qua, đó chính là chiếc chìa khóa đưa chúng ta đến bến bờ của thành công, hạnh phúc, trở thành người hữu dụng cho đời, góp phần xây dựng cho quê hương đất nước ngày càng vững mạnh. ■

* Ảnh: Bo Nguyễn



Nhận thức về Tăng Ni trẻ và mạng xã hội

THÍCH HUỆ THÔNG

Thời công nghiệp 4.0, mạng xã hội (MXH) đi vào mọi ngõ ngách đời sống, trong đó có cả môi trường Phật giáo. Tuy nhiên, bên cạnh tiện ích mà MXH mang đến, một bộ phận Tăng Ni trẻ đã xem MXH là nhu cầu giải trí, giết chết thời gian bởi những thú tiêu khiển vô bổ, ảnh hưởng tiêu cực đến bản thân người sử dụng cũng như sự ổn định và phát triển chung của Giáo hội. Trước thực tế nhức nhối này, giải pháp nào để MXH thực sự trở thành công cụ hữu ích cho việc tu học và hoằng pháp của Tăng Ni trẻ...

Thời kỳ công nghiệp 4.0, sự giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc trên các vùng miền lãnh thổ tạo nên sự thăng hoa trong đời sống văn hóa nhân loại, nhất là sự bùng nổ và thông dụng của MXH, một trong những tiện ích văn minh thời đại, đã giúp cho đời sống con người khởi sắc hơn. Song vẫn còn đâu đó những bất cập gây hệ lụy nguy hại từ một bộ phận người sử dụng sai mục đích...

I.

Những tiện ích từ MXH

Trước hết chúng ta không thể phủ nhận những tiện lợi mà MXH mang đến cho đời sống con người. Ngày nay không chỉ cá nhân, mà các tổ chức, đoàn thể, chính quyền đã ứng dụng MXH (Zalo, Facebook, Tiktok, YouTube, Instagram...) vào nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội, công tác triển khai thực hiện mô hình tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cải cách hành chính

và phòng chống tội phạm qua các trang mạng nói trên. Sau khi triển khai thực hiện, đã mang lại hiệu quả tích cực, tăng cao tính tương tác giữa người dân với các cơ quan chức năng. Đặc biệt, nhằm đẩy mạnh công tác phòng chống dịch Covid-19, việc kết nối mạng xã hội đã chuyển tải kịp thời tới toàn bộ các đội nghiệp vụ, người dân những thông tin cấp thiết một cách nhanh nhất để dập dịch Covid 19 trên địa bàn phạm vi cả nước...

Điều đáng ghi nhận, trong thời gian qua những tiện ích từ MXH cũng đã được chư Tăng, Ni, Phật tử khai thác ứng dụng triệt để trong việc liên lạc, trao đổi thông tin phục vụ tu học, giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện xã hội một cách hiệu quả; nhất là trong công tác tổ chức các đại lễ lớn của Giáo hội như Đại lễ Phật đản hay các kỳ đại hội của Giáo hội, thì các phương tiện của công nghệ truyền thông đều được ứng dụng hiệu quả. Cũng chính vì nhận thấy những tiện ích về tốc độ thời gian, vừa không giới hạn dung lượng, vừa tiết kiệm nguồn tài chính trong quá trình khai thác ứng dụng MXH, nên thời gian qua Trung ương Giáo hội đã tổ chức nhiều khóa tập huấn kỹ năng sử dụng MXH và nhiều chương trình đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp phát triển trên nền tảng của MXH như Phật sự Online, kênh truyền hình An Viên...

Đặt biệt tại Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc năm 2019 do GHPGVN đăng cai tổ chức tại chùa Tam Chúc tỉnh Hà Nam, vào ngày 11/05/2019 Thường trực Hội đồng Trị sự đã chính thức khai trương MXH *Butta* của GHPGVN chính thức đi vào hoạt động, đến nay đã đạt được nhiều kết quả bước đầu. Nhằm định hướng cho việc sử dụng truyền thông mạng, MXH đúng với chủ trương và mục tiêu của Giáo hội để ra từ đó mà nghị quyết về phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII, 2017-2022 tại điểm thứ 8 đã cụ thể hóa với nội dung *"Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị Từ bi - Trí tuệ của đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*.

Như vậy, dù trong đời sống xã hội hay trong môi trường Phật giáo, thì MXH đều đem lại những tiện ích nhất định, qua đó cho thấy, phương tiện MXH thời nay đã trở thành một thành phần quan trọng, có thể nói là không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt, nó đã giúp ích rất nhiều cho Tăng Ni Phật tử trong sự nghiệp tu hành và hoằng pháp lợi sanh. Tuy nhiên, ở bất kỳ công cụ nào, phương tiện nào cũng đều có hai mặt của nó, vấn đề chủ yếu là ở nhận thức của người sử dụng các phương tiện văn minh thời đại, chứ chưa hẳn phương tiện văn minh thời đại là mãi mãi không gây nên nguy hại. Sau đây người viết nêu lên một số bất cập gây nguy hại từ việc sử dụng MXH sai mục đích trong một bộ phận Tăng Ni trẻ hiện nay.



II.

Những nguy hại từ việc sử dụng MXH sai mục đích trong một bộ phận Tăng Ni trẻ hiện nay

Chúng ta đang sống trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, sự bùng nổ lan tràn của các trang mạng xã hội đã nhanh chóng làm thay đổi cuộc sống, trong đó có sinh hoạt của Tăng Ni trẻ. Trên thực tế, sự phát triển công nghệ thông tin thời đại công nghiệp 4.0 đã tạo ra những phát minh vượt bậc làm thay đổi hoàn toàn cách nghĩ và cách làm truyền thống của chúng ta, ví như sự tiện ích của MXH cho phép con người có thể chứa đựng được một lượng dữ liệu khổng lồ và chuyển tải nó đi trong khoảng thời gian nhanh nhất, MXH còn giúp chúng ta xâm nhập, truy cập, tìm hiểu, thu thập thông tin đa chiều từ nhiều nguồn khác nhau trong thời gian ngắn nhất tùy theo kỹ năng sử dụng của mỗi người.

Từ những tiện ích giá trị này, thay vì sử dụng MXH vào mục đích tu học, hoặc đáp ứng các nhu cầu công tác Phật sự, thì một bộ phận Tăng Ni trẻ đã sử dụng MXH như Zalo, Facebook chỉ nhằm thỏa mãn những thú vui tiêu khiển vốn không phù hợp với người xuất gia tu theo hạnh Phật. Trên thực tế, một bộ phận Tăng Ni trẻ dùng công cụ này chỉ để trao đổi những mẩu chuyện không cần thiết, không nhằm phục vụ cho việc tu học; hoặc đăng tải những hình ảnh đi du lịch, đang ngồi nhâm nhi bên ly cà-phê, hay đi mua sắm tại những siêu thị... lên nhật ký cá nhân trên Zalo, Facebook; nhiều vị còn sa đà với những tin tức đời thường trên các trang báo mạng, thậm chí có nhiều vị mê xem phim, xem tấu hài, xem những hình ảnh phản cảm, bỏ bê những việc cần thực hiện của một bậc xuất gia...

Từ việc sử dụng MXH sai mục đích, một bộ phận Tăng Ni trẻ đã đánh mất đi lý tưởng xuất gia và bản chất giác

ngộ giải thoát của đạo Phật, đồng thời bản thân người sử dụng MXH sai mục đích rất dễ bị cám dỗ, sa ngã, dẫn đến những việc làm vi phạm giới luật Phật, Hiến chương Giáo hội và những quy định của pháp luật.

III.

Nguyên nhân một bộ phận Tăng Ni trẻ sa sút trên con đường tu học từ việc sử dụng MXH sai mục đích

Trong bối cảnh thời đại, một bộ phận Tăng Ni trẻ, từ việc bị vật chất lôi cuốn, hoặc quá lạm dụng tiện nghi thời đại, ban đầu do chủ quan, nên từ chỗ vô tư, phóng khoáng dần dần dẫn đến tình trạng buông lung, phóng dật, đây là một lộ trình không khoảng cách nên rất khó kiểm soát; thứ nữa, do quen lối sống tự tung tự tác, lại thờ ơ trước những lời giáo huấn của Thầy Tổ, xa rời nếp sống quy củ thiền môn, ngày càng mờ nhạt lý tưởng xuất gia, cũng chính lối sống tự tung tự tác và buông lung phóng dật, đã khiến cho một bộ phận Tăng Ni trẻ rất dễ bị cuốn hút vào MXH nhằm thỏa mãn những thú vui theo sở thích cá nhân, điều này khiến cho giới trẻ nhanh chóng trượt dài trên đường tu học, sa sút trên đường đạo pháp.

Như vậy, nguyên nhân chính khiến cho một bộ phận Tăng Ni trẻ mất phương hướng khi sử dụng MXH và sa sút trên con đường tu học, đó là bản thân các vị ấy không quyết chí tu hành, không thường xuyên tỉnh thức chánh niệm, không chịu rèn luyện tu dưỡng, trau dồi giới hạnh, thiếu căn bản công phu tu tập, từ đó chưa thật sự làm chủ chính mình, vì vậy bản thân chưa nhận thức được việc mình làm, chưa nhận thức những nguy hại nghiêm trọng của việc sử dụng MXH sai mục đích. Mặt khác, tình trạng một bộ phận Tăng Ni trẻ mất phương hướng khi sử dụng MXH cũng xuất phát từ việc mất thăng bằng giữa tu và học; công tâm mà nói, đây cũng chính là kẻ hở để nghiệp lực dẫn dắt, khiến cho người xuất gia hụt hẫng và ngày càng xa rời Chánh pháp.

IV.

Giải pháp

Thời công nghiệp 4.0, mạng xã hội (MXH) đi vào mọi ngõ ngách đời sống, trong đó có cả môi trường Phật giáo; việc Tăng Ni trẻ sử dụng MXH để phục vụ tu học, hoằng pháp, thể hiện tính năng động, thích nghi, hòa nhập với văn minh thời đại, *đây được xem là sự vận dụng mang tính trí tuệ.*

Tuy nhiên bên cạnh đó, một bộ phận Tăng Ni trẻ đã xem MXH là nhu cầu giải trí, giết thời gian bởi những thú tiêu khiển vô bổ, điều này không chỉ dẫn đến hệ lụy cho bản thân người sử dụng sai mục đích, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định và phát triển của Giáo hội, *đây là lối sống bất chấp kỷ cương, giới luật.*

Thật ra, sự nguy hại mang đến cho chúng ta không phải ở MXH, mà là ở nhận thức của người sử dụng MXH, như vậy giải pháp nào để MXH thực sự trở thành

công cụ hữu ích cho việc tu học và hoằng pháp của Tăng Ni trẻ?

1. Giải pháp trí tuệ

Theo cách hiểu thông thường, Trí tuệ là một tri thức uyên bác về một vấn đề gì, có thể phân tích trình bày vấn đề ấy một cách khúc chiết và triệt để. Theo cách hiểu của đạo Phật, Trí tuệ là một *“Hệ thống hiểu biết mạch lạc liên quan đến các sự kiện, các vật thể hay biến cố chịu chung một số quy luật nào đó mà người ta có thể kiểm chứng được bằng các phương pháp thực nghiệm”.*

Trong *Trung bộ kinh I* có dạy về Trí tuệ:

“Như thế nào được gọi là Trí tuệ? Vì có tuệ tri. Vì có tuệ tri, nên được gọi là Trí tuệ. Có Tuệ tri gì? Có Tuệ tri (Pajànatī): đây là khổ, có Tuệ tri: đây là khổ tập, có Tuệ tri: đây là khổ diệt, có tuệ tri: đây là con đường đi đến khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri nên được gọi là Trí tuệ.

(Trung bộ I)

Như vậy Trí tuệ là biết với tri tuệ, biết sự kiện, biết sự kiện tập khởi, biết sự kiện đoạn diệt, biết con đường đưa đến sự kiện đoạn diệt. Một định nghĩa nữa của Trí tuệ được đề cập đến. *“Thế nào là tuệ lực? Ở đây, vị Thánh đệ tử có Trí tuệ, thành tựu sự trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau”.*

Trí tuệ cũng có nghĩa là thắng tri (abhinnañña), có nghĩa là liễu tri (parinnañña), có nghĩa là đoạn tận (pahānañña). Như vậy trí tuệ có khả năng thắng tri, tức là biết với thiền định. Lại có khả năng liễu tri với sự hiểu biết rất ráo rợn vẹn. Và cuối cùng có khả năng đoạn tận được các lậu hoặc, dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đoạn diệt được tham sân si, chấm dứt khổ đau.

Trong kinh *Tứ thập nhị chương*, chương 30, Đức Phật dạy: *“Là người tu hành phải coi mình giống như kẻ mang củ khô, thấy lửa đến phải tránh, người học đạo thấy các đối tượng dục lạc phải tránh xa”*, có thể nói đây là giải pháp phát huy trí tuệ hữu hiệu nhất, nhưng chỉ có thể thực hiện được khi mỗi vị Tăng Ni trẻ nhận thức trung thực về những tồn tại nơi bản thân để sớm thức tỉnh, qua đó tự mình điều phục bản thân, khép mình trong quy củ thiền môn, giữ gìn giới luật, tinh tấn tu hành.

Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần VIII đề ra chủ trương hành động *“Trí tuệ - Kỷ cương - Hội nhập - Phát triển”*, đã cho thấy tầm nhìn chiến lược trước yêu cầu phát triển bền vững và chất lượng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Liên hệ thực trạng một bộ phận Tăng Ni trẻ đánh mất mình khi đến với MXH, chúng ta sẽ thấy tầm nhìn chiến lược này không chỉ ưu việt trong chiến lược vĩ mô của Giáo hội, mà còn rất tinh tế sâu sắc trong chiến lược vi mô, nhằm phát triển từng con người Phật giáo trên mọi khía cạnh sinh hoạt. Như vậy, để Tăng Ni trẻ nhận thức về những tác hại khi sử dụng MXH sai mục đích, thì yếu tố trí tuệ cần phải đặt hàng đầu, bởi đạo Phật lấy trí tuệ làm sự nghiệp, trí tuệ chính là nguồn tuệ



giác soi sáng con đường giác ngộ giải thoát mà tất cả hành giả Phật môn đều phải nương theo.

Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, trí tuệ là yếu tố hàng đầu và căn bản cho mọi hành động của tu sĩ Phật giáo; không có trí tuệ, mọi việc làm sẽ lệch lạc và nguy cơ dẫn đến sự phá sản đối với sự nghiệp tu hành giải thoát; khi có trí tuệ, chúng ta sẽ linh động chất lọc và tùy duyên sử dụng các phương tiện của xã hội văn minh, mượn đó làm phương tiện tu hành và hoằng pháp để hướng đến chân trời giác ngộ giải thoát; qua đó cho thấy, trong sự hòa nhập, Phật giáo luôn thích nghi với văn minh thời đại, không chỉ để phục vụ cho sự nghiệp tu hành giác ngộ giải thoát mà còn hướng đến sứ mạng độ sanh cao cả.

Mặt khác, trí tuệ phản ảnh tầm nhìn và khả năng quan sát cũng như tiên liệu trước mọi tình huống sắp và sẽ xảy ra, quan trọng hơn, trí tuệ sẽ giúp chúng ta đi đúng hướng, tránh được sai sót rủi ro, đạt hiệu quả chất lượng, chính vì vậy sự phát triển bền vững của Phật giáo nói chung và sự thăng tiến trên con đường tu học của mỗi vị Tăng Ni trẻ nói riêng, rất cần đến yếu tố trí tuệ. Trên tinh thần hòa nhập, thích nghi và trên căn bản của trí tuệ Phật giáo, nếu mỗi vị Tăng Ni có nhận thức và biết vận dụng một cách trí tuệ vào việc sử dụng MXH sao cho phù hợp với nhu cầu chánh đáng của người xuất gia học Phật, chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái nhiều thành quả, nhưng vẫn giữ vững truyền thống thiền lâm qui củ trong quá trình tu học và hoằng pháp lợi sanh trong bối cảnh thời đại.

2. Giải pháp kỷ cương

Trước khi là tu sĩ chúng ta là một công dân, do vậy điều đầu tiên chúng ta phải là những công dân tốt, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật mà Nhà nước đã quy định; nhận thức được điều này Tăng Ni trẻ sẽ tự giác chấp hành kỷ cương phép nước, cụ thể là sẽ nói “không” với những trang mạng độc hại, không sử dụng MXH khi không có nhu cầu chánh đáng, điều này sẽ góp phần ổn định trật tự xã hội.

Tiếp đến, chúng ta là một tu sĩ, dầu ở vị trí nào trong Giáo hội thì điều đầu tiên chúng ta cũng phải giữ gìn giới luật đã thọ, phải tuân thủ theo Hiến chương của Giáo hội, vì đây là khuôn phép, là mực thước nói lên

thái độ và tư cách của một tu sĩ, có như vậy thì kỷ cương Giáo hội mới được thực hiện.

Riêng với bộ phận Tăng Ni trẻ, trong sinh hoạt thiền môn, chúng ta phải luôn tuân thủ theo những quy định riêng của từng trú xứ, nhằm duy trì giống nòi sinh hoạt đạo pháp tại các cơ sở tự viện, đây là trách nhiệm của mỗi vị tu sĩ, sẽ giúp cho đại chúng trong tự viện luôn được hòa hợp, đoàn kết, Phật sự được hanh thông, đây là cơ sở quan trọng để nền móng Giáo hội ngày càng được củng cố, có như vậy thì kỷ cương thiền môn mới được thừa hành. Trong đời sống sinh hoạt tu học của từng thành viên trong ngôi nhà Giáo hội, nhất là đối với những vị Tăng Ni trẻ, càng đòi hỏi ở mỗi vị ý thức trách nhiệm và bổn phận của một người xuất gia đang hướng đến chân trời giác ngộ giải thoát, do vậy cần phải nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành, đồng thời phát tâm phụng sự đạo pháp và dân tộc một cách vô điều kiện, vì đây chính sứ mạng cao cả của một sứ giả Như Lai, có như vậy thì kỷ cương giới luật của Phật môn mới được duy trì và thực thi triệt để.

Thế hệ Tăng Ni trẻ là rường cột của Phật giáo nước nhà, một khi tự giác chấp hành mọi quy định của pháp luật, nghiêm túc chấp hành kỷ cương và tuân thủ giới luật, thì sẽ dễ dàng nhận thức về việc bổn phận phải thừa hành của một người xuất gia tu theo hạnh Phật, đồng thời cũng sẽ nhận thức về sự nguy hại khi sử dụng MXH khi không có nhu cầu chánh đáng và không đúng mục đích. Nếu vận dụng trí tuệ, luôn sáng suốt trước mọi hành vi trong đời sống, đồng thời chấp hành kỷ cương Giáo hội và tuân thủ giới luật với tinh thần trách nhiệm cao nhất, tức là chúng ta không những thăng hoa trên con đường đạo pháp, mà còn chung tay góp sức một cách đặc lực nhất trong sự nghiệp xương minh Phật pháp, cũng như sự nghiệp phát triển ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam một cách bền vững.

Nếu tất cả chúng ta có trí tuệ, có kỷ cương thì khi vào đời chúng ta không bị chi phối, không bị lôi cuốn theo dòng chảy tiêu cực của MXH, của sự hội nhập.

Như lời dạy của Đức Phật dạy trong kinh *Pháp cú*:

Bàn tay không thương tích,

Cầm thuốc độc không sao.

Người không làm việc ác,

Không bị ác nhiễm vào. ■

* Ảnh của tác giả



Chùa Hội Phước ngày nay



Hội Phước cổ tự ở Trảng Bàng

PHÍ THÀNH PHÁT

Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên lớn "*Khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến*" nên sau khi thành Phật, bằng tất cả tấm lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, ngài chu du khắp nơi để hoằng hóa độ sinh với mục đích đưa hết thầy chúng sinh đang chìm đắm trong bể khổ trở về với đời sống an lạc giải thoát. Học theo Đức Phật, các vị sư đã cùng với các lưu dân trong cuộc Nam tiến đi đến những vùng đất mới khai hoang mở cõi để truyền bá giáo lý của Đức Phật.

Từ thế kỷ thứ XVIII đến thế kỷ thứ XIX, trong cuộc Nam tiến đã có nhiều vị sư đến vùng đất Tây Ninh và chọn mảnh đất này là nơi dừng chân, thành lập chùa chiền để hoằng truyền Phật pháp. Cuộc khai phá vùng đất Tây Ninh của người Việt phải đến đầu thế kỷ XIX mới được tiến hành một cách mạnh mẽ. Nhất là sau khi triều đình cho đắp con đường thiên lý, nhiều đợt di dân từ nhiều nơi đến Tây Ninh và một số làng mới được lập nên. Song song với việc hình thành các làng mới thì hàng loạt những ngôi chùa đã được xây dựng nhằm đáp ứng cho nhu cầu tinh thần của lớp cư dân Việt đi khai phá, đồng thời khẳng định công cuộc định cư của họ, đặc biệt là từ sau khi nhà Nguyễn thành lập phủ Tây Ninh năm 1838. Và như vậy, các ngôi chùa được xây dựng trong nửa đầu thế kỷ XIX phần lớn tập trung ở các khu vực Trảng Bàng, Gò Dầu và thành phố Tây Ninh¹.

Trong đó, có vị thiền sư đạo hiệu Liễu Linh Chơn Ứng trụ trì tổ đình Phụng Sơn từ Gia Định-Chợ Lớn đến vùng đất Trảng Bàng (Tây Ninh) thành lập chùa Hội Phước để hoằng pháp độ sinh và rộng truyền dòng phái Lâm Tế Tổ Đạo.

Hành trạng

Hòa thượng Liễu Linh Chơn Ứng

Hòa thượng Liễu Linh sinh năm Ất Sửu (1805) trong gia đình họ Lê, người ở Gia Định. Ngài xuất gia nối truyền theo hai dòng phái, có pháp húy Liễu Linh (了靈) pháp danh Chơn Ứng (真應) thuộc phái Thiền Lâm Tế dòng Tổ Đạo thế hệ thứ 37, và pháp húy Hải Linh (海靈) pháp danh Quảng Từ (廣慈) thuộc phái Thiền Lâm Tế dòng Liễu Quán (dòng Tế Thượng) thế hệ thứ 40.

Vào đầu thế kỷ XIX, có thiền sư đạo hiệu Liễu Thông Chơn Giác (1753-1840) thuộc phái Thiền Lâm Tế, dòng Tổ Đạo thế hệ thứ 37, thế danh Huỳnh Đậu, người Thanh Hóa. Thiền sư đi vân du hóa đạo từ miền Trung vào phủ Gia Định. Khi dừng chân trên một gò đất cao, cảm thấy cảnh trí nơi đây thanh tịnh thích hợp cho việc tu hành và hoằng pháp nên ngài dựng một thảo am tại đây và được người dân trong vùng quen gọi là "*chùa Gò*" vì chùa nằm trên một gò đất cao bao quanh là bầu sen. Tương truyền, thiền sư Liễu Thông thấy một con chim phụng bay đến trước am, đậu trên cây ngô đồng

và cất tiếng hát. Khi thảo am được cải tạo lại thành chùa, ngài đặt hiệu chùa là “Phụng Sơn” (鳳山寺) để ghi nhớ sự kiện này. Ngoài ra, tại chùa Phụng Sơn có cây bạch mai, hoa nở rất thơm, nên dân gian còn gọi là “chùa Mai Khâu”. Ngày nay, tổ đình Phụng Sơn là một trong những ngôi cổ tự của thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại số 1408, đường 3 Tháng 2, phường 2, quận 11 và đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là Di tích Kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16 tháng 11 năm 1988.

Ngày mùng 9, tháng 8, năm Canh Tý (1840), Thiền sư Liễu Thông viên tịch ở chùa Phụng Sơn, thọ 87 tuổi. Đồ chúng lập tháp thờ ở vườn chùa Phụng Sơn và chùa Sùng Phước². Đại chúng chùa Phụng Sơn cung thỉnh sư Liễu Linh Chơn Ứng về kế thế trụ trì chùa.

Sau đó, Thiền sư Liễu Linh Chơn Ứng đi vân du hóa đạo đến xứ Cầu Xe (Trảng Bàng, Tây Ninh) thành lập chùa và đặt hiệu là “Hội Phước” (會福寺), nhưng dân gian vẫn thường gọi là “chùa Cầu Xe”.

Thiền sư Liễu Linh ở chùa Hội Phước hành trì, tu tập, tiếp Tăng độ chúng, hoằng truyền Phật pháp. Ngài thu nhận đệ tử và truyền thừa theo phái Thiền Lâm Tế, dòng Tổ Đạo với bài kệ do Thiền sư Tổ Định xướng xuất.

Ngài rất chú trọng đến việc đào tạo Tăng tài nên đã mở lớp Gia giáo tại chùa Hội Phước dạy kinh, luật, luận và nghi lễ Phật giáo cổ truyền cho đệ tử xuất gia và giảng kinh, thuyết pháp cho cư dân trong vùng. Đã có nhiều vị Tăng tử khắp nơi đến chùa Hội Phước cầu xin xuất gia, học đạo và cầu pháp với thiền sư Liễu Linh, những đệ tử của ngài về sau đều là những bậc danh tăng nổi tiếng ở Tây Ninh và cả Nam Bộ. Trong đó, tiêu biểu có sư Trừng Lực Chơn Hữu thuộc đời thứ 42, dòng đạo Lâm Tế Liễu Quán (Hòa thượng khai sơn tổ đình Phước Lưu) đến cầu pháp được sư Liễu Linh đặt pháp hiệu là Diệu Thông húy Đạt Định; sư Như Định thuộc đời thứ 39, dòng Lâm Tế Bốn Ngươn (tổ khai sơn chùa Phước Thạnh) đến cầu pháp được sư Liễu Linh đặt pháp hiệu là Diệu Nhẫn; đệ tử xuất gia với sư Liễu Linh được đặt pháp danh là Diệu Đại húy Đạt Kế nối đời thứ 38, dòng Lâm Tế Tổ Đạo (Giáo thọ chùa Tịnh Độ), đây là những đệ tử ưu tú của Thiền sư Liễu Linh.

Thiền sư Liễu Linh Chơn Ứng là bậc danh tăng thạc đức thời bấy giờ nên đã được chư sơn thiền đức cung thỉnh giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Hội đồng Thập sư. Trong tác phẩm “Ngũ gia tông phái ký toàn tập”, quyển trung, có đề cập đến như sau:

Ngày mùng 8, tháng 4, năm Tân Mùi (1871), lập Giới đàn tại chùa Tây An (Châu Đốc), tôn Đại lão Hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh đương vi Hòa thượng Đàn đầu; sư Lê Chơn Ứng (chùa Phụng Sơn, Chợ Lớn và chùa Hội Phước, Tây Ninh) và sư Hải Tuệ (chùa Kim Cang, Biên Hòa) đương vi Yết-ma A-xà-lê; sư Minh Thế (chùa Long Quang, Cần Thơ) đương vi Giáo-thọ A-xà-lê.



HT. Liễu Linh Chơn Ứng

Giờ Tý, ngày Rằm, tháng 11, năm Quý Dậu (1873), tại chùa Sùng Phước (Chợ Đệm), Thiền sư Chơn Giác thiết lập Giới đàn, tôn Yết-ma Lê Chơn Ứng (chùa Phụng Sơn, Chợ Lớn và chùa Hội Phước, Tây Ninh) đương vi Hòa thượng Đàn đầu; sư Ấn Sùng (chùa Sắc tứ Trường Thọ) đương vi Yết-ma A-xà-lê; sư Quảng Thạnh (chùa Hưng Phước) đương vi Giáo-thọ A-xà-lê; sư Trí Thông (chùa Sắc tứ Từ Ân) đương vi Pháp sư³.

Ngày 21, tháng 11, năm Ất Dậu (1885), Đại lão Hòa thượng Liễu Linh Chơn Ứng viên tịch ở chùa Hội Phước, thọ 81 tuổi. Đồ chúng lập tháp thờ tại chùa Hội Phước và tháp thờ vọng tại tổ đình Phụng Sơn. Tưởng nhớ đến công đức cao dày của Hòa thượng, tại các nơi như chùa Hội Phước, tổ đình Phụng Sơn, tổ đình Phước Lưu, chùa Phước Thạnh, chùa Hội Phước Hòa đều có lập di ảnh và long vị thờ phụng; hằng năm tại chùa Hội Phước đều có tổ chức lễ húy kỵ tổ sư.

Chùa Hội Phước

ngôi cổ tự xứ Trảng Bàng

Chùa Hội Phước là một trong những ngôi cổ tự được thành lập từ rất sớm ở xứ Trảng Bàng nói riêng và Tây Ninh nói chung, hiện tọa lạc tại ấp Cầu Xe, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chùa trải qua nhiều đời trụ trì, nhưng do chiến tranh tàn phá nghiêm trọng nên không còn tư liệu hay long vị ghi chép đầy đủ về chư vị tổ sư tiền bối tại chùa. Hiện ở vườn tháp chùa còn bốn ngôi tháp chư vị tổ sư, trong đó có tháp của Hòa thượng Liễu Linh (tổ khai sơn chùa



Chánh điện chùa Hội Phước

Hội Phước), tháp của Yết-ma Như An Chánh Hòa (đời thứ 39 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn), một tháp không còn bia và tháp của Hòa thượng Bửu Tâm. Ngoài ra, theo tư liệu còn được gìn giữ tại các chùa ở Trảng Bàng và được sư Thiện Chánh (tổ đình Phước Lưu) cho biết chùa Hội Phước còn có Giáo-thọ Tròn, Hòa thượng Hồng Đức Hoa Quang (đời thứ 40 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn), Ni trưởng Nhứt Phấn Diệu Tâm (đời thứ 41 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn).

Yết-ma Như An Chánh Hòa, thuộc đời thứ 39 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn, sinh năm Bính Dần (1866), tịch năm Bính Thìn (1916), thọ 51 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ ở vườn tháp chùa Hội Phước.

Hòa thượng Hồng Đức Hoa Quang, cầu pháp với Hòa thượng Như Nhẫn Chí Tâm ở chùa Phước Lâm (Trảng Bàng) đời thứ 40 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn. Thế danh Dương Văn Nhuận nên tục còn gọi là Hòa thượng Nhuận, sinh năm Ất Dậu (1885). Hòa thượng là người ở làng Gia Lộc, tổng Hàm Ninh Hạ, hạt Tây Ninh. Thân sinh của Hòa thượng là cụ Dương Văn Lái và cụ Võ Thị Lờ. Hòa thượng trụ trì chùa Hội Phước, sau lập chùa Am ở Sóc Lào, Đôn Thuận. Hòa thượng tịch ngày mùng 6 tháng 3 năm Giáp Ngọ (1954), thọ 70 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ Hòa thượng ở vườn tháp chùa Phước Lâm (Trảng Bàng), hiện ở chùa Hội Phước Hòa (An Hòa, Trảng Bàng) và chùa Am ở Sóc Lào (Đôn Thuận, Trảng Bàng) có lập di ảnh và long vị thờ phụng.

Ni trưởng Diệu Tâm, thế danh Nguyễn Thị Phấn, sinh năm Tân Hợi (1911). Ni trưởng là người con thứ tư trong

gia đình của cụ Nguyễn Văn Tá ở làng Gia Lộc, nên về sau này môn đồ đệ tử thường xưng hô với Ni trưởng là “sư phụ” hoặc “thầy Tư”. Ni trưởng xuất gia với Hòa thượng Hồng Đức tại chùa Hội Phước có pháp húy Nhứt Phấn, thuộc đời thứ 41 dòng Lâm Tế Bốn Ngươn và học đạo cùng với các Sư bà, đặc biệt là Ni trưởng Diệu Phú ở chùa Kim Sơn (Sài Gòn), ngôi tổ đình của Ni giới Phật giáo vùng Nam Bộ thời bấy giờ. Ni trưởng Diệu Tâm là một trong những vị danh Ni nổi tiếng về tu học và giới đức, đặc biệt là có nhiều đóng góp trong việc đào tạo Ni giới Phật giáo vùng Trảng Bàng thời bấy giờ.

Trong thời gian Ni trưởng Diệu Tâm trụ trì tại chùa Hội Phước, vào khoảng những năm 1966 do ảnh hưởng chiến tranh, Ni trưởng cùng với đại chúng Ni ở chùa chuyển tượng Phật, đại hồng chung,... về chùa Hưng Quang (nay là tịnh xá Ngọc Quang, thuộc khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng) của Ni trưởng Diệu Quang rồi cùng ở đây tu tập và giảng dạy lớp Gia giáo Ni tại chùa Hưng Quang. Cảm mến đức độ của hai vị Ni trưởng, thời bấy giờ có rất đông Ni sinh và Phật tử đến quy y, thế độ và cầu pháp với các vị. Năm Nhâm Tý (1972), người dân hiến cúng một phần đất bên cạnh miếu Bà Chúa Xứ, Ni trưởng Diệu Tâm về vùng Cây Xoài Miếu (nay thuộc khu phố Hòa Hưng, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng) thành lập chùa và đặt hiệu là “Hội Phước Hòa” (會福和寺) với ngụ ý nhắc nhớ gốc tích chùa Hội Phước xưa và chùa được xây dựng tại An Hòa. Khi chùa xây xong, Ni trưởng chuyển tượng Phật, đại hồng chung từ chùa

Hưng Quang về chùa Hội Phước Hòa và ở đây tu tập, hoằng pháp đến lúc viên tịch vào ngày mùng 9 tháng 7 năm Quý Hợi (1983), thọ 73 tuổi. Đồ chúng lập tháp thờ Ni trưởng trong khuôn viên chùa Hội Phước Hòa.

Hòa thượng Bửu Tâm, thế danh Nguyễn Văn Thắng, sinh năm Bính Dần (1926), quê ở Cầu Xe. Hòa thượng quy y với Ni trưởng Diệu Tâm, sau cầu pháp và học đạo với Hòa thượng Thiện Hòa ở chùa Vĩnh An (Trảng Bàng). Năm Mậu Thân (1968), Hòa thượng Bửu Tâm thành lập am Vĩnh Hưng sau phát triển thành chùa Vĩnh Hưng. Hiện chùa tọa lạc tại khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng do sư Thích Trí Đạt trụ trì. Năm Mậu Ngọ (1978), Hòa thượng Bửu Tâm về quê ở Cầu Xe cải tạo lại chùa Hội Phước và thỉnh tượng Phật, đại hồng chung cùng nhiều hiện vật của chùa từ chùa Hội Phước Hòa về thờ tự cho đến ngày nay. Hòa thượng ở chùa tu tập, hoằng pháp đến lúc viên tịch vào ngày mùng 5 tháng 6 năm Quý Mùi (2003), thọ 78 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ Hòa thượng ở vườn tháp chùa Hội Phước. Hiện nay, chùa Hội Phước do sư Thích Trí Thông, trưởng tử của Hòa thượng Bửu Tâm, kế vị trụ trì. Hòa thượng Bửu Tâm trong thời gian trụ thế hoằng pháp độ sinh nguyên là Trưởng ban Hoằng pháp Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tây Ninh, Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Hiện chùa Hội Phước có kiến trúc dọc đòn dông như các chùa Giác Hải (quận 6, TP.Hồ Chí Minh), Thiền Lâm (Gò Kén, Hòa Thành, Tây Ninh). Mặt tiền chùa được xây dựng theo lối bán nguyệt, một phong cách đặc trưng của thánh thất Cao Đài ở Tây Ninh.

Đại hùng Bửu điện là nơi trang nghiêm nhất của ngôi chùa, thờ chư vị Phật và Bồ-tát. Ban thờ Hộ pháp được đặt ở chính giữa quay nhìn vào điện Phật, hai bên trở cửa ra vào, đối lưng với ban thờ Hộ pháp là ban thờ Tiêu Diện đại sĩ ở trước hiên chùa, đây cũng là một nét đặc trưng trong cách bài trí các ban thờ, tượng thờ trong chùa xưa ở Nam Bộ. Ở chái bên Tây và Đông, chính điện là ban thờ Bồ-tát Quan Âm và Bồ-tát Địa Tạng, hợp cùng với tượng Phật Thích-ca ở chính giữa điện Phật là bộ tượng "*Tây phương Tam thánh*".

Được bố trí theo lối "*tiền Phật hậu tổ*", sau chính điện là Tổ đường, nơi thờ chư vị tổ sư trụ trì đã quá vãng. Trên ban thờ tổ có tượng Đạt-ma tổ sư, Giám trai Sứ giả, di ảnh Hòa thượng Liễu Linh Chơn Ứng (tổ khai sơn chùa Hội Phước), di ảnh Hòa thượng Thiện Hòa (nguyên là Phó Tăng trưởng Giáo hội Phật giáo Cổ truyền tỉnh Tây Ninh, Hậu Nghĩa, viện chủ chùa Vĩnh An và là bốn sư của Hòa thượng Bửu Tâm), di ảnh Hòa thượng Bửu Tâm (viện chủ chùa Hội Phước, chùa Vĩnh Hưng). Hai bên ban thờ tổ là các ban thờ Phật Thích-ca, Di-đà Tam Tôn, Địa Tạng, Diêm Vương cùng với các ban thờ chư vị hữu công, ban thờ bá tánh. Ngoài ra, trong khuôn viên chùa còn có miếu thờ Quan Công, miếu thờ các vị nữ thần, Quan Âm lộ thiên, tháp chư vị tổ

sư, nhà cốt, nhà trù,... và đồng lang là nơi vừa có chức năng là quán đường vừa là nơi tiếp khách.

Chùa còn gìn giữ đại hồng chung có niên đại vào năm Bính Thân (1896), đến nay đã ngoài 100 năm; hệ thống tượng gỗ xưa, đặc biệt là tượng Phật Thích-ca, tượng Bồ-tát Địa Tạng, tượng Đạt-ma tổ sư, tượng Giám trai Sứ giả, bộ tượng Di-đà Tam tôn (Di-đà, Quan Âm, Thế Chí), bộ tượng Diêm Vương (có hai vị Diêm La vương và Chuyển Luân vương), bộ tượng Hộ pháp (Hộ pháp Vi-đà, Thiện hữu, Ác hữu), bộ tượng Hộ pháp Già-lam (Quan thánh Đế quân), bộ tượng Cửu thiên Huyền nữ; đặc biệt pho tượng Linh Sơn thánh mẫu bằng hợp chất trong tư thế đứng, tay bắt ấn, đây là lối tạo hình đặc biệt ít thấy trong các tượng thờ Bà Đen ở Tây Ninh; ngoài ra còn có chuông, mõ, lư hương, chân đèn;... là những hiện vật xưa mang giá trị lịch sử gắn liền với ngôi cổ tự Hội Phước.

Cho đến nay, ở Cầu Xe mọi người vẫn còn truyền miệng nhau câu chuyện kể: "*Sau khi tổ khai sơn chùa Hội Phước tịch rồi đầu thai chuyển thể làm thái tử bên Tàu. Vừa sinh ra, trên tay thái tử đã có dòng chữ có nội dung "Huỳnh Đậu Cầu Xe xứ". Biết được tiền thân của thái tử là một vị danh tăng ở nước Nam, tìm về nguồn gốc và thể hiện lòng tri ân, thái tử đã cúng ở chùa Phước Lưu bộ tượng Di-đà Tam tôn bằng gốm*".

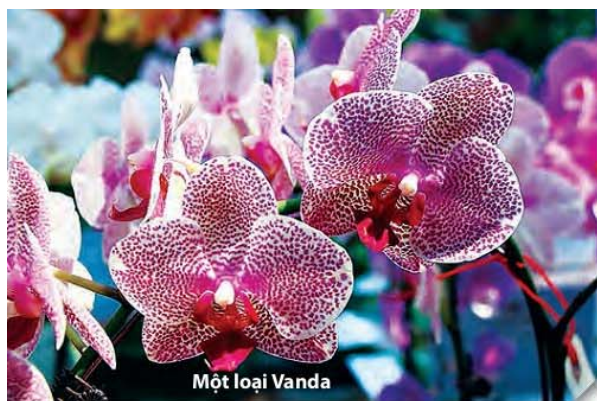
Nhưng thực tế, người tên Huỳnh Đậu là tổ Liễu Thông Chơn Giác, tổ khai sơn tổ đình Phụng Sơn mà không phải tổ Liễu Linh Chơn Ứng, tổ khai sơn chùa Hội Phước. Về bộ tượng gốm Di-đà Tam tôn hiện đang thờ tại chùa Phước Lưu thuộc dòng gốm Cây Mai Sài Gòn xưa do lò Bửu Nguyên ở Chợ Lớn tạo tác vào năm Ất Tỵ (1905), hiện mình vẫn trên các tượng gốm còn khắc lại niên đại và hiệu của lò gốm, bộ tượng này cũng không thuộc dòng gốm nào của Trung Quốc. Chặng qua đây là một trong nhiều câu chuyện kể truyền miệng dân gian với mô-típ "*du địa phủ*", là những dị bản của văn học dân gian nhằm thể hiện quan niệm nhân quả theo giáo lý của nhà Phật với mục đích khuyến thiện, khuyến khích chúng sinh nên làm lành lánh dữ, ở hiền sẽ gặp lành hay làm lành gặp lành, làm ác gặp ác.

Chùa Hội Phước - ngôi cổ tự ở xứ Trảng Bàng (Tây Ninh) là nơi lưu dấu bước chân hoằng pháp độ sinh của Hòa thượng Liễu Linh Chơn Ứng, một vị danh tăng nơi vùng đất Nam Bộ. Ngôi chùa mang đậm nét của sự dung hòa giữa tôn giáo và dân gian trong kiến trúc, lối thờ tự cùng những câu chuyện truyền miệng đã thể hiện được tinh thần nhập thế của Phật giáo nơi mảnh đất phương Nam. ■

Chú thích:

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (2006), *Địa chí Tây Ninh*, tr.513.
2. Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh*, Nxb TP.HCM, tr.46.
3. Xem thêm: Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.58,59.

* Ảnh của tác giả



Một loại Vanda



Một loại Dendrobium



Cây và người

CAO HUY HÓA

Tôi mới quen anh gần đây. Anh luôn luôn bận, nên chỉ hẹn cà-phê định kỳ trong tuần, theo giờ ấn định, thế mà anh thường đến trễ, và cũng thỉnh thoảng ra về trước mọi người. Bạn chuyện gì? Anh em tất cả đều là người lớn tuổi nhàn hạ, cứ nghĩ bạn cũng như mình, cho nên có người phỏng đoán cho vui, chắc vì... chị nhà!

Cũng như rất nhiều người từ bảy mươi trở lên, anh phải gánh chịu thương đau qua những biến cố của đất nước. Sau năm 1975, anh kiếm sống vất vả, lao động nặng nhọc như xay xát... nhưng rồi trụ lại vững vàng nhờ dạy tư, dạy kèm; sau này anh hể hả kể chuyện mẹo, chuyện bí quyết dạy hay, cách luyện thi... Nhưng đó là chuyện đã qua lâu rồi, hiện nay anh làm gì, tôi không rõ, chỉ trừ một việc: anh chữa bệnh bằng cách bấm huyệt, châm cứu. Cả đời vất vả, thế mà con anh thành đạt, nghề nghiệp vững vàng, lại ở Sài Gòn. À, anh bạn cũng có lý một phần, vì thỉnh thoảng anh chị đi xa, vào với con cháu.

Bàn cà-phê chúng tôi không có ai ăn nói lưu loát, không mấy ba hoa trên trời dưới đất, không triết lý chuyện đời, chuyện tích cực tiêu cực, cho nên nhiều lúc im lặng là chính, và anh là người ít nói, nhưng vui, không bao giờ lên gân, nổi nóng. Chuyện trao đổi thường xuyên nhất - dẫu cho tôi không thiết tha mấy và còn có người đứng ngoài câu chuyện - đó là trồng phong lan, giống này giống khác, hoa màu gì, trông như thế nào, tưới tắm ra sao, dùng phân gì, độ nắng bao nhiêu phần trăm... Nói cho đã rồi còn khoe ảnh hoa nhà mình trên điện thoại. Quả thật cuộc đời vẫn đẹp sao... cho dẫu quá đơn giản.

Một buổi sáng mùa hè nắng chói chang, không phải trúng ngày hẹn, anh đến quán cà-phê một mình, a-lô nhóm bạn, nhưng chỉ có một người nghe theo tiếng gọi của anh, còn tôi, khi đó đã chín giờ rưỡi, ở nhà núp nắng, thế mà nghe điện thoại, không nỡ phụ lòng anh, đành đến hội ngộ cà-phê... chỉ ba người. Vui thôi, có sao đâu! Ngồi quán khoảng nửa giờ, anh nói rất dứt khoát: "Đi, theo tui! Vợ tui đi rồi, tui ở một mình, về tui

chơi" (Ồ hay, té ra vợ đi khỏi là dịp để anh mời bạn?). Dừng một lát cho qua sự ngỡ ngàng của hai chúng tôi, anh mời: "Quen nhau lâu rồi, rứa mà anh H. chưa khi mô đến nhà em, chứ em mời!". Đúng vậy, tôi không biết anh ở phường nào trong thành phố Huế, nói gì nhà anh cụ thể? Thế mà anh đã đến nhà tôi, tặng phong lan, tặng phân trồng cây, rồi mất công tỉa cành, uốn nhánh (chuyện "hành hạ" cây, tôi không mặn mà lắm, nhưng vì cây trồng chậu cứ phát triển vô trật tự, cho nên nhờ anh, với sự lưu ý: Đừng uốn éo quá đáng, cắt tỉa là chính).

Thế là chúng tôi lên xe, giữa cái nắng như thiêu như đốt của cao điểm mùa hè. Phượng đỏ rực, thôi nhé, tau quá đã rồi, ngược nhìn mi nhức mắt quá! Cũng may là đường không xa và nắng như dịu lại khi chúng tôi rẽ vào con đường hẻm đi vào nhà anh. Nhìn bên ngoài, nhà tầm vừa phải, vườn không rộng, nhưng mát mắt khi cây xanh và hồ non bộ ôm lấy ngôi nhà. Con người nghệ sĩ té ra ẩn chứa trong dáng khắc khổ của anh. Phòng khách rộng thoáng, bày biện vừa phải, cân đối và chứa khá nhiều khoảng trống, vật dụng tuy không xa xỉ nhưng cũng vượt qua anh em chúng tôi, từ tivi rộng đời mới, tủ sách ngăn nắp, bể cá cảnh bằng kính, bộ salon bệ thế, cho đến bộ thiết bị nghe nhạc Akai, đặc biệt là ảnh gia đình, tranh mỹ thuật, trong đó có tranh hoa sen màu sắc và nét vẽ thanh nhã. Anh vừa mở lời: "Đợi cho một chút, tui vào chế trà" thì chúng tôi bác liến và nói vui: "Có bia thì được, mỗi người 'mần' một lon". Tuồng nói cho qua, vì trưa rồi, chúng tôi chỉ ghé thăm nhà anh một chút thôi, không ngờ anh phấn khởi: "Cái chi chứ bia thì em có sẵn, có ngay!". Hay quá, nốc mấy hớp bia trong lúc mới từ nắng nóng vào nhà, thật quá đã!

Chủ và khách đều vui không ngờ, anh kéo chúng tôi đi quanh nhà, thăm mảnh vườn bên hông, rồi lên lầu, phòng ốc rộng rãi, thoáng đãng. Gian cuối cùng trên lầu là gian thờ Phật và thờ đấng sinh thành, tổ tiên. Trên bàn thờ, một bộ kinh Phật đặt nghiêm chỉnh, bên tường phải là một bức họa Bồ-đề-đạt-ma khá lớn, ấn tượng với mắt sắc, lông mày rậm.



Một loại Vanda

Hầu hết thời gian thăm nhà là dành cho cây lá hoa. Tôi để ý chậu mai mà có người đến chơi trả giá rất cao, ở vị trí chính trong vườn. Tôi không ở trong nghề để bình phẩm dáng mai nào là thượng phu, quân tử, thế mai nào là thế rồng bay, thác đổ... Cây mai thế cũng như các cây cảnh khác, quý ở gốc đẹp, độc, lạ và thân cành mạnh rắn rồi - cho dầu bị uốn éo - như thể hiện ý chí của con người; vậy mà mai của anh xanh tươi, mạnh khỏe như đu đầy, gốc ú mập... không giống chủ nhân, thế mà tôi thích, vì... rắn rồi chỉ cho lắm, pha một chút mượt mà cũng hay. Nhưng thôi, thường lắm mai trong mùa hạ là không đúng thời rồi, xin hẹn anh cuối đông hoa khoe hương sắc. Uốn thế cây mai chưa đủ, anh còn uốn cây măng cầu trông chậu, cũng lạ; bắt rễ nổi u nổi cục trong khi cành điểm hoa; hy vọng măng cầu có khoảng năm, mười trái, chắc anh cười gục gặc mãn nguyện lắm.

Nhưng trong toàn bộ khu vườn, phong lan vẫn là cây ưu thế. Mỗi nơi là một giàn phong lan. Bây giờ là mùa hạ, lan Dandro và Vanda khoe sắc tím, vàng, đỏ, còn những loại khác thì khoe cành, khoe lá thôi, có hoa chăng chỉ là rút lại cuối mùa. Tất cả đều đầy sức sống. Người chơi lan không chỉ thưởng thức hoa, mà còn thích thú ở rễ, ở mầm, nhất là đối với những giò lan mới trồng: ngày qua ngày, cứ ghé mắt xem rễ đâm thêm chút nào chưa. Anh chăm chút không những cây mà nghiên cứu dáng chậu phong lan nghiêng như thế nào cho đẹp, cũng như tạo dáng giá thể sao cho mỹ thuật. Cây là nhân, người trồng (với lao động, phân, nước tưới) và mặt trời, khí hậu là duyên; nhân và duyên hội tụ sẽ cho rễ, mầm và hoa. Nổi bật lan trong mùa này là dã hạc và ý thảo, đặc biệt là dã hạc. Hai loại lan này có thân mảnh mai, lá nhỏ, hoa cũng nhỏ, tuy nhiên nếu chăm sóc tốt, hoa kết thành chùm, đông đua theo gió, cánh hoa rung nhẹ, hương thơm la đà phảng phất. Đặc sắc của hoa lan dã hạc là vừa có cánh hoa rộng mở lại có chiều sâu của hòng, sự hòa điệu giữa tím-trắng-hồng với độ đậm nhạt khác nhau, hương trầm khác nhau, đủ làm say mê lòng người. Còn ý thảo nhẹ nhàng khiêm tốn hơn, với màu trắng chủ đạo, và chút tím trong hòng, tuy nhiên cũng có ý thảo đỏ, ý thảo vàng, nhưng hiếm có.

Cả ngày anh đi ra đi vô chăm sóc cây cảnh, vườn lan, ngắm từng mầm lá, rễ non, tưới bón phân, tỉa cành, làm cỏ. Riêng chuyện tưới lan cũng nhiều kẻ, khi thì tưới đều, khi thì tưới lá, khi thì tưới rễ, tưới chậu, tưới

giá thể, với vòi nước mạnh nhẹ khác nhau, giờ giấc khác nhau. Tôi nghĩ đến chánh tinh tấn trong công việc, chắc là anh khi tưới cây thì chỉ biết tưới cây, đến độ vui buồn gạt ra ngoài, anh vui thì anh không để ý, không vui mà cũng không không vui, cứ thế cứ thế, vậy là chánh niệm trong công việc rồi đó. Ở đâu người trồng hoa than thở vì nắng cháy, chứ ở đây, tất cả vẫn đón nhận ánh sáng mặt trời, cho dầu là nụ mới hé, lá đang non, rễ mới đâm. Tôi không biết có ai làm bạn lan thân thiết với anh để chia sẻ niềm vui cây cỏ, cùng trao đổi tri thức và kinh nghiệm, cùng vui thành quả bên chén trà; hình như anh bằng lòng lao động và hưởng thụ thế giới cây cỏ của anh, một mình. Cũng hay, anh bớt nói chuyện lao xao ngoài đời để thì thầm với cây. Họa may cũng có những người bạn như chúng tôi, nhưng chuyện hoa lá chỉ để thêm chút tình thân mà thôi.

Cuối cùng anh mời chúng tôi lui sau hè, chỉ vào khoảnh vườn rau khoai lang. *"Anh biết em trồng rau ở đây để làm chi không?"*. *"Hồi chi lạ rửa, thì để ăn rau sạch chứ chi nữa!"*. Tôi mới trả lời thì anh cười hề hề: *"Cho vợ em đó. Có thể thì em mới an tâm chăm sóc cây cối trong vườn"*. Và anh buông một câu như là kết thúc câu chuyện: *"Cả ngày em loay hoay với cây, quên giờ giấc, cho nên mấy anh thông cảm, nhiều khi em đến hội cà-phê trễ"*.

Chúng tôi không làm gì cả, chỉ ngắm cho sướng mắt, thế mà anh vui lắm. Anh đem ra khoe, điều mà chúng tôi có nghe nhưng không ngờ thành tích lớn như vậy: Một tấm bằng to tướng, chứng nhận võ sư môn võ cổ truyền Việt Nam, và tôi chú ý chữ ký của ông Hoàng Vĩnh Giang, một quan chức cao cấp của ngành thể dục thể thao, một nhà hoạt động thể thao nổi tiếng, Anh hùng lao động. Tấm bằng vô khung, lộng kính vàng hoàng, thế mà anh cất đi, không treo, và bây giờ đem "khoe" với những kẻ không biết mùa may chút gì về võ. Một lúc sau, anh đem ra hai lon bia Heineken, bắt hai chúng tôi đem về. Tôi nghĩ cũng tức cười, mỗi chúng tôi toòng teng bao nhựa đựng một lon bia - có ai tặng như thế? Thôi thì cũng nhận cho anh vui.

Ra về, lại phải chịu trận cơn nắng nhưt mắt giữa trưa, nhưng cũng an ủi vì vừa được bạn đối đãi thân tình. Mà thật ra, có gì đâu, cùng chịu trận với con người, có những hàng cây bóng mát nối tiếp nhau, có không gian xanh mênh mông, có sông Hương và các sông An Cựu, Bến Ngự, Đông Ba, Như Ý, Bạch Yển, Ngự Hà, hồ Tịnh Tâm...

Huế là như thế đó! ■



LÊ HẢI ĐĂNG

Nước ta là một trong những quốc gia hiếm hoi trên thế giới có Tết trồng cây. Thuở nhỏ đi học vào dịp đầu năm thấy cô thường tổ chức cho học sinh buổi sinh hoạt dã ngoại với mục đích “trồng cây gây rừng”. Biết bao thế hệ học trò lớn lên trên ghế nhà trường từng tham gia hoạt động thiết thực đầy ý nghĩa này. Học sinh có thể trồng cây ngoài đường phố hay trong sân trường. Nhưng, theo quan sát, cây học sinh trồng đa số không trưởng thành, lớn lên thành rừng như phong trào phát động mà nhanh chóng héo khô, tàn tạ, chết yểu. Lý do là học sinh chỉ thực hiện nhiệm vụ trồng cây mà không tham gia chăm sóc, tưới nước, bảo quản...

Những nhiệm vụ này dường như nằm ngoài phạm vi hoạt động phong trào. Bởi vậy, phong trào “trồng cây gây rừng” thực hiện trên khắp cả nước, hết năm này sang năm khác vẫn chưa thành hiện thực. Gần đây, phong trào trồng cây nhân dịp Tết trồng cây tiếp tục triển khai với nhiều hoạt động đa dạng hơn. Loại cây trồng cũng phong phú về chủng loại, có địa phương còn trồng cả giống cây ngắn ngày trong chiếc chậu đan bằng mây tre đặt quanh gốc cây ngoài đường phố. Tất nhiên, loại cây mang tính chất trang trí tiểu cảnh này khó thể phát triển thành rừng.

Xuất phát từ một phong trào mang đầy ý nghĩa, thiết thực, nhưng cách thức triển khai, thực hiện mới làm nên giá trị thực tại của nó. Trồng cây hay trồng rừng đều có tác động tích cực, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, môi trường sinh hoạt, văn hóa, xã hội. Xét về thời gian thực hiện, phong trào trồng cây nhân dịp Tết trồng cây có thể coi như một chương trình hành động quốc gia, mang tầm chiến lược, nhưng vì dừng lại ở hoạt động phong trào, nên việc đánh giá tác dụng thật sự của nó chưa được quan tâm đúng mức.

Căn cứ vào phương pháp nghiên cứu phát triển cộng đồng, một chương trình hành động hay chính sách trước khi đi vào thực tiễn phải trải qua bốn bước:

Bước 1: *Đánh giá thực trạng.*

Bước 2: *Xác định nhu cầu.*

Bước 3: *Tìm hiểu khó khăn, thuận lợi.*

Bước 4: *Đề ra giải pháp.*

Qua phong trào “trồng cây gây rừng” hay trồng cây hưởng ứng Tết trồng cây cho thấy các bước kể trên đã bị bỏ qua. Nếu hoạt động này thực sự hiệu quả, cây thế hệ trước trồng đã trưởng thành, tỏa bóng mát cho thế hệ sau. Cây thế kỷ trước trồng đã rợp bóng trong thế kỷ này. Có lẽ xuất phát từ tư duy phong trào, không đề cao công tác hậu kiểm, đánh giá, xem xét lại mục tiêu của chương trình bằng phương pháp khoa học, nên, thời gian qua đi, cây xanh, cây rừng trồng từ phong trào hoặc Tết trồng cây chưa đạt hiệu quả cao.

Như trên đã nói, phong trào trồng cây mặc dù mang tính chất của một chương trình mục tiêu quốc gia, nhưng công tác triển khai, đánh giá chưa thực hiện khoa học. Trong 4 bước kể trên, chỉ riêng bước 1 là xác định thực trạng đã cho thấy chương trình này chưa hề bước qua.

Trên khắp cả nước có rất nhiều địa phương với những con đường vắng bóng cây xanh. Ngay như một thành phố vốn mệnh danh “rừng trong thành phố, thành phố trong rừng” là Đà Lạt cũng có nhiều tuyến phố quanh khu trung tâm không hề có cây xanh, như Nguyễn Văn Trỗi, Bùi Thị Xuân, Tăng Bạt Hổ, Trương Công Định, Mùng 3 tháng 4... Ở thành phố Hồ Chí Minh, nhiều con đường như: Hai Bà Trưng (khúc từ Võ Thị Sáu tới Cầu Kiệu), Nguyễn Kiệm, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng (quận Phú Nhuận), Đoàn Văn Bơ quận 4... đều không có cây xanh trồng hai bên đường.

Giả sử áp dụng phương pháp nghiên cứu phát triển cộng đồng với bước 1: xác định thực trạng, người tham gia phong trào biết phải trồng cây ở đâu. Bước 2: điều tra nhu cầu giúp cho người tham gia nhận biết công việc phải triển khai như thế nào...

Trên thực tế, phong trào trồng cây nhân dịp Tết trồng cây đã kéo dài suốt nhiều năm, nhưng rừng mới chưa mở ra tia hy vọng mà “rừng xưa đã khép”. Theo truyền hình đưa tin, nhiều địa phương trở thành điểm nóng về nạn chặt phá rừng, như: Lâm Đồng, Bình Phước, Đắk Lắk... có nơi còn treo biển giao bán đất rừng công khai, làm tắc bức tử rừng, cây rừng từ trong lõi.

Theo Nguyễn Ngọc Lung¹, dựa vào số liệu của “Tổng thanh tra Lâm nghiệp Maurand năm 1943”. Khi đó trên lãnh thổ Việt Nam có 14,3 triệu ha rừng tự nhiên, chưa có rừng trồng, với độ che phủ là 43%. Sau nửa thế kỷ, mặc dù diện tích rừng trồng đã tăng dần từ năm 1976 và đạt 0,745 triệu ha 1992 nhưng rừng tự nhiên đã bị suy giảm mạnh, chủ yếu do chiến tranh, sức ép phát triển dân số và yêu cầu sản xuất lương thực. Diện tích rừng tự nhiên thấp nhất vào năm 1992, chỉ 9,18 triệu ha, độ che phủ rừng toàn quốc là 27,8%².

Còn theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến ngày 31/12/2014, tổng diện tích rừng, đất quy hoạch cho lâm nghiệp của năm tỉnh Tây Nguyên là 3.354.194ha, trong đó, đất rừng giảm 180.000ha³. Như vậy, rừng tự nhiên của nước ta đã liên tục suy giảm suốt một thời gian dài. Qua truyền hình đưa tin, đa số rừng bị bức hại đều có cơ quan chủ quản, nhưng rốt cuộc chẳng ai thực sự quản được rừng một cách hiệu quả, thậm chí có thời kỳ (năm 2016), Thủ tướng Chính phủ phải ra lệnh “đóng cửa rừng”.

Ngày xưa, rừng là của người dân, đối với những cánh rừng không thuộc quyền sở hữu cá nhân thì cũng của thần linh, ông bà, tổ tiên quá vãng... Ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, có những khu rừng mệnh danh là “rừng cấm”, xứ sở của thần linh. Tư duy, thói quen văn hóa ấy góp phần giữ gìn, bảo vệ rừng một cách hữu hiệu. Người dân địa phương tự nhận lấy trách nhiệm bảo vệ rừng. Sau khi giao cho lâm trường khai thác, kiểm lâm quản lý, rừng đã bị lâm tặc hoành hành. Kết quả là rừng cứ ngày một cạn kiệt, cây rừng bị đốn hạ, chặt phá xó xa.

Mặc dù có Tết trồng cây, phong trào “trồng cây gây rừng”, nhưng nếu không có biện pháp, cách thức bảo vệ, gìn giữ, chăm sóc thành quả của rừng, công cuộc trồng cây gây rừng nhân dịp Tết trồng cây chưa thể trở thành hoạt động hiệu quả.

Theo logic, một đất nước có Tết trồng cây chắc chắn phải có nhiều cây, chưa kể đất nước ấy còn có di sản “rừng vàng” thừa kế từ quá khứ! Sự thực không phải vậy. Như trên đã đề cập, nếu chúng ta trồng cây, nhưng không chăm sóc, vun bón, bảo vệ, cai quản cây thì sớm muộn cây cũng bỏ người trồng mà ra đi. Chúng ta có rừng vàng, nhưng không bảo vệ, gìn giữ, sớm muộn không chỉ mất “vàng” mà mất luôn cả rừng như nhiều khu vực ở Tây Nguyên, Bình Phước... đã xảy ra. Như thế để thấy rằng, dù được thiên nhiên ưu đãi, từng có rừng vàng biển bạc, văn hóa cũng chế định ra Tết trồng cây



Nguồn: hanoimoi.com.vn



Nguồn: baophutho.vn

cho con người tái thiết môi trường xã hội hài hòa với tự nhiên, song nếu không có biện pháp bảo vệ rừng, chăm sóc cây thì rừng vẫn bị xâm hại, cây trồng vào dịp Tết chưa thể phủ xanh đất nước.

Cùng với tình trạng biến đổi khí hậu trên toàn thế giới, Tết trồng cây tiếp tục nhắc nhở mỗi công dân về tầm quan trọng của thiên nhiên, trong đó có rừng, cây xanh và công tác chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên nhằm tránh sự suy thoái nghiêm trọng do chính con người gây ra. Cây tuy là khách thể của con người, nhưng liên quan mật thiết với con người và chính là chủ thể trên trái đất này. Nhân dịp Tết trồng cây lại một lần nữa nhắc nhở chúng ta trách nhiệm, lòng biết ơn đối với rừng, cây xanh và môi trường thiên nhiên. ■

Chú thích:

1. Viện Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (SFMI).
2. http://nature.org.vn/vn/wp-content/uploads/2017/05/260517_NguyenNgocLung.pdf.
3. <https://bnews.vn/chinh-phu-tuyen-bo-dong-cua-rung-tu-nhien/18155.html>.



Ảnh tác giả



NSUT Vũ Luân

đến với sân khấu Thanh Bình Từ Đường

NGUYỄN VĂN TOÀN

Tối ngày 24-7, người dân kiệt 281 đường Chi Lăng (phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế) vui mừng vì có NSUT Vũ Luân cùng các nghệ sĩ Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh đến biểu diễn phục vụ. Nơi đây vốn là Thanh Bình Thự, là nơi ở và nơi tập luyện của các nghệ nhân hát bội (tuồng) dưới thời nhà Nguyễn. Bởi vậy, người dân ở đây được gọi là người dân của "Xóm hát bội".

Đây là lần đầu tiên, NSUT Vũ Luân đến với sân khấu Thanh Bình Từ Đường, nơi có nhà thờ Tổ nghề hát bội và xưởng ca của cả nước. Trong vai Lương Sơn Bá, NSUT Vũ Luân đã khiến các khán giả xứ Huế sống lại thời vàng son của nghệ thuật cải lương tuồng cổ. Nhiều khán giả lần đầu tiên nhìn thấy được thần tượng của mình đã không kìm được cảm xúc.

NSUT Vũ Luân (sinh năm 1972) là một ngôi sao cải lương thế hệ sau thời của NSUT Vũ Linh, NSUT Kim Tử Long. Vai Lương Sơn Bá mà anh diễn tại sân khấu Thanh Bình Từ Đường chính là vai diễn kinh điển của anh. Đây chính là sự tri ân của anh đối với Tổ nghề và với khán giả xứ Huế, những người đã hâm mộ tiếng hát của "hoàng tử cải lương" hàng chục năm qua.

Đây cũng là lần thứ hai các nghệ sĩ Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh (trực thuộc Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Đồng Nai) đến với sân khấu Thanh Bình Từ

Đường để hát phụng cúng Tổ nghề. Năm 2017, đoàn đã đến biểu diễn phục vụ khán giả tại "Xóm hát bội" và buổi biểu diễn đã kéo dài từ 7 giờ tối đến 1h30 sáng hôm sau. 27 năm trước, NSUT Ngọc Khanh (trưởng đoàn Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh) cũng có dịp đến Huế khi tham gia Liên hoan Những trích đoạn tuồng hay toàn quốc và viếng thăm Thanh Bình Từ Đường. NSUT Ngọc Khanh cho biết: Năm 1990, Câu lạc bộ Thể nghiệm Sân khấu Truyền thống (tiền thân của đoàn Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh) thuộc Hội Sân khấu thành phố Hồ Chí Minh được thành lập. 30 năm qua biết bao thăng trầm trên bước đường nghệ thuật nhưng cũng nhờ sự mến thương của khán giả, lòng yêu nghề của các nghệ sĩ, đoàn đã không ngừng cải tiến và phát huy nghề nghiệp. Kỷ niệm 30 năm thành lập đoàn, các nghệ sĩ của đoàn đã quyết định hát phụng cúng Tổ nghề trong hai ngày tại sân khấu Thanh Bình Từ Đường như một sự tri ân. Đoàn sẽ diễn lớp "Đại bội" và kịch bản "Đức Thượng công Lê Văn Duyệt" vào đêm 23-7 và diễn vở "Ngũ sắc châu" vào đêm 24-7.

Ông Trần Ngọc Lợi, 93 tuổi, người hơn 60 năm giữ hương khói ngôi từ đường, cho biết thêm: Thanh Bình Thự được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 5 (1825), dùng làm nơi luyện tập cho những nghệ nhân thuộc đội hát bội Việt Tường trong cung cấm. Các sân dài và rộng trước Thanh Bình Từ Đường hiện nay trước đây là sân khấu Thanh Bình. Sân khấu này lúc đầu chỉ để diễn

tập. Dẫn dần về sau theo yêu cầu của quần chúng, sân khấu là nơi biểu diễn phục vụ rộng rãi người xem của kinh thành Huế. Đối với Thanh Bình Từ Đường, chính giữa ngôi từ đường này là bàn thờ các vị Tổ ngành xướng ca của cả nước. Tại đây có bài vị Càn Cưng hầu, được tôn xưng là ông Tổ ngành hát bội và hậu tổ hát bội là cụ Đào Tấn. Bên ngoài còn có 2 án thờ ở hai bên tả hữu (trái phải). Trong đó, án bên tả thờ các nghệ nhân quá cố như Đào Duy Từ, người có công lớn trong việc phát triển nghệ thuật hát bội nước nhà. Thanh Bình Từ Đường được công nhận Di tích Văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 776/QĐ/VH ngày 23-6-1992 của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) như sự tri ân đối với nghệ thuật sân khấu.

Không chỉ có Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh, năm 2018, đoàn cải lương Sông Hương (trực thuộc Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Thừa Thiên - Huế) cũng đã đến biểu diễn phục vụ người dân xóm Thanh Bình với vở “Phạm Công-Cúc Hoa”, “Lá sầu riêng”, “Lan và Điệp”... Đoàn cải lương Sông Hương trước đây rất nổi tiếng. Nay đoàn mới được khôi phục lại nên những tràng pháo tay, sự ủng hộ vật chất tùy tâm từ khán giả xóm Thanh Bình... chính là động lực để các nghệ sĩ của đoàn theo nghề trong thời gian tới.

Nói về sự hình thành và phát triển của loại hình nghệ thuật hát bội, NSUT Ngọc Khanh (trưởng Đoàn hát bội - cải lương tuồng cổ Ngọc Khanh) nhận định: “*Sân khấu hát bội đầy tính nhân văn, phản ánh rất rõ những tích cực và tiêu cực của xã hội qua mỗi thời đại, mỗi thời kỳ lịch sử, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín mà đặc biệt là chuyên chở những tâm tư ước vọng của nhân dân ta. Vì vậy nghệ thuật hát bội đã đi sâu vào trong lòng mỗi người dân Việt Nam, là một trong những nền tảng quý báu của nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc... Dưới sự hội nhập văn hóa thế giới, mỗi thời đại đều có những loại hình văn hóa mới xuất hiện và cái cũ thường rơi vào quên lãng. Trên thực tế, loại hình nghệ thuật hát bội cũng rơi vào tình trạng ấy. Đó là điều mà chúng tôi cứ đau đầu trong lòng khi sân diễn hát bội cứ bị thu hẹp dần*”.

Sử sách ghi chép tuồng (hát bội) hình thành từ Bình Định rồi lan đến Phú Xuân ở Đàng Trong, ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống cung đình Huế. Dưới thời Nguyễn Phúc Chu đã có đoàn vũ nữ ngoài hát múa, còn diễn tuồng. Dưới thời Nguyễn Phúc Khoát, chúa cho xây dựng nhiều cung điện nguy nga, trong đó có sân Đồng Lạc là nơi để trình diễn tuồng, lại sai người tập trung nghệ sĩ tuồng ở triều đình, chú tâm xây dựng đội tuồng ở hoàng cung. Nhà nghiên cứu Tôn Thất Bình trong cuốn sách “*Tuồng Huế*”, có nhắc đến một tài liệu tranh của J. Barrow in tại Luân Đôn năm 1806, cho biết cảnh diễn tuồng cuối thế kỷ XVIII ở Đàng Trong, mô tả cảnh hát tuồng thiết triều, rất đông khán giả đứng xem.

Đến đời vua Gia Long, triều đình đã tổ chức Việt Tường Đội đào tạo diễn viên tuồng. Đến triều Minh Mạng thì



tuồng được hết sức quan tâm. Thanh Bình Từ, trường dạy diễn viên tuồng quy mô đầu tiên cả nước được thành lập năm 1825 và Duyệt Thị Đường, sân khấu tuồng hoàng cung được xây dựng năm 1826. Dưới triều Tự Đức tuồng phát triển rực rỡ, vua cho xây thêm nhà hát Minh Khiêm đường (tại Khiêm cung) năm 1864, lại thành lập Ban Hiệu thư, chuyên sáng tác, chỉnh lý, hiệu đính các vở tuồng với sự điều khiển của chính vua Tự Đức. Đào Tấn được vua tin nhiệm, sung vào Ban Hiệu thư lúc còn trẻ, đã sáng tác nhiều vở tuồng trong giai đoạn này. Vua Tự Đức còn tập hợp những nghệ nhân xuất sắc ở các làng, các tỉnh về Kinh có đến 300 người. Thời kỳ này sân khấu tuồng đạt tới đỉnh cao. Không chỉ vua, các thân vương, quan lại cũng rất mê tuồng. Nhiều phủ có những đoàn hát bội riêng như các đoàn của Hải Ninh quận công, bà chúa Nhất, ông Hoàng Chín, bà chúa Tám, bà Từ Cung... Các rạp tuồng cũng được dựng lên như rạp của phủ Định Viễn Quận công con vua Gia Long, và các rạp của Diên Khánh vương, Tuyên Hóa công, Đào Tấn...

Khi nhà Nguyễn cáo chung vào năm 1945, các nghệ sĩ tuồng từ Huế tỏa đi khắp nước để tìm kế mưu sinh và để giữ nghề. Tuy nhiên, cải lương, kịch nói, phim ảnh, nhạc tân thời... ngày càng được khán giả ưa chuộng. Mặc dù vậy, sau năm 1975, Huế vẫn duy trì được 2 đoàn tuồng. Một đoàn trong biên chế nhà nước dưới tên Đoàn Múa hát truyền thống, với 15 người và 10 nhạc công. Một đoàn tuồng nghiệp dư khác, đó là Đoàn Thanh Bình được thành lập năm 1981 dưới sự bảo trợ của Phòng Văn hóa Thông tin thành phố Huế. Nhiều sân khấu ngoài trời ở các vùng ngoại ô Huế hết sức nóng nhiệt đón nhận các đoàn tuồng, đặc biệt là từ những năm trước và sau 1980 của thế kỷ XX. Có những sân khấu ở sân vận động làng xã đón các đoàn tuồng với số lượng người xem lên đến hàng ngàn. Vào năm 2006, Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế được thành lập, với mong muốn bảo tồn tuồng Huế bên cạnh Nhã nhạc Cung đình và Múa Cung đình. Từ năm 2015, chương trình biểu diễn ở Duyệt Thị Đường đã dành 15/45 phút cho tuồng Huế và bước đầu được khán giả ủng hộ.

Được biết, tại Festival Huế 2020, Chương trình sự kiện nghệ thuật “*Tuồng Huế - Ngàn xưa âm vọng*” sẽ diễn ra tại Thanh Bình Từ Đường, cung đường Chi Lăng - Lê Duẩn, Nghênh Lương Đình, cung đường Lê Duẩn - cửa Quảng Đức - đường 23 tháng 8 - cửa Hiến Nhơn. Chương trình gồm lễ tế Tổ sân khấu, rước mặt nạ tuồng trên đường phố, trình diễn trích đoạn tuồng. ■



Học hạnh kham nhẫn

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Kham nhẫn theo thuật ngữ Phật học gọi là Nhẫn nhục. Đây là một tâm sở thiện, một đức tính cần thiết của con người trong việc đối nhân xử thế. Nhẫn nhục nghĩa là chịu nhịn những điều sỉ nhục xấu hổ, chịu đựng tổn thương trước những nghịch cảnh, sự việc không vừa lòng, nghịch ý, trái tai gai mắt; nhẫn nhục còn là nhận chịu những điều người khác làm cho mình khổ não, trong tâm mình không những không tức giận mà còn không nghĩ tưởng tới việc sẽ báo oán trả thù, mà còn cao thượng hơn đó là khởi tâm *Vô duyên từ* đối với mọi người.

Trong đạo Phật, nhẫn nhục nếu phân chia theo ba nghiệp thì có: thân nhẫn, khẩu nhẫn và ý nhẫn.

Thân nhẫn là sự chịu đựng của thân trước các hoàn cảnh không vừa ý như nóng lạnh, bệnh tật, đói khát, chỗ ở thiếu tiện nghi, hoặc bị hành hạ đánh đập. Trước những nghịch cảnh như thế, người thực hành thân nhẫn cố gắng chịu đựng không phàn nàn, kêu ca hay bạo động chống trả mà chỉ bình tĩnh giải thích sự việc.

Khẩu nhẫn là im lặng trước các nghịch cảnh như có người chửi mắng, vu oan, đâm thọc, nói sai sự thật, nói lời khiêu khích v.v... Trước những lời trái tai gai mắt, người thực hành khẩu nhẫn chỉ từ tốn giải thích trong ôn hòa, dù nghe lời không vừa ý nhưng họ vẫn giữ yên lặng, không giận dữ dùng những lời ác mà đối lại hoặc gây gổ cãi lộn, đánh nhau v.v...

Ý nhẫn là tâm nhẫn nhục, trước nghịch cảnh mang đến cho thân và trước những lời nói trái tai họ đều kham nhẫn chịu đựng không có ý nghĩ tức giận, thù oán. Luôn giữ tâm buông xả, an định trước mọi thuận nghịch của đời sống.

Nếu phân chia theo ý nghĩa thì nhẫn nhục có bên ngoài và bên trong.

Nhẫn nhục bên ngoài nghĩa là vì danh lợi, vì có người khen, vì sợ uy quyền, vì chưa đúng thời điểm, vì chưa có đủ điều kiện phản kháng, vì sức yếu thế cô v.v... nên gắng chịu đựng. Tuy có nhẫn nhục nhưng đó chỉ là sự đè nén. Bất cứ sự chịu đựng nào cũng có giới hạn, khi vượt ngưỡng sẽ bùng vỡ và mang đến hậu quả khôn lường. Theo Phật giáo, nhẫn nhục bên ngoài cũng rất cần, nhưng cần hơn là hướng đến nhẫn nhục thực sự ở bên trong. Nhẫn nhục bên trong chỉ thành tựu khi trí tuệ và từ bi của hành giả đầy đủ. Hành giả thấy rõ tất cả pháp đều huyễn hóa vô thường, biết rõ mình và người không phải hai, thấy rõ vì người ta đang khổ (do vô minh, tham ái, phiền não) nên mới làm khổ mình, nhờ trí tuệ và từ bi nên hành giả kham nhẫn, chấp nhận và vượt qua tất cả chướng ngại một cách nhẹ nhàng. Nhẫn nhục bên trong một cách trọn vẹn còn được gọi là nhẫn nhục Ba-la-mật¹.

Nhẫn nhục là một hạnh lành, một thái độ khiêm cung, và còn là một lối sống đẹp, dễ thương. Theo kinh *Di giáo*, Đức Phật dạy: *"Này các đệ tử, nếu có ai xúc phạm, thương tổn thân thể các vị, các vị nên kiểm chế tâm mình, đừng để lửa sân hận thiêu đốt. Lại phải giữ lời ăn, tiếng nói, đừng buông lời ác độc để trả đũa ai. Tâm sân hận trỗi dậy sẽ làm băng hoại đạo nghiệp, cháy hết công đức tu tập. Đức tánh của kham nhẫn thì giữ giới và khổ hạnh cũng không thể sánh bằng. Thực hành đức nhẫn mới xứng danh là bậc Thượng nhân có sức mạnh. Người nào chưa có thể chịu đựng sự nhục mạ một cách hoan hỷ, như uống cam lộ, thì chưa thể xứng danh là người vào đạo có trí. Sự sân hận sẽ thiêu hủy tất cả pháp lành, nó nguy hiểm hơn lửa dữ. Các vị phải canh phòng cẩn mật, đừng cho sân hận xâm nhập. Trong các loại giặc cướp công đức thì sân hận là nguy hiểm bậc nhất. Người thế gian sống thọ hưởng dục lạc, thiếu phương pháp chế*

ngự, nếu có sân hận còn có thể tha thứ được. Người xuất gia hành đạo loại bỏ mọi thú vui của đời mà không loại bỏ được sân hận thì thật đáng trách, cũng giống như bầu trời quang đãng mà có sấm sét nổi lên là điều không thích hợp”.

(Trích, Kinh Lời dạy cuối cùng của Đức Phật)

Trong Trung A-hàm quyển 4, Đức Phật dạy nhấn nhục như sau: “Khi nghe, có năm cách nói: ‘Nói đúng lúc hay không đúng lúc, nói chân thật hay giả dối, nói dịu dàng hay hung ác, nói hòa hợp hay đâm thọc, nói có nghĩa hay vô nghĩa’, với năm cách nói này nếu người tu hành khi nghe mà tâm bị biến đổi, có thể miêng phát ra lời ác, người tu hành bị suy thoái. Khi ấy người tu phải khởi tâm từ mẫn đối với người kia, tâm tương ưng với từ trải khắp một phương, thành tựu an trú; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên phương dưới, bao trùm tất cả, không tranh cãi, không sân không oán. Đối với tâm bi, hỷ, xả cũng vậy, không tranh, không sân oán, biến mãn tất cả thế gian rộng lớn trùm khắp, thành tựu an trú. Cũng vậy, nếu người tu bị người khác dùng tay đập, đá ném, gậy đánh, dao chém, mà tâm biến đổi, hay miêng phát lời ác, hay đánh trả, người tu tất bị suy thoái. Hãy học sao cho tâm không biến đổi, miêng không phát ra lời ác, không đánh trả, mà hướng đến người ấy, duyên nơi người ấy khởi tâm từ mẫn, không tranh, không kết, không oán, rất rộng lớn vô lượng vô biên, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú, khéo tu tập như thế”².

Trong bảy phương pháp đoạn trừ lậu hoặc thì Kham nhẫn Đoạn trừ (*Adhivāsana pahātabbāsa*) là hoàn hỷ chịu đựng những cảm giác khó chịu về thân tâm. Ví dụ như những thứ bất như ý, tranh chấp, bạo hành... mà người tu phải giáp mặt, các hiểu lầm, vu khống, mạ lỵ, các rần rít, ruối muối... Với các đối tượng này, người tu cần kham nhẫn để tránh các phiền não gây trở ngại công phu giải thoát.

Kham nhẫn là một pháp môn tu, tức kham nhẫn một cách ý thức và có chủ tâm những khó khăn và khổ đau do hoàn cảnh bên ngoài gây ra, kham nhẫn cách đối xử thô ác của kẻ khác và nói chung là kham nhẫn mọi nghịch cảnh. Với các đối tượng này, người tu cần kham nhẫn để tránh các phiền não gây trở ngại công phu giải thoát. Do vậy, kham nhẫn chịu đựng đã được Đức Phật tán dương như một trong những đức hạnh cao quý nhất, ngoài ra nó còn là một pháp Ba-la-mật (*pārami*) nhất thiết phải được hoàn thành nếu hành giả muốn đạt đến Niết-bàn, cứu cánh tối hậu của đạo Phật.

Trong kinh *Pháp cú*, Đức Phật dạy:

*Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết-bàn, quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người*³.



Pháp môn kham nhẫn có thể được mô tả như một kỹ thuật tuyệt vời nhất, nhằm đương đầu với mọi hoàn cảnh gồm cả ba phạm trù trên. Có rất nhiều tình huống trong cuộc đời này không thể giải quyết bằng một cách nào khác ngoại trừ kham nhẫn và tha thứ, bằng sự nhẫn nại chịu đựng. Những ai thường thiếu kiên nhẫn, không chịu đựng nổi những lời nói thô lỗ ác độc, những mất mát đau thương... những người ấy cũng khó kham giữ được mình trước những thành công, sung túc và danh dự trong cuộc đời.

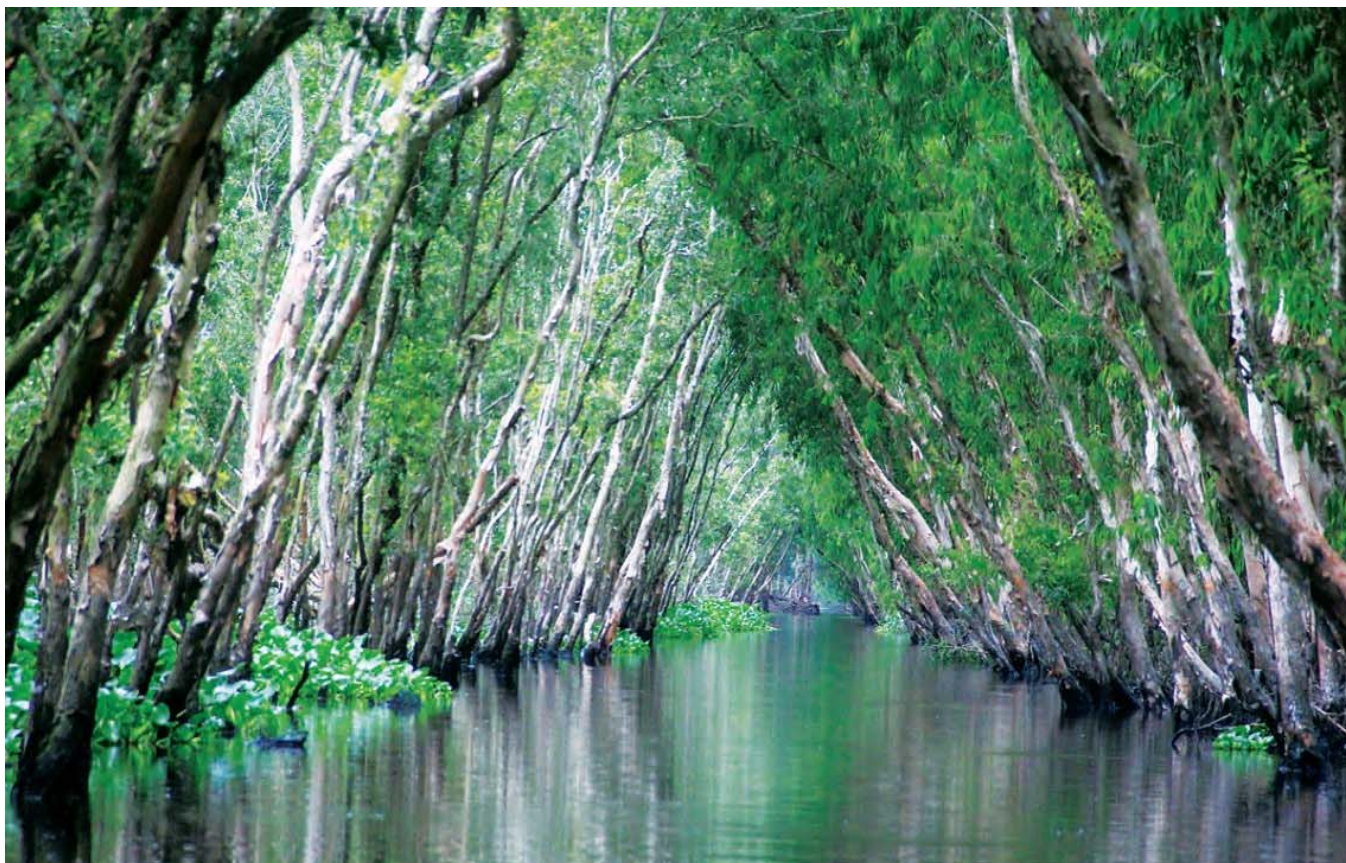
Do đó, ta cần phải học cách kham nhẫn. Nhờ thế, ta mới có thể sống một cuộc sống quân bình, có tiết độ và điềm đạm. Kham nhẫn như một hình thức biểu lộ của sự tác ý chơn chánh, thực sự là một vũ khí mạnh mẽ có thể được vận dụng một cách sắc bén để đương đầu với mọi thách thức.

Tóm lại, nếu ai thực hành được hành nhẫn nhục sẽ có được bốn điều lợi ích như sau: Lợi ích thứ nhất của nhẫn nhục là giúp ta tránh được mọi ảnh hưởng xấu của sân hận. Lợi ích thứ hai của nhẫn nhục là tạo ra một môi trường sống an lành quanh ta. Lợi ích thứ ba của nhẫn nhục là giúp ta rèn luyện một khả năng chịu đựng ngày càng tốt hơn, bền bỉ hơn. Lợi ích thứ tư của nhẫn nhục là giúp ta hoàn thiện đời sống tinh thần về mọi mặt.

Thực hành nhẫn nhục là nền tảng quan trọng tạo điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng đức khiêm hạ, tâm từ bi, cũng như phát triển trí tuệ, định lực và vô số những pháp lành khác nữa. Khi ta tu tập hạnh nhẫn nhục thì mọi điều lành đều dễ dàng sinh khởi, mọi điều ác đều dễ dàng bị ngăn chặn, do đó mà tâm ta chắc chắn sẽ ngày càng hoàn thiện hơn, tiến gần hơn đến sự an vui và giải thoát. ■

Chú thích:

1. Nhẫn nhục có ích gì? <https://giacngo.vn/tuvantamlinh/tuvan/2020/02/07/375098/>.
2. Toàn Không, Nhẫn nhục, <https://thuvienhoasen.org/a18426/nhan-nhuc>.
3. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Pháp cú*.



Mong manh những khát khao

TRẦN VỌNG ĐỨC

Việt Nam là đất nước trời cho về đa dạng tự nhiên. Có núi rừng, có sông biển, có nắng mưa, có gió bão. Gắn bó cùng thiên nhiên, cộng đồng cư dân trên mảnh đất này có nhiều khác biệt về không gian sống, về cốt cách, tâm hồn. Thường thì đói nghèo, dân trí và lòng tham chi phối những ứng xử của con người với thiên nhiên. Người ta dễ quên, rằng thiên nhiên hào phóng nhưng không phải vô tận và cam chịu. Khi đất trời cuồng nộ, ngỡ là tai ương may rủi, chỉ biết trốn chạy và khẩn cầu. Thiên nhiên có muôn vàn cách đáp trả, tương xứng với ứng xử của con người.

Những ngày chưa xa

Tôi may mắn có nhiều dịp ngang dọc mọi miền đất nước. Vùng đất Tây Nguyên để lại nhiều ấn tượng sâu đậm, trong đó có mối quan hệ đặc biệt giữa con người và thiên nhiên. Các dân tộc bản địa nơi này theo tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh. Thần linh hiện diện ở khắp nơi, trong mọi thực thể. Núi rừng sông suối là

không gian sống, là nguồn cung cấp thực phẩm, là nơi thần linh trú ngụ để cầm giữ, trao gửi khát vọng và niềm tin của con người. Mọi hoạt động, từ sản xuất, từ sinh, hội hè đều khởi đầu và kết thúc bằng lễ cúng thần linh. Con người quá cô đơn, nhỏ nhoi và hoàn toàn thần phục trước siêu nhiên, đất trời.

Với người Jarai và một số dân tộc Tây Nguyên, Vua Lửa tượng trưng cho thần quyền, tồn tại suốt khoảng 500 năm qua, có khả năng "hô phong hoán vũ". Thời xa xưa, người dân hầu khắp các bản làng trong vùng, khi gặp hạn hán, mất mùa đều tìm đến Vua Lửa nương nhờ. Các chuyến hành lễ, Vua Lửa thường cưỡi voi, có đoàn tùy tùng hàng chục người mang gùi tráp chứa vật dụng tháp tùng. Năm 1997, tôi có dịp chứng kiến lễ cầu mưa do Vua Lửa Siu A Lunh thực hiện ở làng Plei Oï, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Núi rừng điệp trùng là không gian của tâm linh, lễ hội. Tiếng trống và cồng trầm hùng, vang vọng, nghe giục giã, sâu thẳm. Không gian như trở về thuở hồng hoang, linh thiêng và huyền bí. Trời đất là vô biên, vô lượng.

Lòng thành kính và niềm tin về sự thấu hiểu, trợ giúp từ thần linh trôi dạt trong từng gương mặt, ánh mắt của dân làng.

Những ngày chưa xa, cho tới thập niên 1990, du canh, săn bắt, hái lượm vẫn còn là lối sống phổ biến của người bản địa Tây Nguyên. Tôi được chứng kiến nhiều cuộc phát rừng, đốt rẫy hoành tráng. Thông thường, sau một vụ thu hoạch lúa, bắp hay khoai mì, bà con lại bỏ rẫy, đi tìm một vạt rừng khác, để vào mùa khô phát cây, đốt rẫy tạo phân tro. Chờ đến mùa mưa sẽ chọc lỗ tra hạt. Cứ như vậy, sau chừng dăm ba năm, họ quay trở về rẫy cũ, để lập lại chu kỳ phát đốt. Người sinh sôi, rừng ngày càng thu hẹp, xa dần buôn làng. Ấy là chưa kể rừng đã bị tàn phá không thương tiếc trong chiến tranh, bởi đạn bom và nhất là chất khai quang, di hại còn lê thê tới ngày nay. Rừng như trắng sẫm bị bức tử, không gượng dậy nổi. Tôi không thể quên lần chứng kiến cả khu rừng rộng mấy quả đồi ở Kon Tum ngút trời lửa khói do đốt rẫy. Giữa tiếng lách tách vỡ toác của tre vầu, thi thoảng còn có thêm tiếng nổ long trời của đạn bom còn sót lại trong chiến tranh, đất đá văng tung tứ bề. Trời đất đảo điên. Cả vùng đất tan hoang, tro bụi nóng ẩm che lấp lối mòn. Những thân cây lớn chưa kịp cháy hết tro thân hình quặt quẹo, đen thui giữa trời. Con người cứ hồn nhiên tàn ác, bởi tập tục cổ hủ từ bao đời, bởi đã cúng Giàng, khẩn thần.

Quần quại Đất Mũi

Đất Mũi ở Cà Mau là mảnh đất tận cùng trên đất liền của tổ quốc. Nhìn trên bản đồ, dải đất này có hình thù như một ngón tay chìa ra, chờ khêu ngoéo kết bạn với thiên hạ. Đất Mũi đã ngàn đời cô đơn và mong manh. Cô đơn bởi đường sá cách trở. Trên nền phù sa đất yếu, sông rạch chằng chịt trở thành hệ giao thông chính. Ghe thuyền là phương tiện di chuyển chủ lực. Đầu năm 2015 khi cầu Năm Căn được khánh thành, con đường thiên lý Bắc Nam từ Hữu Nghị quan tới mũi Cà Mau thông tuyến. Đất Mũi dường như gần gũi hơn với đất mẹ. Dẫu vậy, cuộc sống nơi này vẫn còn muôn vàn gian khó.

Mong manh bởi biến đổi khí hậu, biển xâm thực luôn canh cánh nỗi lòng. Xã Đất Mũi ba hướng giáp biển với chiều dài 34km, trong đó: phía giáp biển Đông dài 9km, là bên lở; phía biển Tây dài 25km là bên bồi. Bồi mạnh hơn lở nên diện tích xã nở rộng theo thời gian. Trên Wikipedia, không rõ cập nhật năm nào, có ghi diện tích xã Đất Mũi là 93,34km², còn thực địa hiện nay hơn 150km². Phía bãi bồi thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, không được phép khai khẩn, cư trú. Dân xóm Mũi đành quần cư nơi bãi lở, ngay cửa vàm Rạch Mũi. Con rạch trước đây xuống chèo hai mái đựng vào bờ, nay rạch biến thành sông, rộng cả trăm mét do lở đất.

Tôi đã nhiều lần tới Đất Mũi. Nhớ lại lần ngủ nhờ trong đồn biên phòng, ban đêm nước dâng ngập

phòng. Sáng ra giày vớ đã trôi đầu mất. Dở khóc dở cười. Lần khác, canh nước ròng để quay phim cảnh ngư dân thu hoạch thủy sản từ hàng đống giăng trên con rạch ở trung tâm xã. Hai giờ sáng, mò mẫm trong bóng đêm trên con đường dọc xóm. Đi tới đâu chỗ sửa ran tới đó. Có chú còn liều lĩnh rượt theo người lạ. Phải vận dụng mọi kỹ năng, từ hù dọa tới nhún nhường, để thoát hiểm. Rời căn nhà sàn bên rạch, tôi ngồi trên ghe của anh chủ đày. Cây đèn pin đeo trên trán người ngư dân hắt ánh sáng yếu ớt lên con nước đang rút nhanh ra biển. Ánh sáng le lói trong đêm, tô đậm thêm nét cô đơn, vất vả của người Đất Mũi. Chiếc ghe chòng chành theo mỗi nhịp kéo dẩy. Tuần tự cả năm túi đầy căng tròn, xổ ra trên ghe toàn... rác đủ loại, từ bao ny-lông, chai, lon, lưới rách, lá cây và chừng ba ký cá tôm cua lít nhít. Sao quá náo nức... Cũng đã nhiều lần, ngồi ghe du ngoạn trên mấy con rạch ở Đất Mũi. Có quãng, chưa đầy năm trăm mét, phải hai lần tắt máy, dừng ghe. Bởi chân vịt bị bao ny-lông quấn chặt, không quay nổi. Sông nước đã cạn kiệt thủy sản, rác nhiều hơn tôm cá.

Người hứng chịu thê thảm nhất tác động của biến đổi khí hậu ở rẻo đất tận cùng đất nước này hẳn là anh Nguyễn Ngọc Sơn, gọi thân mật là Tư Sơn, sinh năm 1959. Năm 1989, từ quê nhà Bạc Liêu, anh về Đất Mũi tìm kế sinh nhai. Căn chòi anh dựng, chỉ đơn giản là nối tiếp dãy nhà cặp theo con rạch dẫn ra biển. Giữa hiu quạnh đất trời, Tư Sơn cũng chẳng để ý, rằng cái chòi anh ở chính là căn nhà cuối cùng trên đất liền của Việt



Nam. Năm 2014, lần đầu tiên tôi tới nhà Tư Sơn. Theo con đường đất nhỏ xuyên rừng, tôi vừa đi vừa la thầu trời, hò gọi Tư Sơn để dò tìm lối vào nhà anh. Lẩn theo tiếng đàn ông giọng khàn từ xa xa đâu đó, loay hoay một hồi, tôi mới tìm được cây cầu khỉ khuất trong bụi cây. Cầu chỉ là một thân cây được dài chừng ba chục mét, đoạn có tay vịn, đoạn phải bám víu vào thân cây vắt ngang qua. Chân dò dẫm, tay lẩn mò, vừa đi vừa sợ rơi mình xuống bùn nước, cuối cùng tôi cũng vào được nhà Tư Sơn. Nhà thực ra chỉ là cái chòi dựng trên hàng cọc gỗ khẳng khiu, nhìn rất thê thảm. Sàn nhà là mấy tấm ván cong queo, ghép hờ cả đốt ngón tay, thấy bùn nước bên dưới. Vách bằng lá dừa nước đã bạc phếch màu. Mái gả những tấm lợp vừa tôn, vừa fibrocement. Những căn nhà hàng xóm xung quanh cũng rách rưới, tạm bợ như nhau. Đây là xóm của những người nghèo tha hương cùng cảnh ngộ.

Bên mâm rượu, Tư Sơn kể rằng, nơi đang ngồi đây là căn nhà thứ năm của anh. Biển xâm thực giật lở đất, cứ vài năm lại một lần phải di dời nhà. Lần sau thụt sâu vào phía trong chừng vài chục mét so với vị trí trước. Nhà bằng vật liệu tạm, rất khó tái sử dụng khi di dời. Nghèo lại chống chọi thêm nghèo. Tư Sơn đã li dị vợ, sống với một phụ nữ cũng đã li dị chồng. Họ xưng gọi anh em ngọt xót với nhau. Ánh mắt, nụ cười và ứng xử lộ rõ tình yêu thương chân thành. Mỗi bên

có vài người con riêng, đều đã lớn, sống tứ tán nhiều nơi. Họ không có con chung và có thêm điểm chung là đều không biết chữ. Hàng ngày, cũng như nhiều dân trong xóm, cả hai cùng lên ghe ra biển, lúc cào nghêu, khi thả lú (túi lưới hình trụ, dài hàng chục mét đặt dưới đáy biển) bắt cua cá. Biển đã cạn nguồn thủy sản, mỗi ngày họ kiếm được gần hai trăm ngàn đồng, tạm đủ sinh sống. Những đồng tiền khó khăn dành giùm được họ không dám gửi tiết kiệm vì không biết chữ, chỉ lén mua một vài chỉ vàng, giấu kín đâu đó trong căn nhà trống hoác.

Sau lần gặp đầu tiên, những năm sau đó, mỗi lần tới Đất Mũi, tôi đều ghé thăm vợ chồng Tư Sơn. Năm 2018, lần thứ năm Tư Sơn dời nhà. Lần này nguyên nhân không phải do lở đất như những lần trước, mà di dời do bị giải tỏa để xây quảng trường Đất Mũi. Căn nhà thứ sáu này cách nhà cũ hơn trăm mét, sàn gỗ, vách và mái bằng tôn, hết như hộp sắt úp lên cọc xi-măng. Sàn ván gỗ vẫn ghép hờ, ngồi bệt uống trà, gió lùa mát đi. Gặp Tư Sơn, anh bảo tôi, vừa bị trộm lấy cắp dàn lú trị giá hơn chục triệu đồng. Xưa giờ vùng này không có trộm cắp. Từ ngày lao động các nơi đổ dồn về công trường đang xây dựng, tình hình trở nên phức tạp. Vợ anh giờ đi nấu ăn thuê cho công nhân xây dựng. Chị mới phát hiện bị ung thư, người gầy rộc. Giọng Tư Sơn buồn, vẫn là nỗi buồn muôn thuở trên gương mặt sạm đen, khắc khổ.

Đầu năm 2020, tôi trở lại Cà Mau. Quảng trường Đất Mũi đã hoàn thành, rất hoành tráng, ấn tượng. Tuy nhiên thật bất ngờ, căn nhà thứ sáu của Tư Sơn đã biến mất, trả lại một khoảng bùn đất trống vắng chỉ chít hang cua công, như thuở hồng hoang. Anh bảo vệ khu du lịch Đất Mũi mà tôi quen cho biết, Tư Sơn được nhà nước cấp cho một nền nhà, nhưng anh không ở, mà trở về lại quê hương Bạc Liêu. Bởi không còn kế sinh nhai. Vợ chồng anh cũng đã chia tay nhau. Chị vợ hình như đi nấu ăn thuê đâu đó. Vậy là họ kết thúc những năm tháng đằng đẵng truân chuyên, luân hồi trong nghèo khó.

Nhớ về Đất Mũi, là tôi nghĩ về ngút ngàn rừng đước, về những cơn sóng biển âm thầm nhưng tàn khốc. Và nhớ nhất là vợ chồng Tư Sơn, với lần lượt gầy dựng sáu căn nhà nhưng vẫn không thể dung dưỡng nỗi niềm mong ước được sống giản đơn, bình dị. Đồng bằng sông Cửu Long, miền Tây Nam bộ trù phú là thế, mà cũng nghiệt ngã là thế. Những cuồng nộ của thiên nhiên, những bất trắc khôn lường luôn chờ đợi, không buông tha ngay cả những mảnh đời thuận phác, âm thầm và lặng lẽ.

Những ngậm ngùi đáng quên

Rừng tràm Trà Sư ở An Giang là khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước tiêu biểu của đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi lần đến đây, từ Sài Gòn tôi thích đi theo quốc lộ 62 dọc sông Vàm Cỏ Tây, xuyên qua

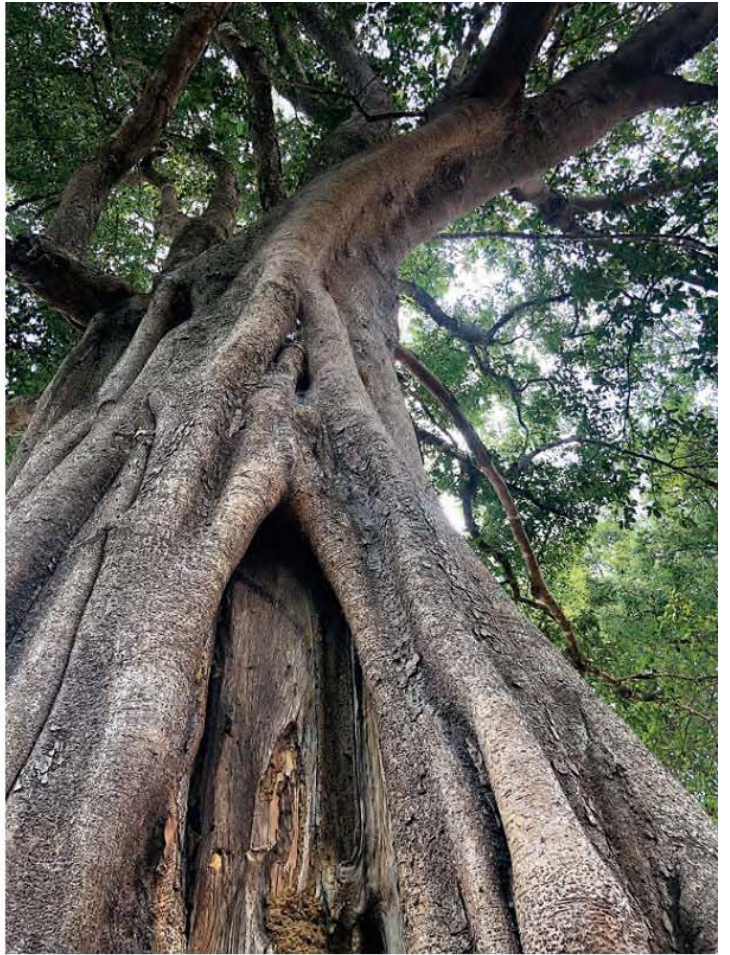


vùng Đồng Tháp Mười. Hướng này sẽ đi ngang chợ chim Thạnh Hóa, thuộc tỉnh Long An. Ghé vào chợ là chạm vào nỗi kinh hoàng về sự tàn bạo của con người với thiên nhiên. Có thể gặp hầu hết các loại động vật hoang dã, như rắn, rùa, dơi và vô vàn các loài chim như: cổ rắn, trích cổ, vịt cổ nâu, cò, vạc, cú mèo, v.v... Chúng bị nhốt trong lồng sắt, hay treo cột treo lồng lửng. Những cánh chim giang hồ, giờ đây chỉ quẩn quanh trong một không gian chật hẹp, dơ bẩn, thê lương. Chủ gian hàng rất thuần thực trong giết mổ chim thú. Chỉ một cú lắc nhẹ cổ tay, đầu chú chim đập bốp xuống nền nhà, tử vong tức khắc. Có những lồng sắt nhốt cả chục chim cú mèo đã bị vật trụi lông. Ấy vậy mà không biết vài chị chim nào đấy, còn cố đẻ ra những quả trứng màu trắng nhỏ xinh, gây ngậm ngùi, xót xa. Biểu trưng cho sự tàn ác của con người là những chú chim cổ rắn khổng lồ, cái cổ rất dài thích hợp cho việc kiếm ăn ở vùng ngập nước, đã bị giết và vật trụi lông, treo ngược ngay trước sạp hàng, để gây chú ý, chào mời khách qua đường. Những chú chim xấu số này, đến từ khung trời nào đó mà chỉ những kẻ giấu mặt nhẫn tâm mới rành rẽ.

Chợ chim Thạnh Hóa cách rừng tràm Trà Sư 170km, đường chim bay gần hơn rất nhiều, nhưng nào biết có còn chim bay vậy không. Tôi đã nhiều lần đến rừng tràm Trà Sư, tên chính thức là *"Khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư"*. Những năm trước, từ bãi đầu xe, có đội ngũ đông đảo xe ôm đưa từng khách vào bến thuyền. Nhờ có lần, gặp anh xe ôm còn tha theo cậu con trai chừng năm tuổi, để tóc kiểu ba vá. Có lẽ nhà neo người, chẳng biết gửi con cho ai, nên cậu bé được đặt ngồi trước xe, nhông nhông theo cha như con thoi đi về. Ngồi sau xe, nhìn cái đầu trọc cùng chòm tóc trên đỉnh đầu cậu bé tung bay trong gió, thấy ngổ ngàng, thương thương, nhớ nhớ.

Đến rừng tràm Trà Sư là mong ngóng được đắm mình trong thiên nhiên hoang dã. Ghe vừa rời bến là gió mát ủa tới. Dòng kênh thẳng tắp luồn sâu giữa rừng tràm. Nhiều đoạn, rừng tràm cao ngất dọc hai bên bờ kênh giao tán với nhau, tạo thành con đường kỳ thú. Cảm giác rất rõ đang được thiên nhiên bao bọc, chở che, nhất là những nàng sợ nắng. Cũng thật ấn tượng khi ghe lướt trên thảm cỏ rộng mênh mông, xanh ngắt. Mơ mộng chen chút hồi hộp bởi không biết phía dưới thảm cỏ có những rình rập nào, kiểu như cộc nhọn hay... cá sấu.

Rừng tràm Trà Sư là nơi chung sống của 70 loài chim, 11 loài thú, 25 loài bò sát và ếch nhái, 13 loài cá, 140 loài thực vật. Đó là thông tin từ các nghiên cứu và giới thiệu về vùng đất ngập nước này. Còn thực địa không rõ thế nào. Đi xuyên trong rừng tràm hoặc ngang qua những cánh đồng cỏ năng, có cảm giác u buồn, bởi rất hiếm gặp chim muông. Thi thoảng, vút bay lên một chú vạc đi ăn ngày, hoặc xa xa bóng dáng một chú trích cổ, cẳng cao



kêu, lăm lăm kiếm ăn. Thiên nhiên tưởng chừng xô lệch bởi bất tương xứng giữa động vật và thực vật. Chim chóc trú ngụ đông đảo nơi nào tôi không gặp, đầu đã nhiều lần tới đây. Chỉ xốn xang, kinh hãi khi nhớ về những chú chim bị giam cầm, sát hại ở chợ chim Thạnh Hóa.

Tại rừng tràm Trà Sư, đang có một công ty du lịch của tỉnh An Giang thuê 160 hecta đất rừng để phát triển du lịch. Vài năm gần đây, một số hạng mục như phòng vé, nhà chờ, bến thuyền được dựng lên. Đáng chú ý, đầu năm 2020, "cầu tre vạn bước" đã được khánh thành. Cây cầu bằng tre có chiều dài hơn mười cây số, đi xuyên trong rừng, được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam công nhận "Cầu tre dài nhất Việt Nam trong rừng tràm đẹp và nổi tiếng nhất Việt Nam". Với tôi, những thông tin và kỷ lục này không tạo nhiều ấn tượng, trái lại, gây băn khoăn lo lắng. Bởi thêm bất cứ một công trình nào dành cho con người thường đồng nghĩa với việc xén bớt đi một không gian dành cho thiên nhiên, cho chim muông, cỏ cây, sông nước, khí trời.

Con người thường lầm tưởng mình có sức mạnh vô biên, mà quên rằng mong manh cũng vô biên. Tôn trọng, nương tựa, chăm sóc, yêu thương không chỉ là những nội hàm trong nhân gian mà còn là phép ứng xử công bằng, cần có giữa con người với vũ trụ, với trái đất vô cùng nhỏ bé, mong manh. ■

* Ảnh của tác giả



Nguồn: dukichdaiphong.vn



Thân thương ngọn núi quê nhà

NGUYỄN CHÍ DIỄN

Quê tôi là xã Tiên Sơn (Việt Yên, Bắc Giang). Chẳng biết cái tên Tiên Sơn có tự bao giờ, do ai đặt, chỉ biết rằng theo lời kể của ông tôi thì đó là từ Hán Việt, sơn (山) có nghĩa là núi, chữ sơn được viết bằng ba nét mô phỏng 3 ngọn núi nhấp nhô, ngọn cao ngọn thấp. Chữ tiên (仙) gồm chữ nhân và chữ sơn ghép lại mà thành, tiên nghĩa là người lên núi tu hành đắc đạo mà thành thánh nhân, đã thoát khỏi trần tục. Tiên Sơn nghĩa là ngọn núi tiên, núi có tiên ở.

Theo lời kể của ông, tôi cũng từ nhỏ lắm, tuổi thơ tôi vẫn thường lên núi chơi xem có tiên thật không, mà chẳng thấy. Tiên Sơn không chỉ có một mà có rất nhiều ngọn núi. Sau chùa làng tôi là núi Con Hùm, xa hơn chút là núi Con Lợn, núi Can Vang,... và nổi tiếng nhất là núi Bồ Đà.

Những năm tháng tuổi thơ của tôi gắn liền với ruộng đồng và với những ngọn núi quê. Tôi và chị thường theo bố mẹ lên núi trồng sắn. Hai chị em mãi mê đi tìm những hòn sỏi có nhiều hình thù và màu sắc khác nhau để vui đùa. Thích nhất là những viên sỏi trắng tinh, bề mặt nhẵn nhụi hình cầu, có khi hơi dẹt, hay những viên sỏi có mầu xanh, màu đen trông óng ánh, lung linh như những viên ngọc. Chúng tôi đập những hòn sỏi vào nhau để chúng phát ra những tiếng kêu vui tai như tiếng phách, tiếng sênh. Khi trời tối, đập mạnh hơn chúng còn phát ra những tia lửa trông thật

thích mắt. Hẳn là con người đã tìm ra lửa bằng cách đập những viên sỏi vào nhau như vậy? Chúng tôi hỏi nhau và tự trả lời. Mẹ tôi còn bảo tìm cho mẹ những hòn sỏi màu xám, hình dạng dẹt, phẳng mà có độ thô ráp, to vừa lòng bàn tay, mang về dùng để cọ người khi tắm thì sạch lắm.

Núi sau chùa làng chỉ thấp như một ngọn đồi nhưng dân quê quen gọi là núi, đất tươi xốp, có thể trồng sắn và bạch đàn. Xưa dân làng vẫn trồng nhiều sắn để lấy cái ăn và bán. Khi thu hoạch sắn về, buổi tối bố mẹ tôi thường tách củ sắn ra, cắt đầu đuôi, lọc lấy những củ ngon, dây sắn từ 1-2 giờ đêm để luộc rồi 4-5 giờ sáng chở đi chợ bán. Có khi tách vỏ rồi bào củ sắn ra thành nhiều sợi nhỏ, hoặc thái lát, sau đó phơi khô để bảo quản, đến mùa giáp hạt thì đem những sợi sắn trắng tinh trộn với cơm để ăn. Những ruộng sắn trên núi đã giúp gia đình tôi và dân làng vượt qua những tháng ngày gian khó mà tôi không thể nào quên.

Xa hơn núi Con Hùm là núi Can Vang, nơi đó có trường học cấp 2 của xã, nơi gắn bó với chúng tôi nhiều kỉ niệm thân tiên của tuổi học trò. Sau giờ học chúng tôi thường rủ nhau lên núi chơi. Lưng chừng núi có nghĩa trang ghi danh những liệt sĩ của cả xã đã hi sinh vì nền độc lập, tự do của dân tộc. Trong số đó có bác tôi, ngôi mộ chỉ ghi tên chứ đại gia đình tôi chưa tìm được hài cốt của bác để mang về quê hương. Mỗi lần đi qua đó tôi lại có một cảm xúc rung rung khó tả,

tôi liên tưởng tới những nghĩa trang lớn ở Trường Sơn với hàng ngàn ngôi mộ có tên và chưa biết tên, như nhắc nhở tôi phải biết trân trọng những giây phút quý giá của hòa bình và biết ơn các liệt sĩ đã ngã xuống để bảo vệ tổ quốc.

Trên đỉnh núi Can Vang vẫn còn sót lại những di tích của thời chiến tranh do quân Pháp xây dựng kiên cố bằng xi-măng, vẫn còn những đường hào, đường hầm, một phần bị cát và nước mưa bồi lấp, có cả đoạn đường hầm dẫn từ đỉnh núi xuống sông Cầu, nghe nói là để đưa nước từ dưới sông lên. Chúng tôi đã tò mò định đi hết đường hầm này, nhưng hóa ra đường hầm đã bị lấp, chỉ còn là hầm cạn.

Ngọn núi nổi tiếng nhất ở vùng Tiên Sơn chính là núi Bồ Đà, nơi có ngôi chùa cùng tên, gắn liền với sự tích về ông tiểu phu bổ củi. Chùa Bồ Đà, còn có tên là chùa Tam Giáo, đã được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt với những giá trị to lớn về lịch sử và kiến trúc nghệ thuật. Chùa được xây dựng vào thời nhà Lý (thế kỷ XI), được trùng tu và mở mang thêm phần lớn vào thời Lê trung hưng và nhà Nguyễn. Chùa là quần thể kiến trúc gồm chùa Quán Âm, chùa Tứ Ân, am Tam Đức, vườn tháp, ao Miếu. Chuyện xưa kể lại rằng có một ông tiểu phu nghèo, hai vợ chồng đã có tuổi mà mãi chưa có con. Một hôm ông lên núi đốn củi, mỗi nhát bổ vào gốc thông ông lại niệm "Quán Thế Âm Phật" và thật kì lạ, mỗi lần lại ra một đồng tiền vàng, tổng có 32 đồng tiền tương ứng với 32 điều ứng nghiệm. Ông chỉ cầu có được một người con và sau đó đã sinh được một người con trai. Biết ơn Quán Thế Âm, ông đã xây dựng chùa thờ nơi gốc thông cũ. Chùa được xây trên vùng đất sơn thủy hữu tình, luôn có tiếng chim ca hòa cùng tiếng thông reo.

Nhà văn Nguyễn Hồng đã từng đến đây và chép những vần thơ để lại vào mùa đông năm Canh Tuất (1970):

Thơ vịnh chùa Bồ-đà

*Bồ-đà cảnh đẹp biết bao nhiêu!
Phượng múa vâm¹ quỳ nguyệt đức triều.
Tiếng kệ tuyên dương nền đạo pháp
Câu kinh diễn giảng lý cao siêu.
Chuông kinh vọng tiếng vang ngày tháng
Mồ ngọc du dương điểm sớm chiều.
Xuân cả bốn mùa sen nở ngát
Xây nền Cực-lạc gấm hoa thêu.*

Văn cảnh Bồ-đà

*Non xanh hồi có nhớ chăng a!
Khách lại lên thăm cảnh Bồ-đà.
Trên đỉnh tôn nghiêm nơi Phật ngự
Nhà trai tịch mịch chốn Tăng già.
Hàng thông đứng thẳng chào du-sĩ
Núi phượng vươn mình đón lão - gia.
Sơn thủy dường như triu mến khách
Vẽ cang lưu ý Đạt-ma-ra.*



Chùa Bồ Đà. Nguồn: daophatngaynay.com



Cổng chùa Bồ Đà. Nguồn: bacgiang.gov.vn

Từ trên đỉnh núi Bồ Đà có thể nhìn thấy toàn cảnh của xã Tiên Sơn và nhiều vùng của huyện Việt Yên. Dưới chân núi là làng mạc xen kẽ giữa những cánh đồng, xa xa là dòng sông Cầu uốn lượn như một dải lụa thắt ngang lưng làng quan họ. Có lần ông tôi chỉ tay về phía các làng ven sông và nói đó là những làng thờ Đức thánh Tam Giang - vị thần gắn liền với bài thơ *Nam quốc sơn hà*, được coi là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Các làng ven sông vẫn còn những di tích lịch sử gắn liền với phòng tuyến sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt chống lại quân Tống năm xưa. Từ trên đỉnh núi, tôi còn trông thấy những cánh chim, cánh cò bay về từ đằng xa vào những buổi xế chiều, đội hình của chúng xếp hàng ngay ngắn thành một chữ V. Ông tôi bảo, chữ V đó là viết tắt của chữ Việt. Ai đi xa quê cũng nhớ về huyện Việt Yên mình, ai đi xa đất nước cũng nhớ về một Việt Nam thân thương.

Bây giờ hai chị em tôi đã lớn, tất bật với công việc mưu sinh, không còn vui đùa bên những hòn sỏi trên núi sau chùa nữa, bố mẹ tôi cũng trông bớt săn đi nhiều vì cuộc sống đã khá giả hơn. Tôi cũng không còn được ông bà kể cho những chuyện ngày xưa nữa bởi ông bà đã đi xa. Nhưng vẫn còn mãi với thời gian tên của những ngọn núi Tiên Sơn cùng với những tên làng, tên sông như nhắc nhở tôi phải biết yêu quê hương bản quán, phải biết lan truyền tình yêu đó đến thế hệ mai sau như ông bà đã truyền cho tôi trước.

Tiên Sơn ơi! Yêu sao những ngọn núi quê nhà. ■

Chú thích:

1. Vâm là tên gọi con voi theo ngôn ngữ cổ ở địa phương.

Vài nét về

Làng Tuấn Lương

TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG



Làng Tuấn Lương (Thừa Thiên-Huế) xuất hiện đầu tiên dưới thời vua Thành Thái. Năm Thành Thái thứ 1 (1889) do quan Tuấn vũ tỉnh Ninh Bình về hưu là Tôn Thất Ủy xin sang nhượng lại đất làng Hoàn Lương; được triều đình chấp thuận, ông cùng với con trai là Tôn Thất Thuyền chiêu mộ một số người, phần đông là con cháu các quan lại, dời về trong triều ở xung quanh kinh thành Huế gồm 74 người và 8 phái đã về đây sinh sống, trước đó đã có 32 người với 2 phái. Khi làng Hoàn Lương được sang nhượng lại toàn bộ thì đã có 30 mẫu ta (15ha) công điền từ làng Minh Lương để lại.

Ngài Tôn Thất Ủy thuộc dòng dõi chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) và con cháu trải qua các đời: Nguyễn Phúc Cốt tử trận; Nguyễn Phúc Đán (1771-1820), Nguyễn Phúc Mậu (1804-1851); Tôn Thất Ủy (1833-1894); Tôn Thất Thuyền (1866-1923); Tôn Thất Đối (1888-1944).

Trên địa bàn làng Tuấn Lương hiện nay còn nhiều di tích văn hóa lịch sử đặc sắc. Tiêu biểu là di tích con rùa đá ở Xóm Rùa. Con rùa được làm bằng đá trắng, không rõ có từ đời nào, ai làm. Trên đầu rùa đá có chữ Nhâm, ở lưng rùa có một lỗ vuông với đường kính 0,24mx0,28m, từ đầu đến đuôi có chiều dài 1,78m, bề ngang 1,25m, và cao 0,9m. Rùa đá có chiều dài 1,7m, rộng 1,2m, cao 0,5m ước chừng nặng 3 tạ, được tạc từ đá Thanh nguyên khối.

Các họa tiết được tạo rất cầu kỳ, chi tiết khá rõ ràng như mắt, lân ở cổ, lân ở lưng, sừng lưng, tai, mũi.

Rùa đá có thể là miếu thờ của ngài Đông Hải đại vương Nguyễn Phúc. Ông quê ở làng Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Dưới đời vua Lê Nhân Tông, vào năm Thái Hòa thứ 10 (1453) có khoa thi Quý Dậu, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ. Làm quan tới chức Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ, rồi làm chức Phó tá Thị giảng (dạy vua học). Khi vua Lê Thánh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, Nguyễn Phúc giữ chức Đô úy chỉ huy đốc vận chuyển quân nhu. Khi xuất phát đi tiếp tế quân lương thì gặp bão lớn của cửa Lạch Trà (cửa Hói) Thanh Hóa. Ông quyết định chờ tan bão rồi mới đi, thuyền quân lương bị chậm vài ngày. Quân luật khép ông vào tội bất tuân quân lệnh, xử tội chém vào ngày 20.10 năm Canh Dần (1470).

Sau khi vua Lê Thánh Tông thắng trận rút quân về theo đường biển lại gặp bão lớn, đành dừng lại; vua lo lắng không yên. Đêm nằm ngủ, vua mộng thấy như hồn Nguyễn Phúc cung kính xin hộ giá vua trở về. Sáng ra quả nhiên thấy sóng yên biển lặng thì vua Lê Thánh Tông mới ngộ ra đã giết oan một vị quan có trách nhiệm. Nhà vua truy tặng sắc phong Nguyễn Phúc làm Thần Đông hải Long vương và dựng đền thờ tại 72 nơi, thì rùa đá ở Tuấn Lương là một điểm trong số 72 điểm đó.

Trong thời gian chiến tranh và loạn lạc tượng rùa bị vùi lấp. Sau khi trở về lại xóm Rùa, năm 1977, người dân trong xóm đã bới lớp đất bồi lấp xung quanh khiến tượng rùa nổi mình trên mặt đất. Cho đến năm 2010, một nhà hảo tâm phát nguyện, hỗ trợ kinh phí xây dựng am thờ ổn định như ngày nay.

Người dân ở đây tin tưởng rằng khi chuyển được ngài rùa lên vị trí mới, cao ráo và phong thủy tốt hơn, ngài sẽ không quấy phá và luôn bảo vệ dân làng. Cán bộ Bảo tàng Tổng hợp Thừa Thiên Huế đã về nghiên cứu tượng rùa và có đặt vấn đề chuyển di vật về nơi trưng bày, nhưng người dân địa phương không đồng ý. Nguyên do vì dân xóm Rùa cho rằng ngài rùa là linh vật của cả làng, bảo vệ dân làng khỏi tai ương, chướng khí. Năm 2013, Phòng Văn hóa Thông tin huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành khảo sát khu vực xóm Rùa, phát hiện thêm ba chân trụ đá còn khá nguyên vẹn, gần nơi tìm thấy rùa đá trước đây.

Đình làng Tuấn Lương được xây dựng từ năm Thành Thái thứ 4 (1892) trên khu đất trước kia là trạm dịch dưới thời các chúa Nguyễn gọi là Nền Công. Đình làng nằm



ngay chính giữa đồng ruộng, cách Quốc lộ 1A khoảng 100m. Ban đầu đình có sườn gỗ, mái lợp ngói liệt. Năm Khải Định thứ 6 (1921) sáp nhập thêm thôn Miêu Nha thì đình làng Tuần Lương được tu sửa lại khang trang, lấy sườn gỗ đình Miêu Nha làm hậu tấm, trước có tiền đường (mái vò cua), phía trái có nhà tầng, miếu thờ ngài khai canh và các vị tiền bối đầu phái, phía phải miếu thờ thành hoàng làng và am ngũ hành. Do thời gian và chiến tranh nên đình làng Tuần Lương bị hư hỏng nhiều khiến những con dân của làng ngay tại địa phương và ở khắp nơi đều đau lòng hướng về nguồn cội.

Năm Tân Mùi (1991), gia đình, cháu, chắt của ngài khai khẩn đã cùng dân làng ủng hộ đóng góp khôi phục ngôi đình làng và tổ chức lễ tế như xưa. Đình làng hiện còn lưu giữ nhiều sắc phong của triều đình gồm: sắc Thiên y A-na Diễn Ngọc Phi tôn thần; sắc Thiên y A-na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần; sắc Cao các Tôn thần, Bốn thổ Thành hoàng chi thần...

Sau ngày giải phóng, địa phương đã trưng dụng đình làng làm lò ấp vịt, miếu ngài khai canh, ngài đốc công bị san phẳng. Sau đó xây dựng cơ quan thú y, hiện nay là Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trạm Thú y huyện nằm ngay trong khuôn viên của đình làng, che chắn mặt đình làng đã gây trở ngại cho dân làng mỗi năm đến làm lễ. Sau nhiều lần kiến nghị, Trạm Thú y huyện đã nâng cấp xây mới và đã dành 5m trước mặt đình để lộ rõ cảnh đình như hiện nay (2006).

Bên trong đình có Bia lưu niệm công trình phục hồi xây dựng đình, tiền đình làng Tuần Lương gồm có tên và số tiền, trong đó con cháu chắt cháu nội ngoại của ngài khai canh khai khẩn và một số dân làng tại địa phương, ở nước ngoài đóng góp thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, thiện nguyện đóng góp tài vật, công sức cho công trình như bà Tôn Nữ Ngọc Lan và các con; ông bà Tôn Thất Phú và Lê Thị Phương Lan và các con; Việt kiều Ngô Đông; ông Trương Có; ông Bùi Ngọc Hiệp; các ông Tôn Thất Thảo, Tôn Thất Xa và các con; bà Tôn Nữ Xuân Lộc và các con; bà Bùi Thị Hiện; ông Lê Xé cùng với dân làng địa phương đã trùng tu đình khang trang như ngày nay.

Lúc trùng tu đình làng được khởi công ngày 4 tháng 2 năm Canh Thìn (2000) và hoàn thành ngày 15 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (2002). Từng cá nhân có hảo tâm đóng góp đã được ghi vào sổ công đức của làng. Bà Tôn Nữ Xuân Lộc đã có bằng ghi tâm nguyện của mình là *"Trời cao đức dày góc nhân đạo phát sinh cảnh xanh nhân nghĩa. Trùng tu cuối thế kỷ XX. Tuần Lương hương khói lưu danh"*. Bằng ghi này được gắn bên trong nội thất đình làng. Bốn cột tiền đình có câu đối nôm na và mộc mạc, nhưng thấm thiết tình nghĩa của dân làng.

Miếu Thành hoàng, miếu ngài khai canh được xây dựng lại năm 2007 do hậu duệ là bà Tôn Nữ Xuân Lộc



và các con đời thọ kinh phí.

Tuân Lương làng xưa và một phần của thị trấn Phú Lộc nay đã có nhiều đổi thay, đô thị hóa, đường sắt xe lửa, đường bộ chạy qua làng. Các

đường xóm cũ giờ đã trở thành những đường phố mang các tên đường Lý Thánh Tông, Nguyễn Cảnh Chân, Thánh Duyên, Phan Sung, Lê Cương, Trần Đình Túc, Trần Ấm, Trần Tiến Lộc, Lê Bá Dy, Lê Đông, Võ Lạng, Đồng Đưng, Hoàng Đức Trạch, Hai bốn tháng Ba, Nguyễn Sơn... rồi thêm những con đường mới mở bằng qua những cánh đồng phì nhiêu thưở nào như đường Từ Dũ, Lương Đình Cửa, Mười chín tháng Năm.

Làng Tuần Lương có truyền thống cách mạng, và có nhiều trí thức tiêu biểu trong đó phải kể đến bà Tôn Nữ Ngọc Lan, Tôn Nữ Xuân Lộc và nhà thơ Tôn Phong.

Nhà thơ Tôn Phong, tên thật là Tôn Thất Phong, tên chữ là Công Dị, sinh năm 1930, người làng Tuần Lương. Năm 18 tuổi, ông tham gia bộ đội Việt Minh ở đơn vị 321 Huyện đội Phú Lộc, Thừa Thiên Huế. Ông bị thương trong lúc chiến đấu ngay tại quê hương mình. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc ở nông trường quân đội ở Thanh Hóa. Năm 1961, Tôn Phong và Phùng Quán gặp nhau và trở thành những người bạn thân. Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, ông vào sinh sống ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ông mất ngày 10.3.2014.

Nhà thơ Tôn Phong làm nhiều thơ trữ tình đăng ở tạp chí *Nha Trang*, báo *Khánh Hòa*, tạp chí *Sông Hương*..., rồi ông tham gia Hội Văn nghệ Khánh Hòa. Tác phẩm thơ gồm: *Tiếng hát đồng quê; Mộng du; Cổ tích buồn; Người đang trĩ; Nẻo về* (in chung); *Di cảo thơ Tôn Phong*. ■

* Ảnh của tác giả



Thành phố Vũ Hán



Thành phố bên lầu Hoàng Hạc

TRẦN ĐỨC TUẤN

Hơn nửa năm đã trôi qua kể từ cuối năm 2019, Vũ Hán đã làm cả thế giới bàng hoàng, bởi đó là nơi đã sinh ra đại dịch Covid-19 rồi nhanh chóng làm lan tỏa gần khắp mặt địa cầu. Khi tôi viết những dòng chữ này thì đại dịch đang bùng phát đợt hai vô cùng dữ dội. Trong lòng người lúc này chưa hề có dấu hiệu hy vọng gì về khả năng kết thúc được thảm họa này của nhân loại. Trên tay tôi là tờ *Thanh Niên* ra ngày 4-8-2020 thông báo số liệu: Tính đến 23 giờ ngày 3-8-2020 cả thế giới đã có 18.117.221 người nhiễm dịch, trong đó có 690.181 người đã tử vong. Những con số này đang rất nhanh chóng trở thành lạc hậu vì dịch đang lan quá mạnh.

Chưa bao giờ thế giới được chứng kiến một hình ảnh cảm động: Cả nhân loại đang đoàn kết, chung sức chung lòng, cùng nhau đẩy lùi tai họa thảm khốc như lúc này, với tình đồng loại lớn lao chưa từng thấy.

Xin hãy gác chuyện dịch bệnh sang một bên trong ít phút để cùng nhau viếng thăm thành phố hoa lệ bên bờ sông Dương Tử qua đôi dòng hồi ký ngắn ngủi sau đây.

Tôi đã có dịp đi ngang qua thành phố Vũ Hán tất cả 13 lần, trong đó có hai lần, mỗi lần khoảng 10 ngày, để làm phim tài liệu.

Đây là một đô thị khổng lồ của Trung Quốc, là hạt nhân của một trong những vùng quần cư rộng lớn, sầm uất, thịnh vượng lâu đời nhất của thế giới phương Đông, tới 5.000 năm lịch sử.

Đặc biệt, 3.500 năm gần nhất, dưới các thời Thương, Chu, Xuân Thu, Chiến Quốc... nơi đây luôn luôn là một thành trì cổ đại quan trọng. Diện tích toàn thành hiện là 8.464km², dân số khoảng 12 triệu. Vũ Hán đã từng là trung tâm hành chính, văn hóa, kinh tế, quân sự của nước Sở rộng lớn, hùng mạnh qua nhiều thời đại. Thậm chí có thời kỳ Sở quốc bành trướng thôn tính nhiều nước khác, mở rộng lãnh thổ bằng cả nửa diện tích Trung Hoa hiện tại. Tiếng tăm của nước Sở đến nay vẫn còn vang lừng trong hậu thế.

Những câu chuyện trong *Hán Sở tranh hùng* với hai nhân vật chính là Lưu Bang (Hán Cao tổ) và Hạng Vũ đều là người nước Sở; hoặc việc Ngũ Tử Tư dùng roi quật lên mộ Sở Bình vương trả thù cho cha... đã cuốn hút mọi người nhiều chục thế kỷ. Nước Sở đã từng nuốt chửng cả hai đại quốc là Ngô, Việt và cả vùng lưỡng Quảng bao la để làm chủ toàn miền Đông Nam của Trung Quốc, trong đó có cả các địa phương như Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tô, Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây.

Trong kho tàng văn học kim cổ có không ít những áng thơ liên quan đến nhiều miền đất và con người Sở quốc được truyền đời qua nhiều thế kỷ. Sau đây là một vài ví dụ:

- Nhà thơ vĩ đại Khuất Nguyên sinh năm 340 trước Tây lịch tại nước Sở, tác giả của *Ly tao*, thi phẩm trữ tình dài nhất trong lịch sử văn học cổ điển của Trung Hoa.

- Bài thơ tiễn đưa Mạnh Hạo Nhiên tại Hoàng Hạc lâu của Lý Bạch:

*Bạn từ lầu Hạc lên đường
Giữa mùa hoa khói châu Dương xuôi dòng
Bóng buồm đã khuất bầu không
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*

- Trích thơ của tác giả *Tiếng địch sông Ô* Phạm Huy Thông viết về tấn bi kịch anh hùng mạt vật của Tây Sở bá vương Hạng Vũ:

*... Ôi; những võ công oanh liệt chốn sa trường
Những tung hoành lẫn lộn trong rừng thương
Những tướng dũng bị đầu văng trước trận...
Nhưng than ôi! Vận trời khi đã tận
Sức "lay thành nhổ núi" mà làm chi"?...*

- Trích thơ Xuân Diệu có lần nhắc tới bến Tầm Dương danh tiếng trong bài thơ *Tây bà hành* của Bạch Cư Dị:

*... Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trắng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.*

- Trích bài *Sông thu tiễn khách* của Bạch Cư Dị

*... Mưa dầm vật áo như chan
Buồm ai man mác mây ngàn đón ngang
Chẳng say chén rượu Tầm Dương
Khỏi sao sóng khói sầu thương chết người!
- Bài thơ *Lên lầu Nhạc Dương* của Đỗ Phủ
Động Đình nghe tiếng từ xưa
Mà đây lầu Nhạc bây giờ mới lên
Đông Nam, Ngô-Sở tách miến
Mênh mông trời đất ngày đêm lênh bênh
Bạn bè một chữ vẫn không
Thân già ma bệnh chiếc bóng lẻ loi
Bắc phương giặc già rồi bởi
Bên hiên đứng tựa sứt sùi lệ sa.*

(Ghi chú: Đỗ Phủ nghèo khổ, bệnh tật, cư trú và kiếm sống trên một con thuyền nhỏ dọc sông Tương của Hồ Nam rồi qua đời trên sông Dương Tử thuộc Hồ Bắc. Chúng tôi đã làm một đoạn phim về ông dài khoảng 10 phút; rồi đến thăm "Thảo Đường" ở Thành Đô. Thảo Đường là một di tích tưởng niệm trọng điểm của đất Thục về một vĩ nhân thiên tài đoàn mệnh của Trung Hoa và của thế giới. Ông đã gắn bó quãng đời ngắn ngủi bất hạnh của mình với hai dòng sông hoa lệ của đất Sở là Tương giang và Dương Tử giang sau khi từ giã kinh đô nước Thục, nơi ông đã sống khoảng 4 năm).

Lại xin trở về với thành phố bên lầu Hoàng Hạc của Hồ Bắc, của Sở quốc, của Động Đình hồ, một phần của nền văn minh Trung Hoa rực rỡ, của chiến tranh khốc liệt, của tham vọng đế vương... mà động lực chính là



tư tưởng bành trướng bá quyền, hiếu chiến, xâm lược xuyên suốt mọi thời đại.

Vũ Hán, đô thị lớn của miền Hoa Trung bên bờ sông Dương Tử, nổi tiếng khắp thế giới như một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa nghệ thuật lâu đời của nước Trung Hoa cổ và là một trong những đô thị hàng đầu của nước Trung Hoa mới.

Thành phố được sinh ra tại điểm linh địa của đất trời, nơi gặp gỡ giữa "Trường Giang vĩ đại" và "Hán Thủy kiêu hùng". Hán Thủy phát nguyên từ Tây nam Thiểm Tây, tại lưu vực thượng nguồn của ba dòng sông nổi tiếng là Linh Gia, Vị Thủy và Hán Thủy. Trường Giang và Hán Thủy chia Vũ Hán thành ba phần, Hán Khẩu, Hán Dương và Vũ Xương. Đây là ba thành phố cổ kính có từ lâu đời, sau này mới sáp nhập thành Vũ Hán. Vũ Hán là một thành phố rộng lớn, đồ sộ, có nhiều thắng cảnh nổi tiếng.

Thơ mộng và hùng vĩ nhất là khu vực ngã ba sông. Nơi đây mặt nước mênh mông như biển cả, nơi gặp nhau giữa dòng nước trong xanh của Hán Thủy và đỏ rực của Trường Giang, nơi tọa lạc "Trường Giang đại kiều", một trong bốn chiếc cầu lớn bắc qua sông Dương Tử trong lòng Vũ Hán, và Tinh Xuyên kiều, một trong năm chiếc cầu bắc qua Hán Thủy nối Hán Khẩu với Hán Dương. Những cây cầu tuyệt đẹp này tạo cho Vũ Hán một dáng vẻ kiêu diễm khác thường.

Trong số các chi lưu của Trường Giang thì Hán Thủy là nhánh quan trọng nhất, từ thượng cổ là một thủy lộ huyết mạch, sấm uất của Trung Hoa. Từ Tinh Xuyên kiều - cây cầu cuối cùng của Hán Thủy - ra tới cửa sông dài 3km. Hai bờ là khu kiến trúc hiện đại lộng lẫy và những công viên rộng lớn. Hàng chục cây số bờ sông được cạp bê-tông sạch sẽ là những bãi tắm tuyệt vời, lúc nào cũng đông khách như bãi biển. Dòng nước trong xanh, không một cọng rác, là môi trường lý tưởng giữa lòng thành phố.



Hoàng Hạc Lâu

“Trường Giang đại kiều” dài 1.680m, xây dựng từ 1955 đến 1957, tầng trên xe hơi, tầng dưới xe lửa là một thắng cảnh hàng đầu của Vũ Hán. Sông Dương Tử chảy qua Vũ Hán đoạn này hẹp nhất, các đoạn khác có nơi rộng tới năm hoặc sáu cây số. “Trường Giang nhị kiều” là cây cầu dài gấp ba “đại kiều”, 4.600m, mới được hoàn thành vào năm 1995, trông rất bề thế. “Tam kiều” sắp khánh thành, còn “tứ kiều” thì đang xúc tiến.

Vũ Hán có ba loại kiến trúc tiêu biểu; đó là những khu phố cổ, các khu “tô giới” kiểu châu Âu và những kiến trúc hiện đại ba bốn chục tầng xen kẽ hoặc đứng riêng thành những khu cao ốc đồ sộ ở hai bờ sông Dương Tử. Phố cổ cũng có hai loại; loại thực sự cổ (không còn nhiều) và loại mới được xây dựng cách đây khoảng một thế kỷ. Tô giới là một đặc điểm rất riêng của nước Trung Hoa phong kiến nửa thuộc địa. Kiến trúc “tô giới” là những bông hoa đẹp, những di sản quý, có giá trị cao về mặt nghệ thuật và thẩm mỹ. Đó là những công trình rất kiên cố, quý phái, tráng lệ, được quy hoạch hoàn hảo, là những khu phố, những không gian kiến trúc được bố trí hài hòa giữa các tòa nhà, các công thự, lâu đài, biệt thự dưới tán rừng cổ thụ, xen giữa các công viên, các dòng sông hoặc khu đối thật hoa lệ.

Là thủ phủ của Hồ Bắc, Vũ Hán giữ một địa vị quan trọng cả trong lịch sử và hiện tại. Xưa kia đây là đất của nước Sở giàu sản vật, một vương quốc hùng cường của

thời Chiến Quốc, cũng là đất Đông Ngô của Tôn Quyền thời Tam Quốc.

Hồ Bắc là một tỉnh giàu có của Hoa Trung, nằm ở phía Bắc hồ Động Đình (rộng tới 2.700km² nên được gọi là Hồ Bắc. Toàn tỉnh rộng 180.000km² (lớn hơn nửa nước ta), có trên 58 triệu dân, lãnh thổ gồm một nửa là đồng bằng, một nửa là miền núi. Núi ở Hồ Bắc cao nhất cũng chỉ trên 3.000m. Nếu có dịp đi xe lửa Bắc Nam, bạn sẽ có dịp ngắm hồ Động Đình bát ngát, một cảnh quan tuyệt vời trên đường thiên lý.

Từ trên đầu cầu bờ Bắc, hướng tầm nhìn về hữu ngạn, bên bờ Nam, phía Hoàng Hạc lâu cổ kính, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp quyến rũ, hoành tráng, oai vệ của “Trường Giang đại kiều” là một trong những điều lý thú nhất khi bạn tới Vũ Hán. Thật khó tìm được chốn không gian tuyệt vời nào hơn để bạn thả sức thưởng thức cho hết vẻ hài hòa kỳ vĩ mà con người và tạo hóa đã cùng dày công tạo dựng.

Đứng lặng người dưới bóng mát của công viên trên bờ Hán Dương rực rỡ hoa vàng, quan sát mặt nước Trường Giang mênh mông trôi chậm dưới gầm cầu, bạn sẽ có chung một tâm trạng với nhà thơ đời Đường Vi Thửu Khánh:

*Đạm đạm trường giang thủy
Du du viễn khách tình
Lạc hoa tương dữ hận
Đáo địa nhất vô thanh.*

Dịch là:

*Sông dài nước chảy lênh đênh
Dặm ngàn đất khách mỗi tình mêng mông
Hoa kia chịu mỗi hận lòng
Lúc rơi xuống đất tuyệt không tiếng gì.*

Từ bờ Bắc nhìn Hoàng Hạc lâu cách xa mấy cây số, hoặc lượn lờ xe hơi thấp thoáng bóng lầu Hoàng Hạc, lòng bạn càng rạo rực, mong đợi phút giây hội ngộ. Chúng tôi chọn Hoàng Hạc lâu làm nơi thăm viếng cuối cùng vì đó là mục tiêu cao nhất của mọi du khách bốn phương khi tới Vũ Hán. Có lẽ không một ai trước khi tới đây lại không thuộc lòng thi phẩm bất hủ của Thôi Hiệu cùng những giai thoại truyền đời chung quanh bài *Hoàng Hạc lâu* danh tiếng của ông, kể cả chuyện Lý Bạch xếp bút hư hực thực.

Hoàng Hạc lâu nằm trên đỉnh ngọn Sa Sơn ở bờ Nam sông Dương Tử, thuộc địa phận Vũ Xương, ngay đầu Trường Giang đại kiêu. Toàn khuôn viên rộng mấy hecta là một quần thể kiến trúc với Hoàng Hạc lâu là chủ thể. Lầu Hoàng Hạc màu đỏ sẫm là một tòa lầu hình vuông năm tầng cao lộng, giữa hai tầng lại có một tầng phụ nên trông rất bề thế. Tuy là hình vuông nhưng mỗi góc là một cạnh nhỏ nên cũng có thể coi là bát giác. Nếu không bị rừng cao ốc che khuất, đứng xa hàng chục cây số đã có thể nhìn rõ tòa tháp. Phần lớn tháp cổ Trung Hoa hình lục giác hoặc hình tròn, nên tòa tháp vuông cao to này gây ấn tượng rất mạnh.

Vào những năm 60 thế kỷ trước, khách đi tàu liên vận quốc tế từ Bắc Kinh xuống, nhìn thấy một tòa tháp bên trái đoàn tàu ở ngọn núi bờ Nam Dương Tử thường tưởng lầm là Hoàng Hạc lâu. Thực ra đó là Vọng Địch lâu của Tôn Quyền. Vọng Địch lâu còn có tên là An Lược lâu, đã bị cháy trước khi khôi phục Hoàng Hạc lâu năm 1985 như hiện nay.

Hoàng Hạc lâu cũng được xây dựng từ thời Tam Quốc, qua nhiều thời đại bị tàn phá, mấy trăm năm không còn vết tích, sau đó được xây lại nhiều lần. Hoàng Hạc lâu hiện nay được mô phỏng theo mẫu thời Thanh. Người ta nói rằng mẫu thời Minh đẹp nhất, huy hoàng và rực rỡ hơn nhiều. Mẫu thời Thanh toát lên vẻ thâm trầm âm đạm hợp với tâm trạng luyến tiếc bấy hạc vàng. Vì tòa lầu rất cao nên có thang máy cho khách lên xuống. Mỗi tầng lầu là một nhà bảo tàng, triển lãm những di vật liên quan đến Hoàng Hạc lâu.

Có rất nhiều giai thoại về lầu Hoàng Hạc, chỉ kể một chuyện. Khu vực này xưa có một tửu quán. Có một ông già hàng ngày tới quán xin uống rượu, chịu nợ, trả tiền sau. Suốt hai năm khách không có tiền trả, chủ quán vẫn vui vẻ tiếp đãi. Một hôm, ông xin được vẽ một bức tranh lên tường để gán nợ rồi ra đi không trở lại. Đó là bức tranh vẽ những con hạc vàng rất đẹp. Theo lời dặn, mỗi lần chủ quán vỗ tay, đàn hạc trong tranh bay ra lượn mấy vòng rồi đi mất, khách đến xem và uống rượu rất đông.

Sau khi người chủ quán trở thành giàu có thì đàn hạc vàng ra đi vĩnh viễn. Để nhớ ơn lão ông bí hiểm và tưởng niệm bấy hạc lạ lùng, chủ quán đã xây tòa tháp lớn này để kỷ niệm. Trải qua nhiều thế kỷ, lầu Hoàng Hạc ngày càng lừng danh và tới đời Đường thì Thôi Hiệu đã làm cho nó trở thành bất tử. Sau này người ta nói ông lão vẽ hạc đó chính là Lã Động Tân, một trong tám vị thuộc Bát tiên Quá hải.

Khi đọc câu *Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ* trong bài *Hoàng Hạc lâu* độc giả phương xa chưa một lần tới thăm Vũ Hán thường không hình dung được đất Hán Dương ở đâu. Nay, tới thăm khu phố bờ Nam Hán Thủy, ngắm nhìn Tình Xuyên kiều duyên dáng vắt ngang sông như một áng cầu vồng, mới hiểu rằng dưới chân ta chính là đất Hán Dương ngàn năm lừng danh trong lịch sử.

Nghe nói Ngô Thì Vị ngày trước đi sứ Trung Hoa, đã tới để thơ tại Hoàng Hạc lâu này. Bút tích thì chẳng còn vì lầu xưa đã hoang tàn qua bao phen binh lửa, nhưng bài thơ vẫn còn được truyền tụng đến hôm nay. Thi nhân Việt Nam nhìn cảnh cũ nhớ người xưa mà nặng lòng hoài cảm trước thiên tài của của Lý Bạch và Thôi Hiệu. Ông viết bốn câu cuối của bài thơ như sau:

*Lý Bá nào cam thua bút lực
Thôi quân không hợp tả tương sầu
Việt Nam sứ giả Ngô Thì Vị
Lưu niệm để thơ có mấy câu.*

Dù sao thì cũng đã có một người Việt Nam để lại dấu ấn trong lầu đài văn học lộng lẫy bên bờ sông Dương Tử.

Trong khuôn viên lầu Hoàng Hạc mới khôi phục, người ta dựng một tấm bia đá lớn khoảng 40m², khắc chân dung Thôi Hiệu mặc trang phục thời Đường, bên cạnh là toàn văn bài thơ *Hoàng Hạc lâu*. Chúng tôi có hỏi, bài thơ khi xưa mà Lý Bạch đã từng được đọc ở vào vị trí nào; người hướng dẫn nói rằng đó là điều mà cô đã nhiều lần không trả lời được.

Đứng trên tầng cao của lầu Hoàng Hạc, Trường Giang đại kiêu và mặt nước sông Dương Tử mêng mông hiện lên thật huyền ảo. Xa xa bờ Bắc, đất Hán Dương chìm trong khói sương chiều âm đạm, gợi lên nỗi nhớ của kẻ xa quê. Chưa hề đặt chân lên đất này, vậy mà Tân Đà đã thể hiện hết sức tài tình hồn thơ của Thôi Hiệu:

*Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*

Thực ra, chưa cần phải lặn lội tới đây, mà bên ngoài biên giới Trung Hoa hàng vạn dặm, cũng như Tân Đà, chúng ta đã có thể cảm nhận vẻ đẹp lãng mạn huy hoàng của lầu Hoàng Hạc và chia sẻ đến tận cùng nỗi buồn luyến tiếc mêng mông của Thôi quân:

*Hạc vàng đi mất từ xưa
Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay... ■*



Tôi là vợ mình mà

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Tôi mệt rồi, mình lấy tôi bát cháo nóng, chẳng là tôi chỉ ăn được cháo thôi”.

“Cháo loãng mình ăn rồi nó no giả, chưa qua ngày nó đã hết veo sao có sức mà làm?”.

“Mặc tôi, tôi nói sao mình cứ nghe”.

Chị thờ dài rồi bước xuống phía cuối cái chòi, nơi có một cái ụ đất nhỏ ở giữa, trên có đặt cái bếp lò còn nghi ngút khói của nồi cháo, khuấy cố mức thật đặc cháo cho anh. Anh húp vội bát cháo thật nhanh nom chiều mệt mỗi lần, tính nằm xuống nghỉ rồi như sức nhớ điều gì anh vội bật dậy, ngóng ra cái cửa sổ nhỏ xíu, được rào bằng mấy cái que cong cong. Thấy trắng sáng nơi đâu ngó anh vội hỏi chị:

“Chứ thằng Hai với con Chén đâu rồi?”.

“Con đây ba”, thằng Hai vừa vén cái màn bước vào nhà nghe tiếng ba nó hỏi đã vội thưa; con Chén leo đèo phía sau anh nó.

“Đôi trường được không con?”.

“Cũng hơi lằng nhằng ba ạ, do con bé cũng cứ đối liên miên miết nên người ta cũng nghĩ vậy nọ. Nhưng ba đừng lo, cũng chỉ là thủ tục, rồi mai mốt con lại dẫn nó lên”.

Anh nằm dài xuống buông thông trên mảnh chiếu được trải vội trên cái nền đất đá lổn nhổn. Thằng Hai ăn vội miếng cơm rồi thay mẹ giăng màn cho con em hối nó ngủ sớm mai còn đi học.

Trong giấc ngủ miên man anh nghe nó nói với má nó mấy thứ tiền được nhà trường liệt kê ra rồi chốt hạ: “Má đừng lo, con chạy thêm cuộc xe nữa là kiếm đủ cho em...”.

Anh thường ví nhà mình giống cái nhà “chạy nạn”, nhà anh nghèo đến mức không có nổi một mảnh đất cắm dùi, sau khi lấy chị anh cùng chị bỏ đi tha phương. Anh có mỗi cái nghề hàn nên nai lưng vào nó mà sống, trước hai người còn góp tiền thuê được một căn trọ nhỏ, rồi thằng Hai và con Chén nối nhau ra đời, căn trọ nhỏ trở thành quá chật chội, tổng cả bốn người nhà anh ra ngoài. Anh chị bắt đầu lang thang kiếm chỗ sống. Những ngày đầu, cứ thấy chỗ nào có bãi đất hoang thì lại mò vô sống, cắm cái chòi rồi xem như đó là nhà, cứ ai tới đuổi thì lại đi, cứ thế cũng mười mấy năm nay rồi, lúc nào cũng sống một cuộc đời tạm bợ.

Khi thằng Hai lên mười, nó đã phải thay mẹ trông em để chị bán buôn ngoài chợ. Khi nó lên cấp ba thì nó làm phúc sao giúp được người chủ đất, ông ta thương tình cho anh chị căn chòi tại mảnh đất sau nhà, vốn cũng chỉ là mảnh sân chẳng làm gì.

Thế là tạm thời anh chị có chỗ “định cư”, ở áng chừng cũng tám năm rồi. Nay thằng Hai đã trở thành sinh viên đại học, chẳng mấy chốc cũng tốt nghiệp nhưng nhà vẫn

nghèo chẳng giàu lên nổi, nó cũng chạy xe ôm làm thêm để đỡ đần ba mẹ, nhất là khi tuổi tác hai người ngày một yếu dần đi.

“Tôi là tôi thương gia đình anh chị lắm. Xét cho cùng mình cũng quen biết nhau bảy tám năm nay, cũng được coi là hàng xóm. Cục chẳng đã tôi mới phải nói trước với anh chị, cũng nói trước ba tháng rồi”.

“Thế thì cũng gấp quá ông chủ ạ, nhà tôi cũng đợi ơn ông chủ nhưng rồi nơi này chúng tôi chẳng biết sống ở đâu”.

“Tôi cũng chẳng muốn, thời thì anh chị ráng thu xếp...”.

Cái mảnh đất mấy năm nay gia đình anh sống bỗng nhiên mở đường, thế là nó án ngữ ngay vị trí đắc địa trở thành mảnh đất vàng, thêm nữa vợ con ông chủ đất chuẩn bị ra nước ngoài sinh sống hết nên ông ấy muốn bán đất để có tiền, sẵn giá đang ngon. Tình nghĩa thì cũng là tình nghĩa, người ta đã cho ơn anh chị suốt mấy năm anh chị nào dám trách gì, chỉ biết tặc lưỡi chạy đôn chạy đáo kiếm thêm tiền vừa để dời đi, vừa tắt bật hỏi khắp nơi chỗ mới để chuyển. Mấy nay thằng Hai cũng phải đua nhò Chén lên trường miết để làm bảo lưu kết quả học chứ không lại thành trẻ thất học thì khổ. Thời hạn còn ba tháng thôi...

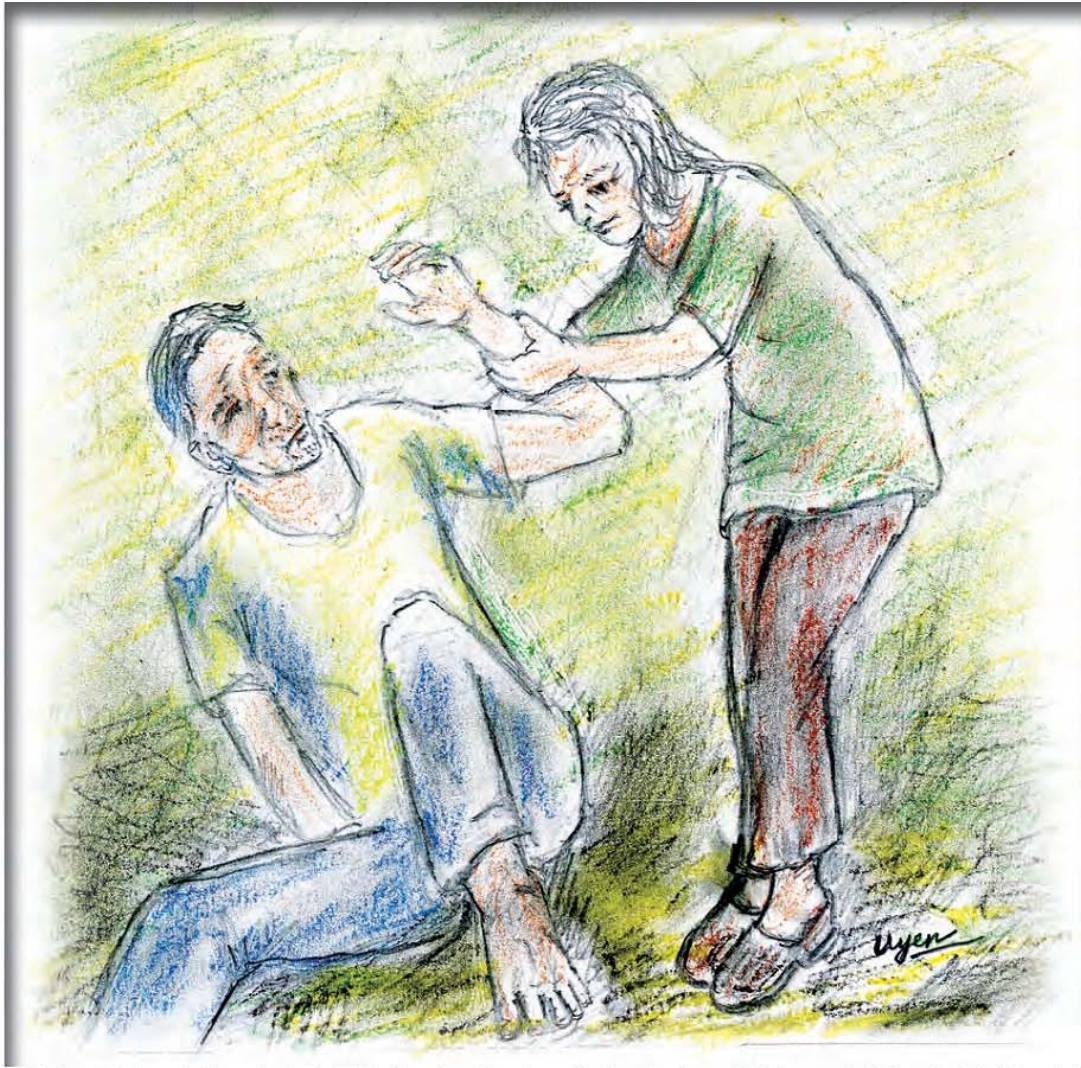
Thế mà độ rầy đi làm anh còn nghe người ta nói vào nói ra về chị. Chị đi hàng, thường mỗi ngày chị nhận hàng ra chợ bán một lần, mỗi lần đều có một cái anh hay chở hàng cho chị, trước giờ chị bán mấy năm vẫn một mình anh chở chẳng có chuyện gì, tự nhiên gần đây khi biết nhà chị khó khăn, người ta lại bắt đầu thuê dẹt rằng chị tăng tịu với anh chàng kia. Mấy anh bạn của anh nghe thấy về kể với anh, ngó nhậu với nhau mồm miệng xúi quẩy lại thêm vào:

“Có khi nào thấy mày nghèo rồi cái thằng chở hàng kia trông ngon nên vợ mày trù bỏ mày không?”.

Ban đầu anh cũng cười phào cho qua chuyện, sau có lẽ do men mà đột nhiên máu nóng trong người bốc lên ngàn ngút thế là anh bỏ cả buổi nhậu về hoạnh hợc chị. Lúc anh đi còn nghe người ta nói với theo:

“Nghe đâu thằng đó chưa vợ...”.

Ngày đó lần đầu tiên anh và chị cãi nhau, trước giờ tính anh vốn nóng nhưng tính chị lại biết nhường vì thế anh mà cương lên là chị lại xoa dịu đi, cứ thế đầm ấm qua ngày. Nhưng chuyện gì thì chuyện, giữa lúc nhà đang trăm mối lo mà anh về đổ cho chị cái tội ngoại tình thì chị cũng không nhận được; thế là hai người cãi nhau to; đến đỉnh điểm anh còn tát chị một cái. Sau bận đó anh bắt đầu hay nhậu, cứ người ta vào ra là anh lại về nhà hằn học rồi có bữa còn đánh chị dù chị giải thích mấy anh cũng không nghe. Thêm nữa, chủ nhà cứ giục chuyển nhà, rồi con Chén phải đóng tiền học, tiền chuyển trường khiến anh thêm bức bối.



Thằng Hai vì quá giận anh nên bỏ nhà đi, nghe đâu nó ở nhờ nhà thằng bạn rồi tất bật đi làm, cứ độ tuần gửi ít tiền dành dụm cho mẹ trang trải, đồng ra đồng vào. Nó tốt nghiệp loại giỏi nên được nhận vào làm ở một công ty lớn, chẳng mấy chốc kiếm được một chỗ trọ khá hơn, đón cả nhà vào ở, thành ra cả nhà chuyển đi trước cả thời hạn của ông chủ. Dù cũng chỉ là ở thuê và căn phòng nhỏ nhưng ít ra lại có chỗ trú.

Nhưng đột nhiên anh bị tai nạn trong một lần hàn khiến sức khỏe yếu đi chỉ có thể nằm một chỗ, chị trở nên tất bật sớm hôm hơn để đỡ đần cho thằng con trai là trụ cột duy nhất trong nhà hôm nào cũng phải nhận việc về làm thêm.

Nằm một chỗ anh lại nhớ đến tin đồn xưa kia và dù chỉ còn chút sức tàn anh cũng tiếp tục đánh chị. Thường đàn ông không làm ra tiền lại dễ nghĩ suy và dù đôi khi họ biết mình sai nhưng đó cũng là cách duy nhất thỏa mãn sự bất lực của chính mình. Chị cắn răng cắn lợi chịu mọi điều tiếng từ anh. Ngày anh khỏe hơn chút và làm việc lại chị để lại tờ giấy li hôn rồi ra đi, thằng Hai không cản, con Chén cũng không, chỉ biết hỏi địa chỉ mẹ rồi hứa sẽ tới thăm. Ngày chị đi chị nói với hai con:

"Ba con yếu hơn mẹ, vì thế hãy ở lại nuôi ba".

Tính chị vốn ngắn gọn. Từ đó chị không quay về ngôi

nhà ấy nữa. Được ít tháng anh thấy anh chờ hàng hồi xưa lại nhà gửi cho tấm thiệp hồng, dẫn theo cả người vợ tương lai còn trẻ, gãi đầu gãi tai:

"Những năm qua cũng nhờ có chị mà hai đứa em mới nên duyên, cứ giả bộ ghé hàng chị miết để tán em này".

Nói rồi anh ta đưa mắt nhìn người vợ của mình. Anh chợt nhận ra người ấy là chị hàng vải sát bên sạp chị. À thì ra... Thằng Hai ngồi bần thần rồi nó nói:

"Ba à, đến lúc ba đi đón mẹ về rồi đấy".

Anh quay qua nhìn thằng con, nó vẫn ở đây là vì mẹ nó nói hãy ở cạnh ba nó, đến phút cuối cùng chị vẫn nghĩ cho anh, anh vừa lụi cụi bỏ dẫy định bước ra cửa thì vì còn yếu nên té nhào, thằng Hai còn chưa kịp lại đã nghe tiếng chạy thịch thịch vội vàng rồi bàn tay quen thuộc đỡ thốc anh dậy:

"Trời, mình, chưa khỏe sao đã vội đi đâu vội vàng?"

"Mình...", anh nước mắt lưng tròng khi thấy chị trước mặt. *"... Sao mình lại ở đây?"*

"Đây là nhà tôi thì tôi đi đâu cho được, đi mà tôi thấy lo cho mình quá, rồi cả hai đứa..."

"Mình, mình tha thứ cho tôi sao?"

"Tôi là vợ mình mà, mà vợ chồng thì phải biết tha thứ cho nhau chứ..." ■

Vẹn toàn 350 số báo THÍCH PHÁP TRÍ



Công phu khuya THÍCH TUỆ TÁNH

CHỨC cầu Phật sự về vang
MỪNG vui đạo Pháp thêm trang sử vàng
TẬP phần lại bỏ, viết lời chân
CHỈ cao nguyện cả, chứa chan mọi miền
VĂN phong, hảo ý, tâm thiền
HÓA ngàn nét đẹp diệu huyền “đạo ta”
PHẬT tâm soi sáng ta bà
GIÁO nhân hạnh cả chan hòa pháp âm
XUẤT thời vốn sẵn nguyện thâm
BÀN xưa tiếp nối nâng tầm phát huy
ÁN truyền từ bậc “thức tri”
PHẨM cao phó chúc nguyện vì đăm đương
ĐẶC ân Giáo hội mở đường
BIỆT thừa ý chỉ đạo thường tuyên dương
VỚI lòng cầu học, noi gương
SỐ duyên đức chúng, tỏa hương ngát ngào
BA thời diệu pháp thanh tao
TRĂM ngàn hỷ lạc đồng vào nẻo chơn
NĂM thừa phương tiện chẳng hơn
MƯỜI tròn trí tánh không sòn dạ tu.

Soi kinh

THÍCH AN NHIÊN

Soi kinh dưới chân Phật
Bồ-đề con tịnh tâm
Niết-bàn lòng tịnh mặc
Trắng đầu tiếng chuông ngân.

Thế nhân còn say ngủ
Đại chúng dậy công phu
Giữa đêm tối mịt mù
Trời phủ đầy băng giá.
Bầu trời khuya u ả
Chuông chùa vang xa xa
Hòa cùng cơn gió thoảng
Bay tận trời bao la.
Ta hồn nhiên tĩnh lặng
Sắp đặt mền gối chần
Cho gọn gàng ngay ngắn
Và nhiếp định tĩnh thân.
Đã gần ba giờ rưỡi
Kềng báo thức vang rền
Thầy quán chúng phòng bên
Kiểm tra từng giường một.
Chúng tăng chấp hành tốt
Quy luật của thiền môn
Bốn phương trời vắng lặng
Ánh trăng tàn nhạt phai.
Y vàng bay phấp phới
Trong khoảng trời mờ sương
Sự vô thường biến chuyển
Tan tác mộng yêu thương.
Khói hương trầm hòa quyện
Lan xa chín tầng không
Chấp tay tôi cầu nguyện
Tâm thành thật trắng trong.

Dạ khúc tương tư

NGUYỄN HOÀI AN

Nắng luồn qua ngõ hạ xưa
Vấn vương màu áo ban trưa ngại ngủ
Lơ thơ vạt gió mông lung
Phượng hồng xao xuyến, lạnh lùng phôi phai

Tương tư biết mấy đêm dài
Sứ còn một đoá hương bay ngát trời
Dương cầm ngân khúc tơ rơi
Cung trầm chênh chếch một đời gió sương

Phôi phai cánh bướm miên trường
Tình thơ góp nhặt đoạn đường khắc tên
Dòng sông chiếc lá lênh đênh
Tình tôi một khúc bấp bênh giữa dòng.



Khúc ru tháng Tám

TỈNH BÌNH

Đã thu chưa...?
Xón xang lòng ta tháng Tám
Vật gió lao xao khe khẽ hiên ngoài
Cánh chuồn mòng ngác ngơ tìm bóng nắng
Dặm bước thu về hương thị tỏa nồng say

Lơ lửng khói chập chờn vương tóc mẹ
Tiếng chim reo trong vút sớm mai hiền
Mái nhà cũ neo một thời thơ bé
Tháng Tám con về nhật cổ tích bình yên...

Tháng Tám về... lát phát hạt mưa xuân
Vẫn xanh trong khoảng trời thơ trướng sáo
Hương cỏ lá đậm tình quê thơm thảo
Thương âm trầm vết bồi lờ phù sa

Tháng Tám dịu dàng thu hát tình ca
Xa xôi nắng miền không tên bảng lảng
Nghiêng bóng nhỏ bay về nơi vô hạn
Chấp chới cánh cò gầy guộc giữa hoàng hôn

Man mác yêu thương dâng ngập vào hồn
Chiều quê mẹ thôi làm mây viễn xứ
Tựa vai núi nghiêng đầu tư lự
Tháng Tám nồng nàn dệt một khúc ru...

Tâm lành an lạc

NHẬT QUANG

Trần gian sóng gió tư bề
Không như giấc mộng...trần trề yên vui
Đau thương, đau bề đập vùi
Mất cay lệ đắng bụi nguôi oan khiên

Cảnh đời ngang trái ưu phiền
Hận thù ganh ghét, bạc tiền gian tham
Vô tâm trước cảnh cơ hàn
Anh em đồng loại trăm ngàn vết đau

Chỉ vì danh vọng, sang giàu
Ác tâm giết hại lẫn nhau không đành
Sân si, lừa lọc tranh giành
Bạc tình, bạc nghĩa em anh chia lìa

Giữ tâm chánh niệm khắc ghi
Sống theo Phật pháp từ bi cứu đời
Bao dung, hỷ xả hồi người
Tạo nhiều công đức, xa rời nỗi đau.

Vào thu...

TRẦN THANH THOA

Vào thu nở đóa cúc vàng
Nắng cài mái tóc dịu dàng duyên quê
Trời chiều tiếng cuộc ti tề
Tre già kéo kẹt đường về cô thôn

Vào thu lau trắng dập dờn
Mẹ về gánh cá hoàng hôn vui đầy
Sào phơi áo mòng bay bay
Tiếng gà lãnh lót giục ngày vào đêm

Vào thu lá rụng êm đềm
Giếng rêu chị gội tóc mềm vẩn vương
Thị thơm chín bói sau vườn
Heo may quần quýt làn hương cau trâu

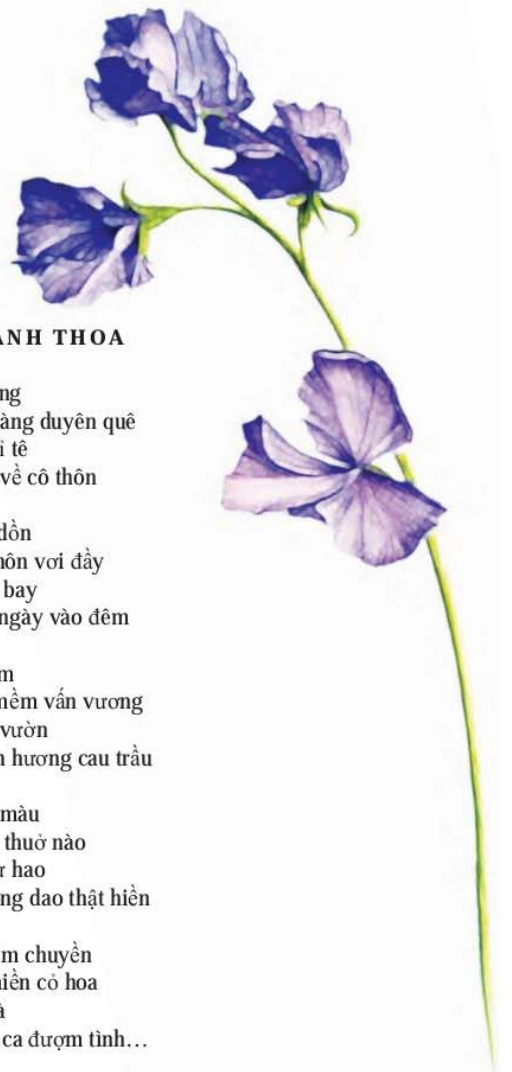
Vào thu bông cỏ xanh màu
Trò chơi chú rể cô dâu thuở nào
Mưa nguồn chớp bể hư hao
Về đâu những khúc đồng dao thật hiền

Vào thu vắng tiếng chim chuyền
Vành nôi quê xứ âm miền cỏ hoa
Lời ru ân nghĩa đậm đà
Cánh cò chờ khúc dân ca đượm tình...

Thuốc lào

ĐỖ VĂN XUÂN

Chén chiều ai rót nắng vào
Cho vui đi nổi cồn cào ngày mưa
Đóm tre khêu lửa gối mùa
Sợi vè đầm đượm nhen vừa niềm yêu
Đường cày sóng lật nghiêng chiều
Trâu nằm nhai sợi sáo điệu tuổi thơ
Nhành sương rơi dọc bến mơ
Thương người vội bước lên đò sang ngang
Đồng xa xanh tấm áo làng
Rạ rơm nhen lửa cơ hàn dân vơi
Khuôn trăng lấm láp một thời
Sợi què nhuộm nắng sân phơi thuốc lào
Khánh chuông, sóng nước lao xao
Khói mây niềm nổi bay vào... tầng không.





Thần chú ở cuối Tâm kinh



Về nguồn gốc của **Bát-nhã Tâm kinh**

VŨ THẾ NGỌC

Năm 1992, Jan Nattier viết một bài nghiên cứu về nguồn gốc của *Bát-nhã Tâm kinh* với tựa đề rất khiêu khích, “*The Heart Sutra: A Chinese Apocryphal Text?*” (Tâm kinh, một văn bản chữ Hoa ngụy tạo?) trên một chuyên san Phật học. Bài viết đã gây sôi nổi một lúc trong giới nghiên cứu Phật học. Trong bài viết ấy, Nattier đã đưa ra 5 điểm lạ về bản Hán văn *Tâm kinh* do Huyền Trang dịch (tức là bản T251 trong mục lục của Đại Chính tân tu Đại tạng kinh). Từ 5 điểm riêng biệt này, Nattier cho thấy khung cảnh cấu trúc của *Tâm kinh* rất khác lạ so với các kinh luận khác thuộc hệ Bát-nhã.

1. *Tâm kinh* quá ngắn so với các kinh khác.
2. *Tâm kinh* không có “Tự phần” và “Phần lưu thông” như tất cả các kinh truyền thống (tức phần mở đầu “Nhu thị ngã văn” giới thiệu không gian thời gian nói kinh và phần kết luận “hoan hỷ tín thụ phụng hành” như thường thấy trong các kinh khác).
3. *Tâm kinh* không có sự hiện diện của Đức Phật.
4. Vai trò trung tâm của Bồ-tát Quán Tự Tại, một Bồ-tát chưa từng thấy xuất hiện trong các kinh khác.
5. Thần chú gate là được thêm vào sau vì kinh *Bát-nhã* không có thần chú.

Từ 5 điểm khác lạ này, Nattier đưa ra 4 giả thuyết:

1. Bản *Tâm kinh* có trước bản của Huyền Trang trong mục lục của Đại Chính tân tu, tức bản T250 mà người ta quen gọi là bản dịch của Cưu-ma-la-thập, thực sự không phải do Cưu-ma-la-thập dịch.

2. *Tâm kinh* không phải có từ bản Phạn ngữ *Bát-nhã* nào mà là lấy từ bản Hán văn Đại Bát-nhã và Đại Trí độ luận (Luận về Đại Bát-nhã của Cưu-ma-la-thập) do chính vị này dịch.

3. Không có tài liệu viết rõ Huyền Trang dịch *Tâm kinh* mà chỉ nói ngài gặp bản *Tâm kinh* lúc còn ở Trung Hoa trước khi đi Ấn Độ.

4. Thần chú gate thêm vào cuối *Tâm kinh* cũng rõ ràng *Tâm kinh* là sáng tác của người sau và ở Trung Hoa.

Sau bài báo này, các học giả Nhật Bản đã trả lời rất rõ ràng, đặc biệt là hai giáo sư Fuikui và Harada². Sau đây là phần trả lời cho các giả thuyết của Nattier; gồm nguyên ý của hai học giả Nhật Bản và có phần ý kiến của người viết.

1. *Tâm kinh* quá ngắn so với các kinh khác? *Tâm kinh* (bản ngắn) không có sự hiện diện của Đức Phật? *Xá-lợi-tử* chưa hề xuất hiện trên các kinh *Bát-nhã*?

Nếu Nattier từng đọc các bản kinh ngắn trong *Tạp A-hàm* hay *Samyuktagama* thì sẽ thấy có rất nhiều “tiểu kinh” cũng ngắn như *Tâm kinh*. Từ xưa, các học giả đạo sư Á Đông cũng không thắc mắc về sự hiện hữu của các Quảng bản (các bản *Tâm kinh* dài có thêm phần Tự và phần Lưu thông), nên cũng không thảo luận về việc người sau thêm vào để cho đồng bộ với các kinh khác. Các quốc gia Á Đông chỉ dùng *Tâm kinh* ngắn; quảng bản thường chỉ phổ biến ở Tây Tạng và các quốc gia trong khu vực Tây Tạng như Nepal hay Mông Cổ. Các học giả đạo sư Á Đông xưa nay cũng không tranh luận *Tâm kinh* là một bản kinh riêng biệt, mà đa số còn

xem Tâm kinh như là bản tóm gọn tinh hoa của các kinh Bát-nhã (nên không thắc mắc việc Tâm kinh thiếu phần Tự và phần Lưu thông, hay không thấy không có sự hiện diện của Đức Phật).

Harada đã vạch ra cho thấy Xá-lợi-tử từng xuất hiện trong quyển kinh cổ nhất của các kinh Bát-nhã là Bát-nhã bát thiên kệ tụng 8.000 bài kệ (Aśtaśahasrika Prajñā Paramitā) cùng với Tu-bồ-đề và A-nan-đà).

2. Vai trò trung tâm của Bồ-tát Quán Tự Tại, là một Bồ-tát chưa từng thấy xuất hiện trong các kinh Bát-nhã khác?

Đây thêm một chứng cứ thiếu đọc của Nattier. Bà chỉ chép lại sách *Essays in Zen Buddhism* của Suzuki xuất bản từ hơn nửa thế kỷ trước. Sách này rất danh tiếng, nhưng bà không biết danh tác này cũng có chỗ lầm, và sai lầm ở đây là hai lần liên tiếp Suzuki nhắc lại rằng Bồ-tát Quán Tự Tại chưa xuất hiện trong bất kỳ bản kinh nào thuộc kinh hệ Bát-nhã. Ở đây, chỉ cần ghi rằng để bổ túc cho sai lầm của Suzuki, cả Harada Waso² và Donald S. Lopez³ từng trưng rõ Bồ-tát Quán Tự Tại (Avalokiteśvara) từng xuất hiện trong các kinh Bát-nhã khác.

3. Bản dịch T250 mà người ta quen gọi là bản dịch của Cưu-ma-la-thập không thật là của La-thập mà là của một người đời sau?

Để làm tiền đề cho giả thuyết rằng bản dịch Tâm kinh T251 của Huyền Trang (604-664) là bản “nguyên thủy” chứ không thể có bản Tâm kinh bằng Phạn văn hay Hán văn nào có trước, Nattier phải đã phá rằng không hề có bản dịch trước như bản T250 của Cưu-ma-la-thập (344-513). Tuy nhiên, việc nghi ngờ bản T250 không phải do chính Cưu-ma-la-thập dịch cũng không phải là ý kiến nguyên thủy của Nattier, vì từ nửa thế kỷ trước (1948), Edward Conze đã chủ thích cho biết theo một nghiên cứu của Matsumoto Tokumyo công bố năm 1932 thì có thể bản T250 chỉ là bản dịch của một đệ tử của La-thập mà thôi. Theo nghiên cứu của Matsumoto thì *Cao tăng truyện* viết năm 519, được coi là thư tịch cổ nhất về Cưu-ma-la-thập, không ghi quyển T250 này là dịch phẩm của La-thập. Tuy nhiên, dù Conze không khẳng định bản T250 là do chính La-thập dịch, nhưng ông vẫn chấp nhận bản T250 là bản sớm nhất. Nghĩa là bản T250 phải có trước bản T251 là bản do Huyền Trang dịch năm 649. Vì dù bản T250 chỉ là “bản dịch của đệ tử của La-thập” thì cũng không thể có bản dịch T251 của Huyền Trang sinh sau La-thập 260 năm lại có trước bản T250. Để củng cố giả thuyết này, Nattier cũng dựa vào nghiên cứu của John McRae về Tâm kinh, cho rằng tủy bản Mục lục của Đạo An (312-385) đã mất nhưng trong *Xuất Tam tạng Ký tập* (出三藏記集) T.55 của Tăng Hựu (僧祐, 445-518) viết vào khoảng năm 515 dù có tên hai bản dịch giống tên Tâm kinh T251 là *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa thần chú* (bản 1) và *Bát-nhã Ba-la-mật thần chú* (bản 2) nhưng không để tên người dịch. Chỉ có bản in sau mới cho

tên hai người dịch là Chi Khiêm (190-250) và Cưu-ma-la-thập. Bản của Chi Khiêm đã mất từ lâu, còn bản của Cưu-ma-la-thập tức là bản T250, cho nên bà cho rằng bản T250 không phải là của La-thập. Tuy nhiên, dù lý luận này có thể đúng, nghĩa là “bản T250 không phải do La-thập dịch” thì cũng không thể chứng minh là nó có sau T251. Cũng vì lý do phần cốt lõi của bản T250 rất giống với *Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa kinh* (大般若波羅蜜多經) do La-thập dịch ra Hán văn và cũng giống với *Đại Trí độ luận* của Long Thọ cũng do La-thập dịch ra Hán văn năm 405, nên bà cho rằng bản Tâm kinh T250 phải do một người nào đó sau đó quen thuộc với hai bản dịch này tạo ra.

Phần lý luận của Nattier cho rằng bản T250 không phải của La-thập hoàn toàn không vững chắc, dù người đồng thời không có ai viết La-thập dịch T250 thì cũng chưa đủ chứng minh La-thập không dịch T250. Nattier chưa chứng minh bản T250 có sau bản T251 của Huyền Trang; nhưng trong cùng bài báo của mình, bà còn cho rằng bản Tâm kinh đầu tiên Huyền Trang được thấy trước khi Tây du là bản T250. Trong khi đó, Fukui cho thấy trong *Khai Nguyên Thích giáo lục* (開元釋教錄) do Trí Thăng hoàn tất năm 730 cũng đã để tên La-thập là tác giả bản dịch T250.

Ở đây, có thể không cần đi vào tranh luận bản T250 có là do La-thập dịch hay không, nhưng nếu có giả thuyết cho rằng Huyền Trang dịch Tâm kinh (bản T251) dưới ảnh hưởng của bản dịch T250 thì giả thuyết này có xác suất đúng cao hơn, đặc biệt khi so sánh hai bản T250, T251 với các bản dịch kinh luận khác của Cưu-ma-la-thập. Có nghĩa là bản T250 dù không do La-thập dịch thì cũng phải có trước bản T251 của Huyền Trang.

Cũng cần ghi chú ở đây về quan niệm dịch (譯) của cổ đại Trung Hoa và đặc biệt là vấn đề trùng dịch (dịch lại) trong lịch sử dịch kinh luận Phật giáo ở Trung Hoa. Quan điểm này rất khác ý niệm *translation* (dịch) của ngày nay. Thí dụ như chúng ta thử xem lại phần căn bản của 8 bản Hán văn Tâm kinh mà chúng ta đang có trong Đại tạng thì chúng ta thấy ngoài dăm chữ khác biệt, về đại thể chúng y hệt nhau; thế mà mỗi bản đều có danh xưng của từng vị dịch giả với ngày tháng năm dịch lại. Cho nên, chúng ta thấy tiêu chuẩn “dịch” và “trùng dịch” của ngày xưa rất khác với quan niệm *translation* của ngày nay. Đặc biệt là với các luật bảo vệ tác quyền (copyright) thì các vị đại sư dịch giả của chúng ta ngày trước sẽ rất nhức đầu, vì rất nhiều bản dịch lại của các ngài có nhiều điểm rất giống với bản có trước.

4. Phải chăng Tâm kinh không phải có từ bản Phạn ngữ Pancavimsathisahasrika Prajñā Paramitā (Nhị vạn ngũ thiên Bát-nhã tụng) mà từ bản dịch Hán văn Đại Bát-nhã và Đại Trí độ luận? (Ý nói Tâm kinh chỉ có thể được sáng tác tại Trung Hoa)

Chúng ta nên biết *Đại Bát-nhã* là một bản kinh tự bản thân đã có nhiều bản khác nhau, đúng như Edward



Bát-nhã Tâm kinh chữ Hán

Conze đã viết trong *The Prajna Paramita Literature*. Trong Đại Chính tân tu Đại tạng kinh chúng ta hiện có đến 4 bản Hán dịch *Đại Bát-nhã*. Bản đầu tiên là do Dharmaraksa (Trúc Pháp Hộ) dịch năm 286 dài 70 trang (theo trang giấy của Tam tạng Hán văn do Đại Chính tân tu Đại tạng kinh thực hiện); đến bản thứ hai của Moksala (Vô-xoa-la) dịch năm 291 đã dài đến 148 trang, bản T233 của La-thập dịch năm 404 dài 208 trang, bản T220 do Huyền Trang dịch năm 663 dài 425 trang. Như vậy chúng tôi là chúng ta có nhiều văn bản Sanskrit của kinh này dài ngắn rất khác nhau đúng như Conze đã nói. Và quan trọng là chưa có ai xác định bản Sanskrit nào là nguyên bản của các bản dịch Hán văn chúng ta đang có.

Với những dẫn chứng của Harada Waso và Lopez, có thể thấy bà Nattier chưa hề đọc kỹ kinh điển Bát-nhã cả bằng Hán văn lẫn Phạn văn, cho nên bà không biết rằng bộ kinh *Bát-nhã* xuất hiện kéo dài cả bốn thế kỷ và các bản Hán văn lại càng không phải chỉ có mình Huyền Trang dịch, mà do rất nhiều người dịch cũng kéo dài trong nhiều thế kỷ. Trước sau đã có đến 33 người tham gia vào công trình đồ sộ này chứ không chỉ có các đại dịch giả danh tiếng như Chi-lâu-ca-sấm, Chi Khiêm, Khương Tăng Hội, Trúc Pháp Hộ, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang hay Nghĩa Tịnh. Cho nên bộ *Đại Bát-nhã* khổng lồ 600 quyển do Huyền Trang dịch là bộ kinh lớn nhất trong Đại tạng kinh Hán văn nhưng chưa bao giờ bộ này được coi là bao gồm toàn bộ kinh *Bát-nhã*, và quan trọng hơn là các bản kinh Phạn ngữ mà Huyền Trang dùng làm cơ sở chỉ là kinh điển đại biểu cho một thời đại hay một bộ phái nào đó. Ngoài các kinh này còn có nhiều bản Phạn ngữ được các dịch giả khác dịch thì là kinh điển Bát-nhã của thời đại khác và bộ phái khác.

Cho nên, bản Phạn văn *Đại Bát-nhã* mà Nattier dùng không phải là cùng một nguyên bản của các bản Hán văn có trong Hán tạng. Hiện chúng ta có nhiều bản Phạn

văn *Đại Bát-nhã* như văn bản thế kỷ IV mới khám phá ở Gilgit (Pakistan) năm 1931 và các văn bản Phạn văn được giữ ở Nepal trong nghiên cứu của Edward Conze (1947). Cho nên, điều Nattier cho rằng “việc hai bản (Phạn văn *panca* và Phạn văn *hrdaya*) giống nhau về nội dung nhưng khác nhau về ngữ vựng” cho thấy việc Nattier kết luận “có thể cắt nghĩa rằng bản *hrdaya* chỉ là bản phản dịch từ bản *Tâm kinh Hán văn*” là không chính xác.

Trong bài viết của mình, Nattier đã làm “thao tác” ngôn ngữ khi bà so sánh đoạn văn *hrdaya* với một đoạn ngắn thuộc bản Phạn ngữ *Pancavimsatisahasrika Prajna Paramita* (Nhị vạn ngữ thiên Bát-nhã tụng) để chứng minh “nội dung chúng giống nhau nhưng từ ngữ và văn pháp khác nhau”. Thêm nữa, bà Nattier còn chứng minh về văn pháp Phạn ngữ ở bản *hrdaya* không chuẩn như bản *Panca* để cho rằng người “viết” bản *hrdaya* chỉ có thể là người ngoại quốc chứ không thể là do người bản xứ Ấn Độ viết.

Thao tác đối chiếu ngôn ngữ của bà làm nhiều người không trong giới chuyên môn rất thất phục trước bài báo uyên bác của bà. Hiện nay chúng ta có rất nhiều bản dịch Anh ngữ từ bản Hán văn T251, và ai cũng có thể thấy ngay văn phạm và câu cú của các dịch bản này rất khác biệt. Có nghĩa là nội dung chúng gần giống nhau nhưng từ ngữ khác nhau; và đương nhiên nếu dịch lại từ bản Anh ngữ ra chữ Hán người ta cũng sẽ thấy những bản *tái phản dịch* không thể chuẩn như ban đầu, đúng như lời phê bình của Nattier về các bản Sanskrit và các bản dịch Hán văn của Huyền Trang và La-thập.

Vì vậy, ta có thể hiểu là Fukui nhận định Nattier chỉ mới so sánh một bản *Tâm kinh* với một đoạn *Đại Bát-nhã* và *Đại Trí độ luận* bản dịch của La-thập thì không có ý nghĩa nào cả để đòi kết luận là *Tâm kinh* giống hay sai kinh điển *Đại Bát-nhã*.

5. Không có tài liệu viết rõ Huyền Trang dịch *Tâm kinh* mà chỉ nói ngài gặp bản *Tâm kinh* lúc ở Trung Hoa, trước khi đi Ấn Độ thỉnh kinh?

Như chúng ta biết, theo *Đại Đường Đại Từ Ân tự Tam tạng Pháp sư truyện* (大唐大慈恩寺三藏法師傳) do Huệ Lập (慧立) đệ tử Huyền Trang viết, ghi lại chuyện Huyền Trang được vị Tăng lạ cho *Tâm kinh* ở chùa Không Huệ, Ích Châu trước khi lên đường Tây du, và ngày đến Ấn Độ, Huyền Trang cũng gặp lại vị sư này ở Tu viện Nalanda. Thêm vào đó là chuyện khi học ở Nalanda, Huyền Trang không thấy có quyển *Đại thừa Khởi tín luận* của Mã Minh nên Huyền Trang cũng từng dịch quyển này ra Sanskrit. Vì hai chuyện này đã khiến Nattier càng tin chính là Huyền Trang là người đã phản dịch (Back-translation) từ *Tâm kinh* chữ Hán ra bản Phạn văn *hrdaya*. Cho nên Nattier viết, “Thêm vào nữa là các bản chú sớ chữ Sanskrit đầu tiên về *Tâm kinh* chỉ xuất hiện ở Ấn Độ nhiều năm sau khi Huyền Trang đến đây... Vì vậy, cho đến khi có thêm tài liệu khác, Huyền Trang tiếp tục có khả năng chính là người phổ biến *Tâm kinh* vào Ấn Độ”.

Nhưng cũng từ đây cho thấy Nattier đã tự mâu thuẫn và chỉ muốn thấy những gì bà muốn thấy. Điển hình là tuy phủ nhận bản dịch T250 là của La-thập, nhưng lại cho bản Tâm kinh mà Huyền Trang tiếp xúc lần đầu tiên khi chưa Tây du chính là bản T250; hoặc chỉ sử dụng truyện về Huyền Trang của Huệ Lập khi phù hợp với ý kiến của bà, còn các chi tiết khác của Huệ Lập viết thì bà coi như hư thuyết. Nattier luôn luôn đòi hỏi phải có chứng cứ Tâm kinh từ các nguồn Ấn Độ, nhưng bà không biết rằng Phật giáo đến thế kỷ X đã bắt đầu bị tàn hoại ở Ấn Độ từ lâu. Đã từ lâu, người ta không hề tìm ra văn bản Phật giáo Sanskrit nào ở Ấn Độ, kể cả các sáng tác danh tiếng của một vị đại sư danh tiếng lẫy lừng như Long Thọ, thì làm sao có thể có bản Tâm kinh bằng Sanskrit ở Ấn Độ. Các kinh luận Phật giáo bằng các loại chữ Phạn trong những thế kỷ vừa qua tìm lại được, không phải từ đất Ấn Độ, mà là ở các địa chỉ khảo cổ hay các chùa cổ quanh Nepal, Tây Tạng hay ở tận phía Tây bắc Ấn Độ là Pakistan hay Afghanistan. Ngoài một số di tích, trong suốt một thế kỷ trước, người ta chưa hề tìm thấy trên đất Ấn Độ một mảnh nhỏ cổ thư Phật giáo lớn như các bộ *Đại Bát-nhã* cũng như các kinh *Đại thừa* thời hậu kỳ Bát-nhã, thì nói gì đến Tâm kinh rất ngắn nhỏ có thể tồn tại ở Ấn Độ sau 14 hay 15 thế kỷ.

Sự thực, Nattier không đủ thời gian đi sâu vào nội dung mênh mông và thư tịch Hán ngữ chữ chưa nói đến thư tịch Phạn văn. Chẳng hạn, trong *Khai Nguyên Thích giáo lục* (開元釋教錄) do Trí Thăng (智昇) soạn, khi nói về *Bát-nhã Tâm kinh* cũng còn viết “*Năm Trinch Quán thứ 23 đời Thái Tông, ngày 24 tháng 5, Pháp sư Huyền Trang đến cung Thủy Vi ở núi Chung Sơn dịch kinh này, Sa-môn Trí Nhân thụ bút*” (Thái tông Trinch Quán nhị thập tam niên ngũ nguyệt nhị thập tứ nhật, Huyền Trang Pháp sư vu Chung Nam sơn Thủy Vi cung trung dịch xuất tử kinh, Sa-môn Trí Nhân thụ bút, 太宗貞觀二十三年五月二十四日, 玄奘法師/于終南山翠微宮中譯出此經, 沙門知仁筆受).

Nattier thường lặp lại là không có học giả nào trước Huyền Trang nói về Tâm kinh hay có bản Tâm kinh nào khác trước khi có bản dịch của Huyền Trang. Bà không thấy rằng Huyền Trang từng nổi tiếng là nhà sư trẻ trí thức cũng chỉ biết đến Tâm kinh trước khi Tây du thỉnh kinh, và việc Trung Hoa thiếu kinh luận là lý do chính khiến Huyền Trang có chí nguyện Tây du.

6. Thần chú Gate thêm vào cuối Tâm kinh cho thấy rõ Tâm kinh là sáng tác của người sau và ở Trung Hoa?

Vi kinh hệ Bát-nhã xuất hiện từ thế kỷ I trước Tây lịch và tiếp tục cho đến thế kỷ IV Tây lịch, trong khi Mật tông, một tông phái chuyên trì tụng thần chú, chỉ trở thành một tông môn Phật giáo vào khoảng thế kỷ VII, do đó, Nattier lập luận rằng nếu Tâm kinh thuộc kinh hệ Bát-nhã thì tại sao lại có sự hiện diện của thần chú Gate là của Mật tông. Cho nên, việc này có nghĩa là do người đời sau thêm

vào; vì vậy, Nattier cho rằng chỉ có thể cắt nghĩa Tâm kinh là sáng tác của người Trung Hoa vào đời sau.

Quả thực, kinh luận Phật giáo thời đầu rất ít nói đến thần chú; nhưng lúc Tâm kinh xuất hiện cũng là thời xã hội Ấn Độ đang cùng cực phát triển các loại trì chú, chân ngôn. Vì vậy, Tâm kinh nhấn mạnh “*Tâm kinh có giá trị như một thần chú*” (còn việc người đời sau muốn dùng Tâm kinh làm thần chú là việc của đời sau). Không như là một thần chú thông thường, Tâm kinh còn nhấn mạnh “*là một đại thần chú, một thần chú siêu việt và cao sâu hơn tất cả mọi thần chú khác*” vì Tâm kinh có thể đưa người hành trì đến giác ngộ, trong khi các thần chú khác chỉ mang lại hiệu năng, nếu có, giải quyết một số vấn đề gần gũi và cụ thể của nhân sinh như chữa bệnh tâm thần và thân thể.

Thực tế ta thấy, Tâm kinh bằng Hán văn có mặt và nổi danh ở Trung Hoa rất lâu trước khi được dịch ra Tạng ngữ để phổ biến ở Tây Tạng và Nepal. Nhưng khi Tâm kinh đến Tây Tạng hay Nepal, trong không khí Mật giáo đang thịnh, không những bản kinh ngắn này được chấp nhận ngay mà lập tức được sử dụng như một thần chú căn bản trong mọi nghi lễ hành trì tại các xứ này. Trong khi đó, ở Trung Hoa và các xứ Đông Á, Tâm kinh chưa bao giờ trở thành một thần chú trong sinh hoạt hành trì. Như vậy, việc đưa thêm thần chú Gate vào Tâm kinh cũng không chứng minh được điều gì về nguồn gốc Tâm kinh. Do đó, việc nêu giả thuyết *viết thêm thần chú Gate vào Tâm kinh* để hỗ trợ giả thuyết *Tâm kinh là do người Trung Hoa đời sau sáng tác* hoàn toàn không có chút giá trị.

Tóm lại, bài viết của Nattier không có giá trị nào cho việc nghiên cứu nội dung Tâm kinh, và có thể nói, quan điểm cho rằng *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm kinh* là một kinh ngụy tạo của người Trung Hoa đời sau hoàn toàn không có cứ sở. Người viết khẳng định niềm tin *Bát-nhã Tâm kinh* là tinh hoa của các kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa; và bản *Bát-nhã Tâm kinh* của Huyền Trang (bản T251) chỉ là một bản dịch, xuất hiện sau bản T250 (bản Hán dịch của Cưu-ma-la-thập). Còn việc tìm ra được bản Phạn ngữ nguyên thủy viết trước các bản Hán dịch lại là chuyện khác. Sau cùng, chúng ta có thể kết luận rằng bản Hán văn *Bát-nhã Tâm kinh* quen thuộc của chúng ta (bản T251 do Huyền Trang dịch) quả thực chỉ là một bản dịch từ một bản Phạn văn. Và các bản Phạn văn chúng ta đang có nếu không phải là nguyên tác thì cũng rất gần với bản nguyên tác mà Huyền Trang đã dùng để dịch ra bản Hán văn T251. ■

Chú thích: 1. Jan Nattier; “The Heart Sutra: A Chinese Apocryphal Text?,” *Journal of the International Association of Buddhist Studies* 15, No.2 (1992): 155-223. **2.** Harada Waso, *History of the Establishment of Prajnaparamitahridayasutram*, 2020. **3.** Donald S. Lopez, Jr. *The Heart Sutra Explained: Indian and Tibetan Commentaries*; State University of New York Press, 1988.



Bên kia trăng quế

Vẫn thênh thang

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



Thị tịch

*Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhân
Tứ thập dư niên mộng huyễn gian
Trần trọng chư nhân hưu tá vấn
Na biên phong nguyệt cánh mạn khoan.*

Dịch:

Muôn duyên cắt đứt một thân nhân
Hơn bốn mươi năm mộng huyễn gian
Trần trọng nhân người thôi chờ hỏi
Bên kia trăng gió vẫn thênh thang.

Đây là bài kệ thị tịch của Thiền sư Pháp Loa (1284-1330), Đệ nhị tổ phái Trúc Lâm Yên Tử. Qua bốn câu kệ này chúng ta có thể tìm hiểu ngài đã sống ra sao, và giải thoát của ngài là như thế nào.

Thiền sư Pháp Loa tên là Đồng Kiên Cương, người tỉnh Hải Dương. Năm 21 tuổi, gặp Sơ tổ Trần Nhân Tông theo ngài học đạo. Năm 24 tuổi (1307) được ngài Trần Nhân Tông trao y bát, đặt tên là Pháp Loa, trở thành Tổ thứ hai của dòng Thiền Trúc Lâm.

Sư xây dựng và trụ trì nhiều chùa như Siêu Loại, Quỳnh Lâm, Vĩnh Nghiêm, khắc bản Đại tạng kinh, giảng kinh *Hoa nghiêm*, *Viên giác*, viết chú sớ vài bộ kinh, in ấn và giảng các ngữ lục của tông phái, và độ

cho nhiều người trong triều đình và dân chúng.

Tóm lại trong cuộc đời làm Tổ thứ hai, ngài có nhiều hoạt động Phật sự, nhất là tổ chức đời sống Phật giáo thành hệ thống Thiền Trúc Lâm. Chúng ta thử hình dung, để kể tục sự nghiệp đạo của vua Trần Nhân Tông, lại còn mở mang thêm tông phái, công việc của vị ấy như thế nào.

Thế mà xem ra ngài ung dung, nhàn hạ, có vẻ không bị cái gì trói buộc, bởi vì nếu bị trói buộc nhiều thì không dễ gì "cắt đứt", dù là lúc cuối đời:

Muôn duyên cắt đứt một thân nhân.

"Một thân nhân" này là thân trần thế, hay là sắc thân, có sanh ra và có diệt mất, thân của sanh lão bệnh tử, thân của nhân quả nghiệp báo. Vậy tại sao lại nói thân ấy nhân. Sắc thân sở dĩ nhân được, là vì nó kết nối được với pháp thân, với nền tảng của chính nó là pháp thân.

Mà pháp thân thì không sanh không diệt, như kinh *Hoa nghiêm* nói:

*Pháp thân vốn vô sanh
Mà thị hiện xuất sanh
Pháp tánh như hư không
Chư Phật trụ trong đó.
Không trụ cũng không đi
Mọi nơi đều thấy Phật*

Vô thể vô sở trụ
Cũng không có chỗ sanh
Không tướng cũng không hình
Chỗ hiện đều như bóng.
(Như Lai hiện tướng, phẩm thứ hai)

Sắc thân khi không biết nguồn gốc của nó, không biết nền tảng pháp thân từ đó nó xuất sanh, thì sắc thân ấy là chúng sanh, lạc lõng trong sanh tử, không biết mình sanh ra từ đâu, sống để làm gì, chết đi về đâu. Với người biết được nền tảng, gốc gác của cuộc đời trần thế của mình, biết và sống được chỗ quy y tối hậu của mình, thì không lo sợ mà nhàn nhã, an vui.

Người chỉ biết và sống hoàn toàn trong sắc thân có sanh có diệt thì những kinh nghiệm của người ấy cũng là sanh diệt, do đó mà đưa đến khổ đau, trôi lăn trong sanh tử. Còn người biết và sống, dầu có thể chưa hoàn toàn, trong pháp thân không sanh không diệt thì cuộc đời thế gian của người ấy xuất hiện như mộng như huyễn, không bị trói buộc vì bám chấp vào những cái vô thường, không thật. Cuộc đời thế gian đối với người này chỉ như viết trên mặt nước, vẽ giữa hư không.

Câu thứ hai của bài kệ cho chúng ta biết ngài Pháp Loa đã nhìn cuộc đời thế gian của ngài như thế nào:

Hơn bốn mươi năm mộng huyễn gian.

Ngài đã thấy cuộc đời hoạt động giữa thế gian của mình như mộng, như huyễn. Sở dĩ như vậy vì cuộc đời sắc thân của ngài đã kết nối và sống được với pháp thân. Và khi sống được trong pháp thân thì sẽ thấy cuộc đời sắc thân là như mộng, như huyễn, như ảo ảnh, như tiếng vang, như trăng trong nước...

Kinh Hoa nghiêm nói về người sống trong pháp thân như sau:

*Như Lai tạng pháp thân
Vào khắp trong thế gian
Dầu ở nơi thế gian
Mà không nhiễm thế pháp.
Ví như nước trong sạch
Hình bóng không đến đi
Pháp thân khắp thế gian
Nên biết cũng như vậy.
Thân, thế gian thanh tịnh
Lặng dừng như hư không
Tất cả không có sanh
Biết thân là vô tận.
Không sanh cũng không diệt
Chẳng thường chẳng vô thường
Thị hiện các thế giới
Pháp tánh không đến đi.
Chẳng chấp ta, của ta
Ví như nhà huyễn thuật
Hiện hiện các sự vật
Sự không từ đâu đến*



Chùa Thanh Mai do Như Tổ lập
Nguồn: sgtiep.vn

*Sự không đi về đâu.
Tánh huyễn chẳng hữu lượng
Cũng chẳng phải vô lượng
Ở trong đại chúng kia
Thị hiện lượng vô lượng.
(Phổ Hiền hạnh, phẩm thứ 36)*

Sống trong “mộng huyễn gian” là sống trong giải thoát, mặc dầu vẫn sống ở đời để làm việc đạo. Đó là cuộc sống “dầu ở nơi thế gian, mà không nhiễm thế pháp”, một cuộc sống tự tại, tự do vì thấy và sống được bản tánh của mọi sự, pháp tánh, mà pháp tánh thì “không đến đi”, nghĩa là không sống chết.

*Trần trọng nhân người thôi chờ hỏi
Bên kia trăng gió vẫn thênh thang.*

Ngài Pháp Loa đã chứng ngộ pháp thân, thế nên ngài mới được làm Tổ thứ hai. Ngài đã chứng ngộ pháp thân hay pháp tánh, mà “pháp tánh như hư không, chư Phật trụ trong đó”.

“Bên kia trăng gió vẫn thênh thang” nghĩa là bên kia là “pháp tánh như hư không, chư Phật trụ trong đó”. Ngài đã biết rõ cái bên kia là gì nên trước việc sắp bỏ sắc thân, ngài vẫn điềm nhiên “nhắm người thôi chờ hỏi”, lại còn từ bi khai thị cho mọi người cái chỗ sẽ đến của mình “bên kia trăng gió vẫn thênh thang”.

Với người bình thường, cái bên kia là cái hoàn toàn xa lạ, chưa từng biết. Chưa từng biết cho nên sợ hãi. Với ngài cái bên kia là cái quen thuộc, cái vẫn sống hàng ngày không lìa khỏi nó, cho nên chuyện ra đi không phải là cái gì ghê gớm đáng sợ. Có đến thì có đi, đâu có gì mà phải thắc mắc. Có điếu cả đến và đi, với ngài, đều nằm trong pháp thân, cái không sanh không diệt, cái bao la như hư không, cái không đến không đi.

Với người đã chứng ngộ pháp thân như ngài thì bên kia là pháp thân mà bên này cũng là pháp thân. Bên kia là pháp thân không “xuất sanh”, không “thị hiện”, và bên này là pháp thân “xuất sanh, thị hiện”. Cho nên cuộc đời bên này với hơn bốn mươi năm của ngài cũng là “trăng gió vẫn thênh thang”.

Như vậy, Thiền sư Pháp Loa đã sống Niết-bàn trong sanh tử và sống sanh tử trong Niết-bàn. ■



Việc xử phạt quan lại phạm tội dưới triều nhà Lê



TÔN THẮT THỌ

Lê Thánh Tông (1442-1497) là vị vua thứ năm của nhà Hậu Lê. Nhà vua trị vì từ năm 1460 đến khi qua đời năm 1497. Trong 37 năm trị quốc, vua đã ban bố nhiều chính sách nhằm hoàn thiện bộ máy quan chế, hành chính, kinh tế, giáo dục, khoa cử, luật pháp và áp dụng các giá trị Tân Nho giáo vào việc trị an, khiến Đại Việt trở thành một quốc gia ổn định và văn minh vào thời kỳ đó.

Trong thời gian trị vì, vua đã chia đất nước làm 13 thừa tuyên và đặt phủ Phụng Thiên trực thuộc để đô Đông Kinh, sai quan nghiên cứu hình thể núi sông mà đóng thành *Bản đồ Hồng Đức*.

Vua rất chú trọng tới việc tiến cử, cất nhắc quan lại tài năng, liêm khiết và nghiêm khắc bài trừ tệ tham nhũng, biếng nhác, phóng đảng và vô đạo đức trong giới quan chức. Đặc biệt, ông rất thận trọng trong việc tuyển lựa quan lại, những người thi hành chính lệnh của nhà vua và đạo đặt lên vua ý nguyện của dân.

Vua Lê Thánh Tông đã quy định rất phân minh và chặt chẽ chế độ quan lại; yêu cầu quan lại phải thanh liêm, cẩn mẫn. Nếu không làm tròn nhiệm vụ của mình sẽ bị trừng phạt rất nặng bằng các điều đã được quy định trong bộ *Quốc triều Hình luật*.

Vua là người luôn thực thi đường lối lấy pháp luật để trị nước, đưa nhà nước Đại Việt nửa sau thế kỷ XV trở thành một nhà nước hùng mạnh, làm kiểu mẫu cho các thời vua sau noi theo.

Ông thường nhắc nhở quan lại:

"Pháp luật là phép công của Nhà nước, ta cùng các người phải tuân theo.

Một khi phép tắc đã định ra, phải kính cần duy trì và thực hiện..."

"Đặt luật để hết gian xảo, sao còn dùng kẻ coi thường pháp luật? Đặt quan để hết kiện tụng, sao còn cái tệ bán rẻ chức quan? Việc cấm chấp nếu không nghiêm, mỗi tranh giành sao đẹp được".

(*Cổ luật Việt Nam*, tr.7)

Dưới thời vua trị vì, các vị quan nào không làm tròn bốn phận chăm nom, săn sóc dân, lại sách nhiễu, hành hạ khiến dân chúng phải lưu vong đi nơi khác, hay túng cùng mà làm bậy sẽ bị bãi chức hay tội đồ.

Trong *Quốc triều Hình luật*, điều 1 chương *Hộ hôn* ghi:

"Các quan ti làm việc ở ngoài, nếu không biết làm việc lợi, trừ việc hại để dân trăm họ phải phiền bặt đi nơi khác, hộ khẩu bị hao hụt vì có trộm cướp tụ họp ở trong hạt, thì xử tội bãi chức hay tội đồ; nếu không bắt trộm cướp và không tâu trình, thì phải xử tội tăng một bậc; nếu có phản nghịch ẩn núp trong hạt mà không mật tâu và truy bắt thì bị tội nhẹ hơn tội phản nghịch một bậc".

(*QTHL*, tr.66).

Các quan phải có nhiệm vụ làm cho dân giàu, phải lo bảo vệ tài sản, hoa màu của dân để làm cho dân được sung túc mà an cư lạc nghiệp.

Điều 86 chương *Vi chế* ghi:

"Việc giữ đê không vững vàng hoặc quan giám đường (trông coi việc giữ đê) không ra sức giữ gìn để cho nước lụt làm vỡ đê, làm mất hoa màu của dân thì quan lộ và quan giám đường bị xử tội biếm hay bãi chức..." (tr.50).

Khi thi hành chính lệnh của triều đình, các quan ngoại nhiệm phải luôn luôn dùng lễ giáo mà cảm hóa dân, tự mình phải ăn ở sao để đáng làm gương mẫu cho dân.

Điều 85 chương *Tạp luật* ghi:

"Các quan ti say mê tửu sắc, để phương hại đến việc quan thì bị xử tội biếm hay bãi chức..." (tr.124).

Vị quan nào không lo làm tròn nghĩa vụ mà lại còn cậy chức cậy quyền của mình mà sách nhiễu, hiếp đáp dân hoặc tự tiện xâm chiếm đồ đạc của cải của dân thì sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Điều 67, chương *Vi chế* và điều 80 chương *Tạp luật* quy định:

"Từ các quan tướng súy tại các phiên trấn, đến những quan châu huyện ở trấn mình, sách nhiễu tiền tài của dân thì bị biếm ba bậc, phải bồi gấp đôi số tiền đã lấy để trả lại cho dân. Quan tôn thất tử nhĩ phẩm trở lên can tội ấy, bị phạt tiền một trăm quan; những người gia thuộc làm việc sách nhiễu để làm rối loạn trong hạt thì luận tội khác. Khi chiều dụ dẹp yên dân mừng mãn mà tự tiện phá nhà cửa, lấy súc vật, tài sản của dân, thì bị biếm hay bị đồ phải bồi gấp đôi số tiền trả cho dân".

"Các quan cai quản quân dân các hạt vô cớ mà đi đến những làng xã trong hạt hay là vợ con, người nhà đi lại mượn việc mua bán làm cớ, để quấy nhiễu quân dân, lấy của biếu xén, thì phải tội biếm hay bãi chức..."

Quan chức hiếp đáp người dân như trong trường hợp quân giám dân vùng cao, biên ải, bắt dân vô tội, giam cầm trái phép, thì phải phạt đánh 60 trượng, giáng chức hai bậc; thuộc lại mà phạm tội thì phải đồ khảo đình...

Quan chức nhận hối lộ, hoặc tự tiện lấy đồ vật của dân thì bị trừng phạt rất nặng như các quan ty mà nhận hối lộ từ 1 đến 9 quan thì tội biếm hay tội bãi; từ 10 quan đến 19 quan lĩnh tội đồ hay tội lưu; từ 20 quan trở lên lĩnh tội chém. Đối với những công thần, quý thần, cùng những người có đại tài được mời dự vào hàng bát nghị mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì phạt tiền 50 quan; từ 10 quan đến 19 quan phạt tiền từ 60 quan đến 100 quan. và từ 20 quan trở lên lĩnh tội đồ (điều 42 chương *Vi chế*). Vị quan nào tự tiện lấy đồ vật của quân dân mà dùng vào việc tư thì phải tội như tội ăn hối lộ và phải bồi thường gấp đôi cho quân dân (điều 87 chương *Vi chế*)...

Những biện pháp trừng phạt quan chức phạm tội bằng những điều luật cụ thể cho thấy tầm nhìn của nhà vua nhằm triệt để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, buộc các quan phải siêng năng, có trách nhiệm cao nhất trong phần việc của mình.

Có thể nói rằng vua Lê Thánh Tông đã có công rất lớn trong việc hoàn bị nền hành chính, tổ chức lại triều đình có trật tự, đặt ra luật pháp nghiêm minh. Bộ luật



Hồng Đức là một bước tiến lớn cho nền luật pháp nước nhà. Luật quy định điều khoản rõ ràng khiến các triều đại sau lấy đó làm khuôn phép noi theo.

Nhận định về bộ luật *Hồng Đức*, sử gia Phan Huy Chú viết:

"Hình luật đời Hồng Đức, các đời đều tuân theo, dùng làm phép sẵn, dù các điều mục nhỏ nhặt có thêm bớt, song đại cương chế độ bao giờ cũng vẫn theo đó, thực là cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân..."

Những nhận định đó cũng tương tự như lời khen của sử gia Maybon viết trong cuốn *Lectures sur l'histoire moderne et contemporaine du pays d'Annam de 1428 à 1926*, xuất bản tại Paris năm 1919:

"Nhà vua (vua Lê Thánh Tông) tỏ ra là một nhà cai trị khôn khéo và ta có thể nói rằng tổ chức của nước Nam đã bắt đầu từ đời này". ■

Tài liệu tham khảo:

- *Cổ luật Việt Nam*, Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, 2009.
- *Quốc triều Hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, 2009.
- *Lịch triều hiến chương loại chí*, T.3, Quan chức chí, Phan Huy Chú, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.



Pháp Phục An Nghiem Nét Thiên Trong Từng Đường Kim Mũi Chỉ

Từ bao ngàn năm, Phật giáo hòa nhập và phát triển cùng với những thăng trầm của đất nước. Đạo Pháp và Dân tộc đã hòa cùng nhau như nước với sữa. Văn hóa Dân tộc ẩn hiện những hình ảnh đặc trưng về những nét văn hóa Phật giáo rất riêng của đất nước Việt Nam, để thấy hình ảnh đạo vào đời thật bình dị và cao đẹp biết bao.

Từ tấm lòng mến đạo, yêu đời mà Phật tử An Nghiem đã gửi gắm những tình cảm mến thương ấy vào từng bộ pháp phục An Nghiem với hình ảnh chiếc áo dài quốc phục. Với sự phát triển của đời sống xã hội, người Phật tử chính là những cánh tay nối dài để mang đạo vào đời.

Dẫu biết, với người Phật tử thì chiếc áo chỉ là một phương tiện, gạch nối để đưa tâm hồn con người trở về với Phật. Người Phật tử hoàn toàn có thể lựa chọn những kiểu dáng, màu sắc mới, phù hợp với thời đại. Song vẫn cần một tâm hồn đẹp trước tiên, sau đó mới đến nhu cầu về pháp phục, chứ không phải điều ngược lại.

Bên cạnh việc tu tập thì nhiều người Phật tử còn là những doanh nhân, những giảng viên, những bác sĩ, kỹ sư... cũng phải làm tròn bổn phận của mình với xã hội và đất nước. Do vậy, họ vẫn mong muốn thông qua hình ảnh của mình, là phương tiện đại diện hình ảnh của một người Phật tử, đó còn là một niềm tự hào khi được là con Phật.

Từ đó, An Nghiem đã thông qua những bộ trang phục có thể toát lên nét an nhiên, thanh nhàn và sự trang nghiêm qua hình tượng của những người Phật tử. Bằng sự phối hợp khéo léo giữa màu sắc và họa văn để rồi điểm đậm hòa hợp cùng nhau trên chiếc áo, chuyển hóa, gửi tặng lại cho đời những trái ngọt hoa thơm trong an bình. Và các Phật tử sẽ có thêm nhiều lựa chọn hơn với các loại pháp phục, để hình ảnh của mình thêm đẹp và trang nghiêm khi về với chốn thiền môn. Và khi khoác lên mình chiếc áo An Nghiem để luôn có cảm giác thấy một điều gì đó thoát tục, tâm hồn mình thấy thông dong, nhẹ nhàng và thanh thản hơn, không còn nhiều vướng bận, những mệt mỏi âu lo, mà biết nhắc mình trở về sống với niềm an vui trong thực tại.



- 380/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. HCM
- Sala Mart: 36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Zen House: 60/2 Văn Côi, P.7, Q. Tân Bình, TP. HCM
- 263 Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long - ĐT: 0823 038666
- 15 Trần Quang Diệu, Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội - ĐT: 0916 503 779

- Facebook: An Nghiem Facshion
- Website : Annghiem.vn

Giới thiệu sách hay:

Trà Thượng Ty

54 giai thoại về Trà



Việt Nam tự hào về những rừng chè cổ thụ bậc nhất thế giới và gìn giữ phong cách uống chè tươi độc đáo từ nghìn năm. Trà đã là cuộc sống và văn hóa của người Việt. Bao lời hay ý đẹp về cây chè và phong tục uống trà đã được nhắc đến trong ca dao Việt Nam.

*"Ai lên chợ Thái buồn chè
Để tôi buồn ấm ngồi kể một bên
Chè ngon nấu với ấm bên
Chè ngon được ấm, ấm bên được lâu"*

Việt Nam còn có một vị thánh trà, tìm ra được trà không ai khác, đó là Thiến Sư Tuệ Tĩnh. Người đã xây dựng được nền móng y học cổ truyền của dân tộc Việt Nam, đề cao giá trị của thuốc Nam. Phát triển trồng cây chè, dùng trà để giải khát. Chính Thiến sư là người đã khẳng định phẩm chất của trà Phương Nam không chỉ là loại thức uống thông thường mà còn ẩn chứa nhiều dược tính quý giá.

Trong sách trực giải chỉ nam dược tính phú ghi: "Trà vốn thanh tâm giải khát, uống một bát thì muôn điều lo nghĩ đều tiêu tan"
Và còn rất nhiều bài thuốc trị bệnh từ cây trà do thiến sư truyền dạy lại vẫn được ứng dụng hiệu quả cho đến ngày nay.

Thật vậy, trà như một loại thần dược quý trị liệu cả thân lẫn tâm. Thú uống trà là thú vui tao nhã, lành mạnh và cũng là nét văn hóa đẹp của dân tộc Việt Nam. Người biết uống trà, chính là người biết nhận ra sự có mặt của mình ở hiện tại, biết hưởng thụ những giây phút an yên tĩnh lặng của tâm hồn.

Hơn nửa đời dành cho trà, nghiên cứu về cây trà và các loại trà, trên hành trình sống và thờ cùng trà. Bên cạnh nhiều bài nghiên cứu giá trị về cây trà và tìm ra được cách chế biến các loại trà ngon, quý hiếm. Nâng cao giá trị cây trà, đưa trà Việt Nam giới thiệu ra thế giới. **Nghệ Nhân Nguyễn Ngọc Tuấn đã sưu tầm và biên soạn cuốn "Trà Thượng Ty" với 54 giai thoại về Trà.**

"Bí quyết sao chè của mỗi nhà làm trà là sự kiên nhẫn và tinh tế trong suốt quá trình làm. Phải thật sự am tường về độ lửa, hiểu đặc tính lá chè và điều luyện kết hợp Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, để rồi nắn nót làm ra những cánh trà nhỏ nhắn, xinh xắn, quyến rũ."

Tiêu chuẩn được đánh giá theo bốn tiêu chí: Sắc, thanh, vị, thần.

Sắc: Biểu hiện cánh trà khô nhỏ, đều đặn và cong như móc câu. Lúc nhìn thẳng thấy màu xanh đen, khi nhìn nghiêng thấy sắc xanh ánh thép.

Thanh: Là nói đến màu nước trà trong và sáng.

Vị: Là vị bùi béo, đậm hương thơm, vị ngọt đọng lâu trong miệng.

Thần: Là sự sáng khoái vô cùng cho người thưởng thức.

Khi hội đủ bốn tiêu chí trên sẽ được vinh danh "Trà Thượng Ty".

**Trích trong: Trà Thượng Ty
Nghệ Nhân Nguyễn Ngọc Tuấn**

Sách đã bán tại:

- Hệ thống nhà sách Fahasha
- Hệ thống nhà sách NXB Tổng Hợp TP. HCM
- Nhà sách Thăng Long
- Nhà sách Minh Khai
- Hệ thống Song Hỷ Trà
- Đặt mua sách Online: www.bachhoa1968.com



Hoa Tâm Việt Giảm 10%

**Cho những ai đặt hoa
để Tri ân các đấng sinh thành**



Lớp học Cắm Hoa Cơ Bản
sáng thứ 7 hàng tuần
(Giới hạn 10 học viên)



Lớp học cắm hoa "One to One" 1-1
cùng cô Phan Thị Ngọc Mai



Lớp học cắm hoa miễn phí dành cho Chư Tôn Đức Tăng Ni
ngày 16AL hàng tháng (Giới hạn 10 người)



Mời quý vị cùng ghé thăm **không gian Hoa An Nhiên**

Chỉ với 50 ngàn đồng (Miễn phí trà các loại) để thư giãn cùng hoa trong không gian tĩnh lặng, yên bình. Tự tay cắm những bình hoa theo sở thích của mình để mang về nhà. Phí hoa lá tính theo từng loại theo sở thích của mỗi người.

ĐỊA CHỈ: 149 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3, TP.HCM. **HOTLINE:** 0915.606.518 - 0911.580.818

Cung cấp sỉ, lẻ các loại hoa tươi nội ngoại nhập, hoa quà tặng, hoa thăm, viếng, chúc mừng.
Nhận tư vấn, thiết kế và thi công hoa các sự kiện lớn nhỏ trong và ngoài nước.



ĐIÊU KHẮC ĐÁ HỒNG TÂM

Địa chỉ: Lô 11-12 đường Lê Thành Phương,
phường Hoà Hải, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng
Email: dieukhacdahongtam@gmail.com



093.255.6247



www.tuongdanonnuoc.vn



VĂN HÓA PHẬT GIÁO

TỌA ĐÀM KỶ NIỆM

Số: 350



Quét mã QR-Code

(Mời xem phóng sự - Tọa đàm)



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

01

Vào trang web <http://butta.vn>

từ trình duyệt trên máy điện thoại:



02

Ấn nút



hoặc



03

Ấn nút

NHẬN

hoặc

Cài đặt

tại kho ứng dụng

04

Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin:

Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản

05

Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



"Gạo thơm đất mẹ - Gạo sạch từ tâm"

- Canh tác theo quy trình hữu cơ
- Thành phần dinh dưỡng cao
- Hương thơm tinh tế • Vị ngon tuyệt vời
- An toàn cho người dưỡng sinh



Gạo sạch được trồng tại
Ôc Eo, Thoại Sơn, An Giang
theo quy trình hữu cơ. Do VNAGro kết hợp
với nhà lai tạo giống Danh Văn Dưỡng
độc quyền bảo tồn và phát triển.



Gạo Lứt Hồng Ngọc



Gạo Tím Ôc Eo

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẢN ĐỊA VIỆT. 337-339 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. HCM

Hotline: 0799131406 - 0859065566

 **TÔN HOA SEN**



**MỘT LẦN CHỌN ĐÚNG
CẢ ĐỜI AN TÂM**



HOA SEN GOLD
CHẤT LƯỢNG VÀNG

BẢO HÀNH CAM KẾT 30 NĂM



www.hoasengroup.vn